

TAO DÀN

tủ sách
Goncourt

Giải
GONCOURT
1990

Jean
ROUAUD

CHIẾN TRƯỜNG
vinh quang



Phạm Duy Thiện dịch

vh

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC



Jean Rouaud

—

Sinh ngày 13/12/1952 - nhà văn người Pháp. Ông nghiên cứu văn học hiện đại ở trường Đại học Nantes, sau khi lấy bằng thạc sỹ, ông đã làm nhiều công việc khác nhau như bơm khí, hoặc bán sách khoa toàn thư y tế. Năm 1978, ông cộng tác với tòa soạn Presse-Océan. Sau đó chuyển đến Paris, ông làm việc trong một hiệu sách, và rồi bán báo trong kiosk. Năm 1988, ông gặp Jérôme Lindon — Giám đốc cũng là Tổng Biên tập của nhà xuất bản Minuit, người đã phát hiện ra tài năng văn chương của ông.

CHIẾN TRƯỜNG VINH QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH TAO ĐÀN

12C Hàng Than - Ba Đình - Hà Nội

Tel: 04. 2214 9698 | info@sachtaodan.vn

www.sachtaodan.vn | [FB/sachtaodan](https://www.facebook.com/sachtaodan)

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp

Les Champs d'honneur

Copyright © Éditions de Minuit, 1990

Bản quyền tiếng Việt © Công ty cổ phần sách Tao Đàn, 2016

ISBN: 978-604-69-9131-1

JEAN ROUAUD

CHIẾN TRƯỜNG
VINH QUANG

Người dịch

PHẠM DUY THIÊN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

1

Bỗng nhiên, chúng tôi khám phá ra bí mật ấy - đó là vòng xoáy định mệnh, một chuỗi tăng dần của nỗi buồn - một bí mật đã tồn tại từ bao đời nay - nhưng mỗi lần lại bị che đậy và rồi lại bất ngờ được tiết lộ, giáng xuống đầu khiến chúng tôi ngờ ngạc, u mê vì đau đớn. Chính ông ngoại là người sau cùng đã khép lại vòng xoáy ấy, như thể nói rằng các-người-hãy-nhớ-lấy-điều-này nhưng vô ích. Vòng xoáy đeo bám ấy làm như chúng tôi chưa từng rút ra bài học gì. Đòn giáng lần này thậm chí vô cùng nhanh gọn, nhưng với ông thì nó diễn ra đúng thời điểm. Vào một buổi tối, không một triệu chứng, chẳng dấu hiệu gì, tim của ông mất nhịp. Có lẽ tuổi của ông đã là dấu hiệu, nhưng người ta chưa từng thấy cái tuổi bảy mươi sáu từng ảnh hưởng đến ông. Hay bởi những sự kiện vừa qua đã tác động đến ông nhiều hơn chúng tôi nghĩ. Ông ngoại, một người đàn ông bí ẩn, xa cách, gần như lúc nào cũng lơ đãng, thêm vào đó, sự tinh tế quá mức trong cách

sống và cách cư xử của ông có gì đó mang tính cách Trung Hoa. Trông tướng mạo ông cũng thế: cặp mắt nhỏ mí xẻ, đôi lông mày vút cong như góc mái của ngôi chùa và màu da ngả vàng nhưng không phải là do di truyền từ tổ tiên gốc châu Á nào (hoặc là tổ tiên xa xưa, qua việc đi xâm lược - một gen trội), mà đúng hơn là vì ông ngoại hút thuốc quá nhiều, một nhãn hiệu thuốc lá hiếm chỉ thấy mỗi mình ông hút - những gói thuốc màu xanh hạnh nhân với nét chữ cũ kỹ, mà khi thì ông bảo mua từ Nga lúc chúng tôi hỏi ông về nguồn gốc, nhưng khi khác ông lại bảo, cũng với vẻ nghiêm túc ấy, ông mua từ Pampelune, hành tinh nằm sau mặt trăng. Có lẽ sau khi ông mất, người ta cũng sẽ ngưng sản xuất loại thuốc ấy. Quả thật, một mình ông tiêu thụ hết cả một ruộng thuốc lá, vừa châm điếu thuốc mới bằng mẫu tàn cũ, vừa lái chiếc xe 2CV của mình như đang đua tranh tài. Ngón cái và ngón trỏ của tay phải kẹp đót thuốc cũ, môi ngậm điếu thuốc mới, ông chăm chăm nhìn vào chằm lửa đỏ mà không quan tâm đến con đường nữa, với phong thái nhẹ nhàng, ông chăm chú nhả từng vòng khói cho đến khi xuất hiện một làn khói mỏng phía trên công tắc xe. Và thế là, ông ngả đầu ra sau để không bị mờ mắt do khói thuốc đang kết thành làn mây dày bao quanh và sẽ tan biến chỉ bằng một cái phất tay, ông dùng cùi chỏ mở phần kính bên dưới cửa xe, vút đầu thuốc bằng cử chỉ nhanh

gọn, mắt vẫn không nhìn con đường, rồi đột ngột bẻ lái khiến mọi người trên xe chao đảo tứ phía. Có lẽ bởi tuổi già nên không còn ý thức, hoặc bởi sống cuộc đời dài kinh qua nhiều thử thách khiến ông miễn nhiễm với sợ hãi. Về sau, không còn nhiều người dám lên xe cùng ông nữa. Các anh em họ thời niên thiếu (việc ấy xảy ra hai hay ba lần, bởi chúng tôi ít gặp nhau) đã nghĩ ra việc quấn một tấm khăn choàng hoặc một cái cà vạt mượn của bố họ quanh trán, ngồi bên cạnh ông ngoại và hét to từ “Banzai”¹ như những cảm tử quân Nhật. Để đáp lại hành động cảm tử của họ, điều tốt nhất nên làm là dùng khăn mùi soa vẩy vẩy hoặc giả vờ rơi nước mắt. Thực tế, ai cũng biết vận tốc chậm chạp của con xe 2CV không phải là mối nguy hiểm lớn, nhưng những lần lấn vạch vàng liên miên, những cú lạc tay lái chạy sang đường bên trái, những lúc cán lề đường gây ra những cú dằn sóc cực hình, và những cú lách xe hiểm nghèo: ai xuống xe cũng xanh mét như vừa đi trên chuyển tàu ma.

Với những tình huống điều khiển xe phức tạp, đừng mơ đến việc đề nghị giúp ông bằng cách cảnh báo. Thật sự vai trò ấy cũng không cần thiết lắm.

Chúng tôi thậm chí xem đây là điều bực bội khi

1. Banzai: Tương tự như hô “vạn tuế”.

Tất cả các chú thích trong sách nếu không nói gì thêm đều của người dịch.

không phải chính mình làm chủ được tay lái – những động tác hơi buồn cười quay quay một tay lái ảo trong không gian. Nhưng với ông, chúng tôi cứ như những kẻ lãng xãng. Cho dù chúng tôi có cảnh báo ông, có đưa hai tay lên sát nhau để ra hiệu rằng chướng ngại vật chỉ còn cách xe vài centimet, ông vẫn hờ hững nhìn chúng tôi, qua làn khói thuốc, và bình tĩnh chờ đến khi thanh chống sốc của xe báo ông biết có chướng ngại vật. Với kiểu lái xe ấy, cái thùng xe bị biến dạng mọi chỗ, hai bên hông xe bị bẹp, mấy cánh cửa xe bị vênh. Vì thế, chiếc xe được gán cho cái biệt hiệu *Lôi Lõm*. Dù ông ngoại có biết điều này, ông cũng tỏ ra thờ ơ không hề có cảm xúc gì, và có vẻ như ông vẫn chỉ luôn nghĩ chúng tôi như bọn nhãi con, hay đại loại thế. Cũng có thể ông chẳng quá quan tâm đến biệt danh của xe.

Khi trời mưa như trút, không phải là chuyện bất thường ở vùng ven bờ Đại Tây Dương, chiếc xe 2CV bị lắc lư do gió lốc, hì hục chống chọi gió, nước tạt vào từ tứ phía, trông như một chiếc tàu buôn cũ nát ra khơi trên đại dương bao la bất chấp thời tiết. Mưa dồn dập xuống ca-pô mảnh mai của xe, sấm chớp ùng ùng, đe dọa, vang lên bên trong xe như tiếng gọi từ lòng đại dương sâu thẳm. Mưa len lỏi qua một lỗ rồi nhiều lỗ bé xíu trên trần xe chui vào bên trong, tạo thành những giọt nước, to dần dần lên, từ từ kéo giãn ra, run rẩy, đứt đôi rồi rơi thẳng xuống một cái

đầu, một cánh tay, một đầu gối, hoặc giả ghế còn trống, thì rơi vào chỗ lõm của ghế ngồi, cho đến lúc tạo thành một vũng nước đọng lớn nếu chỗ ấy còn có thêm rãnh, cần phải lau khô nước mới ngồi lên được. Cái kiểu đồng hồ nước thô sơ này nhanh chóng biến thành một cục hình, vì ngoài việc chịu đựng từng giọt mưa rơi đều đều trên đầu, lại còn thêm nước mưa lâu lâu tạt vào hai bên thành xe. Mưa hắt vào qua những khe nổi trên cửa xe - cũng đủ làm ướt nếu đi đoạn đường dài. Thoạt đầu, chúng tôi cố gắng làm theo kiểu của ông, tỏ ra bình tĩnh như thể đang đi xuyên qua một bức tường bí ẩn, như thể đang cùng ông kiểm chứng rằng “mọi thứ này” (đó là cách nói của ông, kiểu thoái thác và mệt mỏi) rốt cục chỉ là một chuỗi những định kiến, và mưa là một ý tưởng, một biến thể, một sự phản chiếu ảo ảnh của vũ trụ. Hẳn đó là trong trường hợp khi tinh thần đạt đã cảnh giới, khi thân xác đã rời bỏ vật chất để thăng thiên - hoặc ở trong những chiếc xe tiện nghi, tĩnh lặng và khô ráo, cho cảm giác đang nhẹ bước lên mây - nhưng, ở đây tiếng tí tách nhẹ rơi trên các thanh rỉ sét của cửa xe và để lại những đốm li ti trên ghế vẫn tiếp tục một cách cứng đầu. Sau vài phút yoga ướt nhẹp, không thể thắng nổi cái hiện thực tàn nhẫn, chúng tôi đành phải lấy khăn tay ra lau mặt. Chính bởi vì phải chịu đựng nguyên tắc của nhiều sự việc nhỏ bé gò bó như vậy

mà từng lúc từng lúc, tuổi thơ bị xô dạt trong sự biến đổi chậm chạp của sự sống.

Nhưng kì lạ thay, những hạt mưa tạt ngang, lúc đầu gây khó chịu, lại tạo ra một bầu không khí vui vẻ: trong lúc chờ đợi hão huyền một điều kỳ diệu, khi những hạt mưa tiếp tục rơi xuống người chúng tôi như sượt qua lông vịt, khiến chúng tôi buộc phải chơi trò chế giễu nhau. Nhanh, nặng hạt, nhưng ngược lại rơi xuống mềm mại cuối một dải mưa, những hạt tinh nghịch đậu lên khóe mắt, lên thái dương, lên gò má hoặc có khi nhắm thẳng vào trong vành tai, đầy bất ngờ, theo những tham biến thật phức tạp, bởi thế không thể chuẩn bị phòng tránh trước, trừ khi giấu đầu vào trong một giỏ xách. Như một trò chơi, trận thủy chiến thô sơ chỉ cần hô "Trúng" khi một hạt nước, mạnh hơn tất cả những hạt khác, rơi trúng và khiến chúng tôi giật thót người, và cho cảm giác mình là đích ngắm của một kẻ bắn tỉa xa lạ. Chỉ một qui tắc chơi duy nhất, đó là phải thành thực, không được nằm ườn ra ghế, không tỏ vẻ bị thương đau đớn chỉ vì một giọt mưa vô hại. Vì thế, đã có nhiều sự phản đối, nhưng với lời lẽ chừng mực. Chúng tôi cẩn thận không la hét quá to: bởi chiếc xe 2CV của ông ngoại là một nơi trang nghiêm - không phải do vỏ bọc của xe trong tình trạng tồi tệ mà vì nó như là nhà của ông. Có một lần, duy chỉ một lần, ông ngoại tham gia chơi với chúng

tôi, khi một giọt nước mưa rơi xuống lơ lửng như một chiếc đèn con ở đầu mũi của ông, và vào lúc ấy, xóa tan sự cảm lạnh, bằng một giọng nói hơi khàn của người ít nói, ông hô to: “Mũi ướt”. Chúng tôi ngừng chơi ngay lập tức, lúc đầu gần như cảm thấy bị quấy rầy vì sự can thiệp của một người lớn trong sân chơi, nhưng rồi, khi hết ngạc nhiên, chúng tôi đón nhận việc ấy như một điều tốt lành, sự trở về của đứa con lang bạt: lúc ấy ông không xa cách mấy, sẵn sàng chơi cùng chúng tôi vậy mà chúng tôi cứ nghĩ ở tuổi của ngoại, ông có lẽ đang đắm chìm suy nghĩ của mình trong mớ kí ức xa xưa hỗn độn - vì vậy, chúng tôi thấy nhẹ nhõm, điều đó cũng có thể cho thấy sự xa cách của ông nặng nề đến thế nào, chúng tôi cùng nhau cười, cười vui vẻ, cười nhẹ nhõm, cười mãi một chốc sau khi đã hiểu ra ý nghĩa của lời chơi chữ: cái mũi chảy nước ấy của ông ngoại là cái kết lý tưởng cho trận chiến của chúng tôi, khi chúng tôi đang bắt phân thắng bại vì luật chơi nghèo nàn lặp đi lặp lại. Trò chơi thủy chiến tự phát của chúng tôi thực sự đã không thể tiếp tục, như thế chỉ một câu thốt lên nửa vời của ông ngoại đã khiến cuộc chơi cạn kiệt. Nhưng ngược lại, câu nói ấy của ông được chúng tôi sử dụng trong thời gian dài, một lời kết luận bình tĩnh, khi xảy ra những sự cố trong gia đình: từ chuyện nấu sữa bị trào, chuyện chiếc đèn pin bị hư cho đến chuyện xe đạp bị trật xích, và

cả chuyện đồng hồ chết. Câu nói ấy thậm chí còn được những người lớn dùng: cái lần bị “mũi ướt” của bố vì chiếc xe hết xăng ở cách thị trấn hai cây số trong khi bố lại cho rằng có thể đến nơi an toàn cho tới giọt xăng cuối cùng trong bình. Giá mà ông ngoại tiếp tục sống, và bởi ông đi du lịch rất nhiều, rất có thể cách nói của ông sẽ đi vào ngôn ngữ hàng ngày. Một trăm năm sau, hẳn cần phải rất thông minh để có thể hiểu được nguồn gốc của cách nói ấy.

2

Mưa là người bạn đồng hành của vùng Loire-Inferieure¹, một người bạn đời thủy chung. Nhờ đó, vùng này có nét đặc trưng riêng, bởi những thứ còn lại rất bình thường. Những đám mây mang đầy hơi nước của đại dương lao nhanh về phía cửa sông Loire, thẳng hướng thành phố Saint-Nazaire, tiếp tục đi ngược dòng sông, và trong một guồng không dứt, đã trút ào ạt lượng hơi ẩm xuống thành phố Nantes. Nhìn chung, lượng mưa không đáng kể nếu so với gió mùa, nhưng cứ

1. Đoạn miêu tả mưa ở tỉnh Loire-Inferieure không phải là không hàm ý. Đoạn văn này dự báo một cách tinh tế những cảnh quan trọng trong tiểu thuyết này, nó giống như một cảnh bị thay đổi do ảnh hưởng của những cảnh vật khác làm nền phía sau: ví dụ cảnh "mưa phùn không dứt", "*cơn mưa phùn này, cơn mưa dày đặc trong những tháng đen tối, tháng 11 và tháng 12, thấm vào toàn bộ cánh vật và bào mòn đi những hy vọng trong sâu thẳm trái tim, như ngày tận thế đang dần tới, lún sâu [...] bùn đang pha loãng*", được miêu tả lại trong đoạn kể về các khí hóa học trong chiến tranh "*mưa không dứt [...] rửa và lại rửa dấu vết ban đầu, biến đất thành vũng nước bẩn [...] như thế thế giới chỉ là một miếng xơ mướp, một bãi lầy dành cho những oan hồn.*"

khéo léo rả rích quanh năm, khiến nhiều du khách nghỉ chân ở vùng này, không hưởng lấy được chút ánh nắng, nhanh chóng đặt cho vùng cái tên: Xứ mây và mưa. Và không thể gạt họ được cho dù khí hậu của vùng nổi tiếng mát mẻ - bằng chứng là hoa mimosa được trồng dưới đất khắp nơi, trong những vườn nhà công chúng viên, một vài cây cọ trụ lá - nhiều biện pháp đã được áp dụng: đo thời gian có nắng, đo mật độ mưa, tổng kết hàng năm. Thời tiết ẩm ướt, là một chuyện, nhưng đã thành một thói quen, người ta chẳng ai để ý đến mưa nữa. Dưới cơn mưa bụi dai dẳng, người ta cứ chân chất cam đoan rằng đó không phải là mưa. Những người đeo kính, cứ máy móc lau kính hai mươi lần mỗi ngày, đã quen với việc đi sau một màn mưa giăng nhòe và cắt đứt cảnh vật, một khung cảnh rộng lớn nhòe nhoẹt khiến họ phải định hướng một cách khó khăn: họ di chuyển theo trí nhớ. Nhưng khi đêm xuống, mưa lất phất trên phố, khi những ánh đèn nê-on của các cửa hiệu lấp lánh, vẽ lên trong màn đêm phố biển, trước mắt, trên đôi mắt kính, những dòng chữ rực sáng như những ngôi sao nhấp nháy, xanh, đỏ, lục, vàng, như cảnh thần tiên của lâu đài Versailles. Thế nhưng, bỏ kính ra, thực tế thật là nhạt nhẽo.

Nhờ thế mà các cửa hàng kính đắt khách. Không phải do nơi đây có nhiều người cận thị hơn so với những vùng khác, mà bởi vì lau chùi kính

bằng vạt áo sơ-mi lén kéo khỏi quần, bằng góc khăn bàn ăn trong nhà hàng hoặc với góc khăn tay vo thành một nắm trong lòng bàn tay khiến nguy cơ làm rơi và vỡ kính tăng lên. Đó chính là một trong những điều bất tiện trời mưa gây nên, thêm nữa là nỗi buồn và những cơn đau nhói ở đầu do phải nháy mắt liên tục. Cơn đau nhức đến tận chân tóc ấy có thể còn một lí do khác, nhưng lỗi tại ai khi mọi người phải chạy tìm chỗ trú mưa trong những quán cà phê khiến tuyến đường đi bị ngắt quãng? Chỉ còn biết ngồi nhâm nhi một ly, hai ly, rồi ba ly và chờ trời quang trở lại. Chống khuỷu tay tại quầy bar, lặng lẽ, chìm đắm vào cái bóng của chính mình in trên mặt kính, những vị khách rụt rè dõi theo nhiều người qua đường khom lưng, tay kéo cổ áo, cầm cúi đi trong cơn mưa rào. Họ không hề cười ngạo nghễ khi bắt gặp ai đó đang che ô ngoái nhìn vào. Họ chỉ cảm thấy hài lòng vì đã biết khôn ngoan tìm nơi trú mưa. Khi cơn mưa rào ngớt dần, bầu trời quang đãng hơn, họ chắc chắn trời sẽ nắng trở lại, họ hớp nhanh ly vang trắng, cài lại nút áo vét, rụt cổ vào vai, sẵn sàng bước ra cửa, nhưng không, mưa lại rơi - và thế là họ ra hiệu bằng ngón út trên ly rượu voi, chẳng cần thốt lên lời nào, ý là: thêm một ly như thế nữa.

Các dấu hiệu báo mưa rất rõ ràng: gió Tây thổi, rõ từng cơn và mát lạnh, hải âu bay về sâu trong đất

liền như những quả cầu bông trắng đậu trên cánh đồng đã cày xới, chim én, lượn sát những mái nhà vào mùa hè, lại bay vòng vòng, chăm chỉ và im lặng, trong vườn nhiều tán lá xào xạc trong gió, mấy chiếc lá nhỏ tròn của những cây dương run rẩy, đàn ông thì đưa mũi về phía trời lốm đốm mây, đàn bà thì thu gom đồ vải (những tấm drap phơi khô trong gió biển có một không hai - có thắm chút ít cái không khí đẫm iốt và muối trong từng sợi vải), được phơi trên dây bằng những chiếc kẹp muôn màu như những con chim trời đang đậu, trẻ con đang chơi trên cát thì mẹ chúng gọi lên, lũ mèo đang rửa mặt, đưa chân chùi đằng sau tai, rồi ba cái búng tay lên trên khí áp kế: kim tuột xuống.

Những giọt mưa đầu tiên thì khó cảm nhận được. Ngược nhìn lên, người ta ngỡ ngợ có gì đó rơi xuống mình từ trên bầu trời xám như hạt ngọc, sáng trong, lấp lánh ánh đại dương. Những cơn mưa bụi thường kèm theo thủy triều dâng, những đợt thủy triều nhỏ với cường độ 50, 60, đều đều lên xuống hai lần mỗi ngày. Người ta đặc biệt quan tâm đến các đợt đại thủy triều vào những tiết xuân phân và thu phân khiến bao thủy thủ vùng Phénicie khiếp sợ - biển cuộn cuộn dưới mạn tàu như dòng thác lớn trút nước từ trên cao và rồi quay trở lại đất liền với những ngọn sóng điên dại - thế nhưng những đợt đại thủy

triều như thế ở vùng đất này là trường hợp đặc biệt, chỉ xảy ra hai lần trong năm. Nói tóm lại, việc thủy triều lên rồi xuống trên một vùng đất bùn và nhiều đá tảng rong rêu đã từ lâu không còn được ai chú ý nữa. Trời và biển, dính liền nhau xếp thành một hình hài đơn sắc màu xám tro, những đường gân dài màu than làm nổi bật gợn sóng và mây, chân trời không còn là đường lằn ranh chia cắt các thành phần mà giống một dải mờ dài. Cả một vùng chìm trong mưa: mưa làm cây cỏ sinh sôi, làm đậm thêm sắc xám nhựa đường tiếp màu với bầu trời xám xịt, làm náo loạn nỗi buồn của con người. Nỗi buồn đặc quánh, dù dè sẻn những hệ lụy, nhưng đôi khi lại tràn trề trong sự quá chén: cứ hết ly này đến ly khác nhằm cố gắng gượng ép để sang đến được miền Tây Bắc nơi mang lại niềm vui. Mưa là một phần huyền ảo tuyệt tác hoàn chỉnh trong mắt chúng tôi. Mưa là định mệnh khó thoát. Ngay từ những dấu hiệu đầu tiên, ta đưa tay ra. Thoạt đầu, ta chẳng cảm nhận gì, rồi ta ngửa lòng bàn tay nơi có phần da nhạy cảm nhất, nhưng rồi để hứng lấy điều gì: một đầu tròn của gai nhọn, một hạt bụi thủy tinh phản chiếu dải mây, bầu trời bị thấu ngắn về đầu ngón tay qua một lỗ mắt bé xíu của những người quân bút xưa ở đỉnh Saint-Michel hay ở nhà thờ Lourdes. Cái hình ảnh hạt nước nhỏ trên tay, như thế ta cân nhắc những nguy cơ trời mưa nặng hạt. Đôi khi, mọi việc chỉ

dừng ở đó. Trời sẽ không mưa. Chỉ có thủy triều dâng, kèm theo một cơn gió ve vuốt và mướt mát thổi vào nếp chừ không làm rối tóc mà lại chẳng mang tin mới gì của đại dương. Hoặç theo âm bản: bãi Sargasses hờ hững, vịnh Bermuda yên bình. Dòng Gulf Stream chảy dọc theo bờ biển vùng Bretagne, dòng hải lưu cướp biển ấy, có luồng nước ấm áp, nằm trong Đại Tây Dương, bắt nguồn từ đảo Caribe, nhờ đó người dân nơi đây trồng được các loài hoa mimosa, hoa trúc đào, hoa mỏ hạc – dù rằng họ có chút ăn gian bằng cách mang các chậu hoa vào trong nhà khi khí lạnh ủa về. Giả dụ không có dòng Gulf Stream, mỗi độ đông về, cửa sông hãn sẽ giống như sông Saint-Laurent trong băng tuyết, thành phố Nantes cũng lạnh giá như Montreal. Thế nhưng tuyết ở vùng này chỉ là một cách nói tu từ, cứ mười năm một lần, lại có một làn bụi tuyết rơi và tan ngay khi vừa chạm xuống mặt đất. Dĩ nhiên không kể đến mùa đông băng giá năm 1929 ấy, lúc Pierre lên tàu đi Commercy, và còn mùa đông năm 56 đã giết chết bao người không nhà cửa, nhưng trẻ con vùng cửa sông lại được dịp kiêu hãnh chụp ảnh cạnh bên tác phẩm người tuyết của mình, giống như chúng từng đọc trong sách và đây là dịp để chứng kiến tận mắt, người tuyết với mắt làm từ viên than tròn và mũi từ củ cà rốt, thêm vào mũ, ống điếu và khăn choàng cho đầy đủ. Lại còn nạn hạn hán mùa hè năm 76,

vùng Bretagne không có lấy một giọt nước, nhiều đồng cỏ cháy vàng, những cây ngô chỉ bằng cỡ cây đậu lupin, những con bò gầy trơ xương như chó săn: vì không biết phải lí giải thế nào, những biến động thời tiết được quy cho các vết đen bí ẩn của mặt trời, hay núi lửa phun trào ở bán cầu Nam, hay do quả đất lắc lư trên trục. Người ta nhớ rất rõ các sự kiện ấy, bởi chúng không theo quy luật. Quy luật ở vùng này là trời mưa.

Nếu cơn mưa trong lúc thủy triều dâng thì không thể gọi là mưa. Đó là bụi nước, một thứ âm nhạc trầm mặc, một bài tụng ca về sự buồn chán. Như có lòng nhân từ trong sự ban ơn này, nó nhẹ vuốt khuôn mặt, nó xóa tan những nếp nhăn trên trán, nó xoa dịu những ưu phiền. Bụi nước ấy, lặng lẽ rơi, ta không nghe thấy nó, không nhìn thấy nó, những ô cửa kính không lưu lại dấu vết của nó, mặt đất đón nhận nó một cách bình thản.

Trái lại, sự buồn chán là thuốc độc của tâm hồn, buồn chán từ những cơn mưa phùn không dứt, từ bầu trời sà xuống thấp, chạm cả vào những gác chuông, những tháp nước, những cột điện, như thể muốn hòa vào cùng các ngọn cây lớn. Đừng nên chế giễu dân tộc Celtes cổ xưa thường lo sợ bầu trời sẽ sụp đổ: cả hai hiện tượng siêu nhiên này cùng xuất hiện dưới bầu trời trong xanh. Giống một tấm áo

choàng xám xịt đè nặng lên cả một vùng, kéo trời gần với đất, tối tăm, đẫm nước. Không phải là một cơn mưa, mà là một sự chiếm giữ không gian tỉ mỉ, một tấm rèm cửa dày xịch, chậm chạp, ngoan cố, một làn gió qua cũng đủ thổi nước vào dưới hiên nhà, nơi bụi đất vẫn còn giữ được màu sáng, cơn mưa phùn dày đặc ấy trong những tháng đen tối, những tháng 11 và 12, làm đẫm ướt toàn bộ cảnh vật và bào mòn những hy vọng trong sâu thẳm trái tim, cái cảm giác như ngày tận thế đang dần tới, lún sâu - nhưng thay vì sự bùng nổ của ngọn lửa sau cùng như điềm báo của những tín ngưỡng vùng sa mạc, chúng ta chỉ nhìn thấy một sự hòa tan rộng lớn. Ở đây không có những vũng nước lớn đọng lại sau cơn giông, chúng bốc hơi nhanh ngay từ ánh nắng đầu tiên, cũng không có những cơn lũ hung hãn khiến dân phải sơ tán khẩn cấp, trên những chiếc ghe đặt ở tầng một (những cánh đồng ven sông Loire thường xuyên bị ngập, nhưng cũng phải chấp nhận rằng sông chảy theo sự thay đổi địa hình). Khung cảnh gần như nguyên vẹn, chỉ có đồng quê xanh hơn, một màu xanh như ba-lô người lính, còn thành phố xám xịt hơn, một màu xám như chì. Vị thần đẫm lầy bao bọc tất cả. Bên dưới màu xanh tươi của thảo nguyên và đồng cỏ là dải đất tươi ướt. Chiếc giầy nào bước vào đó sẽ dính đầy bùn dưới đế. Thật nguy hiểm khi lãng vãng xung quanh khu vực nhiều ao,

hồ - coi chừng bị trượt ngã, khi đi ngang qua bụi cây - người dễ bị sưng nước, khi tựa vào một cái cây - vỏ cây trơn nhớt. Như vị thần Hercule, người ta ra sức bẻ những cành cây to đã bị chặt và mục nát. Những chiếc áo khoác màu xanh biển nặng chịch của ngày hôm qua chưa kịp khô. Bánh mì mềm nhũn, vách rịn hơi ẩm, trên giấy dán tường xuất hiện những mảng thẫm như những châu lục trên bản đồ, và người ta tự hỏi bằng cách nào nước nhỏ li ti như thế có thể thấm qua được. Những lò sưởi cũng chẳng giúp được gì, hơi nước len qua lỗ kim như đi qua Khải Hoàn Môn. Tứ chi kêu răng rắc, xương khớp rung lên những cơn đau nhức thối trước. Những ngày dài u ám không hứa hẹn một quầng hé nắng. Đèn thấp từ sáng đến tối. Người ta vén tấm rèm chục lần trong ngày chỉ để xem mưa vẫn rơi, không ngưng nghỉ, chầm chỉ từng giọt, làm như không hề suy yếu. Những người yếu đuối nhất thường chìm đắm trong mưa: ngay khi vừa dứt những tháng u tối họ lao mình xuống giếng. Cơn mưa phùn không có nhịp điệu phong phú như mưa rào, những giọt mưa nháy tí tách trên thành kềm của cửa sổ, đùa giỡn trong máng nước, và mãi miết nháy nhót, vỗ vỗ lên mái nhà như một người thợ so dây đàn điệu nghệ, bằng đôi tai quen thuộc, nhận biết được các chất liệu mái che: đá xám, loại đá thường được sử dụng nhất ở vùng bắc sông Loire, ngói nhà lán, gỗ và tôn nhà

kho, kính cửa sổ mái. Sau hạt mưa cuối chảy dài khép lại cơn giông bão, một vòm trời ánh thủy ngân run rẩy phía trên cao thành phố. Dưới ánh sáng bạc chói lóa ấy, các đường nét hiện lên từng chi tiết như được chạm khắc: từng tháp đá nhọn của Thánh đường Saint-Nicolas, từng đường cong của chiếc lá cây, từng lông cánh của những con chim trời, từng đường gấp khúc mái nhà, từng cột ăng-ten. Ánh mắt tinh có thể nhìn thấy một bảng hiệu cách trăm mét - và cả những gì rối rắm cần tránh. Lề đường óng ánh xanh như bụng cá mòi bán ở góc phố, theo mùa. Xe buýt chạy qua, còi inh ỏi, quét theo làn khói trắng dưới bánh xe. Các ô cửa kính vừa được lau sạch sáng chói, những vòm cây tỏa hào quang như ngàn cây đỉnh bạc, không khí mát lành mang hương vị kẹo bạc hà. Thành phố yên ắng dưới ánh sáng rực rỡ của bầu trời pha lê, như một vật kỷ niệm.

Những cơn mưa bão như muốn dọn sạch mọi thứ. Giả dụ có giá lạnh xuất hiện, chúng sẽ đợi đến mùa trăng tiếp theo và rồi dùng những cú gió lốc quét sạch tàn dư của mùa đông. Đôi khi, trong cơn phấn khích, chúng dời chỗ một cái cây, xén mất ngọn một cái cây khác, một chiếc xe bị lật ngược, nhiều ống lò sưởi bay lên cao, những con chong chóng gió như những cô nàng phát phơ, - nhưng người ta cũng biết rõ khó đo được sức gió mạnh đến thế: sai

lầm là không thể tránh khỏi, người ta chỉ biết đây có lẽ là lốc xoáy cho dù thỉnh thoảng chiếc phong kếp bị liệt dưới sức mạnh của đợt gió, hoặc một bờ kênh bị vỡ dưới cơn giận dữ của sóng.

Mưa mùa đông thường rét căm, cắt lên da thịt. Được mang đến cùng gió từ Đại Tây Dương, chúng quét theo đường chéo, như mặt sắt quét mạnh vào mặt, những mũi tên nước đâm xuyên vào bạn và xô bạn gục ngã. Hai bầu má, mũi, những bàn tay đỏ au. Dù thị hiếu giờ đã thay đổi từ màu da xanh xao lãng mạn cho đến màu da ở những vùng miền nhiệt đới, nhưng chưa bao giờ một làn da đỏ lại là điều quyến rũ - ngay cả ở người da đỏ Bắc Mỹ có làn da đỏ nâu đẹp đẽ. Nếu không phải để cho thấy giá trị của sự thư giãn, nhưng ít ra những cơn mưa mùa đông cũng mang lại cảm giác dễ chịu, thoải mái sau những cố gắng mệt mỏi, khi trở về nhà, lau khô và trùm kín, người ta lắng nghe bên ngoài gió đập và gào thét. Một niềm hạnh phúc bình dị nhưng có nhiều người không có được: những kẻ vô gia cư, những người nghèo khổ. Sự nghèo túng không hưởng lợi từ điều gì sất. Diogenes là triết gia đã đúc kết cái triết lí về nghèo túng ấy, nhưng đây là câu chuyện của nơi có trời ôn hòa. Liệu ta có thể thỉnh cầu Hoàng Đế Alexandre, dù vĩ đại đến đâu, đừng che lấy mặt trời, mà hãy che những đám mây không? Triết gia

Cynique chắc không khôn ngoan được lâu trong cái thùng phi của mình, ướt sũng, lạnh cóng, không một tia nắng nhỏ để sưởi ấm bộ xương già, và hẳn là trong bài diễn thuyết của mình, ông sẽ yêu cầu thành lập tổ chức Đội quân Cứu thế. Đối với những người bạn cùng này, mưa mùa đông là một cực hình. Thậm chí chúng cũng không có cái vẻ nghịch ngợm của cơn mưa rào mùa xuân, khi bạn cẩn thận dò xét bầu trời trước lúc ra khỏi nhà, thấy trời có vẻ yên bình, rải rác mây trắng trôi nhanh, vội vã băng qua cả một vùng như thể đang mang trọng trách ngăn chặn sự xâm chiếm của những trận mưa tàn bạo ở miền biên giới phía đông. Bởi tin chắc rằng trời sẽ không mưa, bạn để lại dù trong tủ quần áo hay bất kì chỗ nào có thể: sọt rác giấy, thùng bột giặt. Lòng ham muốn mùa xuân vô cùng mãnh liệt sau những tháng tăm tối khiến người ta nổi loạn vứt bỏ quần áo mùa đông (với ý niệm rằng chỉ bằng bộ cánh của mình, chim én có thể mang mùa xuân đến). Trên thực tế, những dấu hiệu xuân về đã có thể cảm nhận trong không khí, những con đường ngoằn ngoèo còn ẩm ướt và tỏa hương dọc ngang bầu không khí lành lạnh của những ngày đang kéo dài thêm - người ta nhận thấy điều đó qua vài chi tiết cụ thể: giờ tan tầm, giờ đóng cửa hiệu, bảng giờ tàu, đèn đường thấp sáng quá sớm. Bạn đang bị cuốn hút bởi tin vui này, thật hân hoan vì những ngày tươi đẹp đang đến, và thế là

bạn không nhận ra phía trên đầu bạn, chỉ trong ba phút, bầu trời đầy mây, và bất chợt, không cảnh báo, mưa ập xuống. Mưa trút như trận cười dữ dội, mưa như thác với thanh âm ào ạt và hoan hỉ gần như trẻ thơ. Và dường như chỉ để thử, như màn bắn pháo hoa giữa ban ngày, bề rộng con đường cũng đủ: cách đó ba bước, mặt đường còn khô ráo. Bạn chạy vào trú dưới một khung cửa hoặc mái che của một cửa hiệu, mọi người chen nhau trước lối vào. Và, như một bằng chứng cho thấy không ai bực mình với mưa như thế, họ đưa mắt nhìn nhau cười, đầu tóc bết ướt. Đó không phải là mưa, đó là trò chơi trốn tìm, trò mèo vờn chuột. Hơn nữa, trời cũng đã ngừng mưa, bầu trời lại trong xanh. Trời quang đãng, mọi chuyện cũng được xí xóa.

3

Bà ngoại cho rằng mưa như vậy thật vô nghĩa. Với bà, trời nên đổ mưa một lần cho đích đáng, rồi sau đó không ai bàn đến nữa. Nếu người ta giao cho bà điều tiết chế độ mưa, bà dành riêng tám ngày trong năm để trút đủ lượng mưa của mười hai tháng, và thời gian còn lại sẽ phân bổ cho mùa nóng (cũng đừng quá nóng) và mùa lạnh (cũng không nên quá lạnh). Đằng này, bà bảo, mưa rào vùng Écossaise như kiểu mưa ở vùng Bretagne, sẽ chẳng bao giờ dứt. Bà cần nhân khi trời xấu cũng như khi có chuyện chẳng lành. Bà là người rất khôn phép nhưng lại hay nguyên rủa “nhân danh này nhân danh kia” đến hai chục lần trong ngày - mà nhân danh ai chẳng ai biết - những từ ngữ đe dọa nặng nề và đầy ẩn ý. Không chỉ đơn thuần là lời thóa mạ, chúng dường như muốn chinh đốn lại cả trật tự thế giới và nếu bà không nói rõ ai là tội đồ, hẳn là vì nó không ở đâu xa.

Đám cưới của bà với ông ngoại nếu không phải là sự áp đặt thì cũng là sự gài xếp của bố mẹ họ - một sự kết hợp thắng lợi của những thương gia giàu có muốn con cháu mình sẽ có một tương lai xán lạn. Vụ làm ăn đã có thể bất thành, do cuốn theo biển cô thế kỷ, nhưng trong sự ăn nên làm ra của cửa hiệu quần áo, *Au Bonheur des Dames* (tên cửa hiệu: Vì hạnh phúc của các Quý Bà), không gì ngăn cản lòng tin tưởng, và để không làm ảnh hưởng đến tương lai, họ đã thể thốt yêu nhau. Không phải vì tình yêu là vô cùng quan trọng: đúng hơn là sau 30 hoặc 40 năm, mọi người vẫn không thay đổi. Nhưng thật là một cảm giác khó chịu khi không làm chủ số phận chính mình: người ta không dễ tin điều gì hơn ngoài mọi thứ chẳng gì thay đổi, người ta chỉ ghi nhớ điều khả dĩ của cái tốt đẹp có lẽ bị phung phí và vùi lấp đâu đó. Người ta chỉ giữ lại điều không thể tha thứ.

Ngày cưới của bà là một ngày trọng đại trong cuộc đời bà, nên nó được xem như là năm số không, một thời gian mốc để xác định quãng trước và quãng sau, như sự ra đời của đức Jesus hay sự hình thành của La Mã. Khi người ta tự hỏi bà đã bao tuổi (thường để trầm trở trước tuổi thọ của bà và sự sắc bén tuyệt vời ở bà), luôn có ai đó trả lời một cách đơn giản: chỉ cần nhớ bà lập gia đình ở tuổi 25, vào năm 1912 - như thế ngày này là đường phân chia cho tất cả những

sự kiện xảy ra, chứ không phải ngày sinh nhật. Phải chính bà là người xác định ngày này. Còn ai khác ngoài bà? Chắc chắn không phải là ông ngoại ít nói của chúng tôi, trẻ hơn bà một tuổi, người làm chứng ưu ái trong đám cưới ấy. Việc tính toán trở nên phức tạp khi các năm không kết thúc bằng số 2, nên những lúc ấy tuổi của bà sẽ là "hai mươi lăm tuổi vào năm 12", một tuổi hóa thạch mà năm tháng cũng không làm được gì. Thật ra chỉ để ước chừng thời gian đã trôi qua từ cái ngày ấy, dựa theo tình trạng sức khỏe ta nhìn thấy ở bà, một thời gian không đồng nhất, như ngừng trôi, trong suốt nhiều năm bà không thay đổi nhiều, và bỗng nhiên, thời gian lại trôi nhanh, mang đến sự già nua rõ rệt: tai nghễnh, bước đi kéo lê, hay quên, những câu chuyện kể đi kể lại chực lần. Nhưng, ngoài những ngày thật sự cuối cùng khi bà nghĩ ra cách nói thầm, để một tay đằng trước miệng để cô y tá trưởng không nghe thấy, vì bà nghĩ rằng cô y tá ấy nấp đằng sau máy sưởi trên tường ngăn không cho bà ra ngoài vào buổi tối, đó là một người bà - bà cố ngoại hai mươi lăm tuổi vào năm 12 đã qua đời khi ở ngưỡng một trăm tuổi - sau khi bông đùa một lần cuối, một kiểu đánh trống lảng tài tình khiến các con gái bà cười trong nước mắt.

Lễ kỉ niệm đám cưới vàng của ông bà, mọi người đã tính đúng: thật ra việc tính toán khá dễ dàng. Lần ấy lễ ra là dịp họp mặt toàn thể gia đình,

một bữa tiệc linh đình cùng với những tiết mục góp vui và một tiết mục kịch trong đó dự kiến bố và Lucie, em gái của mẹ, chuẩn bị một hồi của vở hài kịch *Con ghen của ngài Barbouillé*, được in trong bộ tác phẩm kinh điển của Nhà xuất bản Larousse. Đáng lẽ sẽ có khiêu vũ với tiệc đứng, đây sẽ là dịp ông ngoại chơi lại đàn violon và sẽ cùng những người bạn già thời học ở Nhạc viện Nantes nơi ông đã tốt nghiệp thủ khoa, tái hợp nhóm tứ tấu và đàn dây, thế nhưng, hoặc do ông chơi sáo đã trút hơi thở cuối cùng, hoặc chắc chắn hơn là do kiểu sống khắc khổ của gia đình đã mạnh hơn những ý tưởng trên, mùa hè trôi qua mà không thể thống nhất được một ngày. Không ai có cùng thời gian nghỉ hè. Sau đó, thì đã quá trễ: vào thu, trời mưa, gia đình phân tán, rồi năm sau, lại rơi vào những năm khó tính toán. Chúng tôi hẹn nhau những lễ kỉ niệm cưới tiếp sau. Nhưng thật ra sẽ là lễ gì đây, không ai biết rõ: lễ bạch kim hay kim cương, nó trở thành chủ đề tranh luận (kỉ niệm cưới cotton, sứ) và biến thành hài kịch lễ cưới Chiffon, rồi Lễ cưới của Figaro¹. Lucie tranh thủ dịp này với chất giọng soprano của mình cất cao câu hát của Cherubin: "*Voi che sapete che cosa è amor*"², và mọi người vỗ tay tán thưởng.

1. Nhan đề vở hài kịch nổi tiếng của tác gia Beaumarchais "*Le Mariage de Figaro*".

2. (tiếng Ý trong nguyên tác): *Ai cũng biết tình yêu là gì.*

Với đôi vợ chồng già, điều này hẳn là một sự nhẹ nhõm, một gánh nặng được trút xuống. Ý tưởng bộ tứ hòa nhạc không hề làm ông ngoại phẫn khích, bởi ông ngày càng thích lặng im hơn là âm nhạc. Cây đàn violon giờ vẫn nằm trong hộp, nếu thi thoảng, ông có bấm vài phím dương cầm, thì đó là vì như có một lực hút nam châm, vì rằng, mỗi khi đi ngang qua cây đàn, không thể không mở nắp đàn lên. Nhưng những lần chơi đàn của ông vụt qua nhanh: vài âm điệu fuga, một đoạn aria¹, một bản sonate dang dở. Ông ngưng ngay giữa đoạn hợp âm rải, vẫn ngồi đó, với cảm xúc chưa trọn vẹn, mơ màng, tay đặt lên đùi, và rồi ông cẩn thận trải lại tấm khăn lụa màu xanh lá lên bàn phím. Những lần gần đây, ông chơi duy nhất một nốt nhạc, như để cảm nhận sự yên lặng, và rồi ông không bấm một nốt nào nữa, mà chỉ là sự vuốt nhẹ lặng thinh trên các phím ngà. Về phần bà ngoại, bà đỏ bừng giận dữ khi biết những người anh em họ muốn trang trí chiếc xe 2CV với dải voan, dây trang trí và khăn trùm và sơn phía sau xe dòng chữ “Mừng đôi vợ chồng già” vào lễ kỷ niệm ngày cưới: đừng mong bà sẽ tham gia cùng mọi người vào cái trò lố lăng ấy. Thông thường, giữa ông và bà, chiếc xe 2CV là chủ đề gây tranh cãi thường xuyên. Không phải bà chê xe không ngon. Tình hình

1. Đoạn aria, trong nhạc kịch cổ điển thường là những đoạn hát nhiều biểu cảm nhất.

tài chính của họ không cho phép mua những chiếc xe hào nhoáng nhất, hợp một vào thời ấy. Bà ngoại chấp nhận, như một người phụ nữ bản lĩnh, những đòn tòi tệ do số phận, nếu các nguyên tắc vẫn được tôn trọng, bà không quan trọng việc đánh mất những chi tiết bề ngoài của một người danh giá. Bà có những lời nói rất gay gắt đối với ai chú trọng vẻ bề ngoài: vì vậy, thằng bé tội nghiệp khoe khoang về tốc độ của chiếc xe thể thao của nó bị bà mắng một câu: "Tiếc nhỉ, nhanh quá chẳng ai kịp nhìn thấy nó". Bà đã từ bỏ ngôi nhà to kiểu cách của ông bà được xây dựng với đá phấn, gạch nung và gỗ, với những phần xây nối tiếp thêm, những bậc thềm nghỉ trung gian, những căn phòng nhìn ra mái nhà, để sống trong căn hộ hai phòng chật chội và tối tăm, ở tầng trệt của một ngôi nhà nhỏ ở thành phố tỉnh lẻ Riancé. Một người như bà, nguyên rủa đến tận hai mươi đời của người thợ sản xuất một cây bút mực với ngòi bị khô, đã không hề lộ vẻ tuyệt vọng khi bà phải từ bỏ gần như toàn bộ bất động sản của mình. Trong phòng ngủ, chiếc đàn dương cầm kê sát vào chân giường và luôn chiếm chỗ. Có lẽ cũng không ngạc nhiên khi ông không còn thích chơi đàn nữa, vì mỗi lần ông phải dẹp cả núi quần áo để có thể mở đàn. Thêm vào đó là chiếc bàn đọc chân, chiếc tủ đầu giường, và mọi di chuyển đều là bất khả khi cửa tủ áo mở ra. Từ căn nhà mười ba phòng xuống ở căn

hộ hai phòng khiến bà buộc phải bấm bụng giữ lại những thứ tối cần thiết, không chỉ phải vứt bỏ những tích góp một đời mà cả những thứ nhiều đời trước để lại: hơn cả một nếp sống khổ hạnh, đây là sự xóa bỏ ký ức.

Dù vậy, để nhớ về thời kì quá khứ tươi đẹp ấy, bà quyết giữ lại vài ba đồ vật, nhất là chiếc tủ đựng dụng cụ khâu vá công kênh, tầm thường, trong khi đó với chừng ấy diện tích mà còn ích lợi hơn, họ có thể giữ lại cái tủ sách đẹp bằng gỗ nâu với cửa kính hình ovan. Nhưng chiếc bàn khâu vá ấy, từ thời mẹ của bà, bà của bà, thời của bà và của tất cả những người phụ nữ đảm đang trong gia đình - một vật thiêng liêng. Những thứ còn lại, bà phân phát với vẻ lạnh lùng, nhưng nếu ở cùng hoàn cảnh có lẽ ông ngoại sẽ không làm như bà. Nhiều lần, ông bắt chúng tôi chịu cái vẻ mặt giận hờn, với kiểu cổ tình không muốn nói chuyện gì, vẻ hờn giận ấy khác rõ với kiểu lặng thinh thường ngày của ông. Không phải vì ông gấn bó thái quá với những tài sản trên trần gian. Những ngày sống trong tu viện La Melleraye, việc tiếp xúc với nhiều tu sĩ dòng Trappe là một minh chứng cho điều đó. Và nếu ông rất khát khe về quần áo, cũng là vì ông đã từng làm nghề thợ may: khả năng đánh giá đường cắt, kỹ năng quan sát phát hiện lỗi may, cách đánh giá một li quần đẹp, nhận ra những xấp vải mềm và nhẹ, chất lượng của

lớp lót, giống như Thánh Francois d'Assise¹, ít nghi ngờ, "Kẻ Nghèo Hèn", người lông bông, đã yêu cầu những người con trai người buôn da mai táng ông trong tấm vải liệm bằng da xám. Điều làm ông khó chịu nhất là nhìn bà ngoại phân phát đồ đạc, dù rằng chỉ phân phát cho người biết điều nhất trong số các cô con gái của họ. Và nếu có những điều gây tổn thương, khiến ganh tị, làm thất vọng giữa các chị em thì cũng được ghi nén hết. Ngược lại họ còn nhường phần cho những chị em khác trước khi lấy cho mình. Người này nói họ muốn món đồ này hay món kia tề nhị đến mức nào, người kia vẫn cứ khăng khăng họ không quan tâm đến những món đồ ấy. Vì thế sau này họ luôn có cảm giác hờn ghét nhau mỗi lần đến thăm, khi họ thấy ở nhà người này có món đồ họ đã từng muốn có: "Ồ xem kìa, cái đèn của mẹ hợp với cái tủ của chị quá".

1. François d'Assise (tên tiếng Ý *Francesco d'Assisi*), tên tục là Giovanni di Pietro Bernardone, sinh ra tại thành phố Assise (Ý), là một tu sĩ công giáo người Ý, là người khai sinh dòng Anh Em Hèn Mọn, thuộc dòng Thánh Phanxicô.

4

Chiếc xe 2CV là một chiếc hộp sọ người nguyên thủy: lỗ miệng là tấm kính chắn gió trước, lỗ mũi là hệ thống sưởi, hốc mắt là tấm che nắng, hàm nhô ra là động cơ, thành sọ là mui xe hơi cong lên, không thiếu một bộ phận nào, kể cả phần sọ nhô đằng sau của cúp xe. Ông ngoại chính là người đo đếm bất động và đơn độc ở trong cái miền suy nghĩ ấy. Bà ngoại như bị cho ra rìa, đến mức bà thích đi bộ hơn là để ông chở bà, thật ra chỉ khi không phải đi xa. Vì bà không có sức đi bộ, do biến chứng sau một lần đẻ khó, một vết rách, đã làm bà có dáng đi lắc lư như thế. Giá ông ngoại cầm lái một chiếc xe khác, bà sẽ lên ngồi bên cạnh ông mà không cầu nhàu. Bởi bà thấy tất mọi chiếc xe khác đều duyên dáng, trừ chiếc 2CV này. Theo bà, xe loại này không thích hợp với vùng khí hậu đại dương. Mui xe bằng vải tháo rời ra để ngắm trời có ích gì khi trời chẳng bao giờ đẹp. Chưa kể đến việc gió quạt, xoáy và khiến mọi người mệt mỏi. Cứ mỗi lần tháo mui

xe, vào những ngày trời đẹp hiếm hoi, lại gặp phải vấn đề các nẹp sắt bị rỉ sét, do hơi muối biển bào mòn, không thể tháo ra được, và tấm mui khô cứng, không chịu cuộn lại. Hơn nữa, ai chắc là sau đó mười cây số không phải lắp mui xe khẩn cấp. Bà không từ bỏ suy nghĩ của mình, cái xe giả mui trần này không tìm đúng vị trí của nó ở miền bắc, tại vĩ tuyến số 45. Nếu dùng nó để băng qua sa mạc, leo dãy núi Hoggar, như giới trẻ đi mạo hiểm, thì quá tuyệt. Nhưng lái nó ở vùng Loire-Inferieur này lại là chuyện khác.

Lỗi chính của chiếc xe này là nó không thích hợp để đi mưa. Khi nước thấm vào trong, qua phần nằm sau mui xe và cánh cửa, từ hệ thống thông gió thô sơ của xe, chỉ làm bằng một tấm lưới đơn giản, rộng bằng ba ngón tay, dưới thanh chống sóc, phủ bên trên là một nắp trập có thể thay đổi, nhưng chỉ chống thấm nước được một phần - thêm vào đó là các gioăng cao su đều bị cháy. Ngay cả lúc trời khô ráo, gió rít qua tấm lưới cũng đủ làm bà khó chịu. Vậy làm sao có thể bình tĩnh khi bị mưa phun liên tục vào mặt như vậy? Bà đón nhận những giọt nước mưa đầu tiên với những lời than thở thành tiếng (ý muốn nói là những lý thuyết bà đưa ra có cơ sở) và cứ nhúc nhích không thôi trên chỗ ngồi như đang tìm cách tránh chúng mà không phải làm phiền ai khác vì điều bất hạnh này. Thế rồi, khi thấy ông vẫn

cứ bình thản, bà tiến hành việc bít chặt những lỗ thấm bằng những miếng giẻ cũ trong hộp đựng găng tay (phía dưới bảng điều khiển xe). Bà nhón lấy chúng trên đầu ngón tay, cẩn thận vì chúng bẩn (chúng được sử dụng để lau chùi mọi thứ: thước đo dầu xe, thanh chống sóc, và thậm chí bằng một góc vải sạch dùng để đánh bóng mũi giày của ông ngoại), bà quần chúng lại, cố gắng chèn chúng vào trong cửa kính, nhưng chỉ ngay lần lắc lư đầu tiên, chúng rơi khỏi tấm kính. Thầm rửa vài tiếng “nhân danh này nhân danh kia”, rồi bà lại tiếp tục, thấm nước, và cứ như thế trong suốt chuyến đi. Ông ngoại vẫn cứ điềm nhiên.

Do ông chạy chậm, các thanh gạt nước dịch chuyển với tốc độ của ốc sên nhầy nhụa, nhích từng milimet, đôi khi bị kẹt, ngừng lại và phải đẩy chúng để chúng tiếp tục hành trình vòng cung ở phía trước và phía sau chậm chạp của mình. Chúng vẽ lên tấm kính xe hình những chiếc quạt đợ bẩn, ngược lại với chức năng người ta mong chờ ở chúng. Do bực mình vì không ai thấy được sự nguy hiểm, bà dùng tay, lo lắng, chùi từ giữa thành phía trong của tấm kính, tạo nên những vòng tròn ngày càng rộng, ngày càng dẹt ra hai đầu, e dè tiến lại gần bên cạnh chỗ người lái, đủ để người này nhìn rõ - và, qua khoảng trống có được trên lớp màng mỏng hơi nước, khi trực tiếp nhìn thấy tình trạng của tấm kính xe,

rõ là người ta không nhìn thấy gì phía trước. Do các thanh gạt nước không hoạt động tốt, bà bèn nắm lấy cần điều khiển chúng ở bên trong và quay vòng vòng, la ó chúng, và sự di chuyển gấp gáp của những thanh chổi, việc thay đổi đột ngột hướng chuyển động, sự tăng tốc của những thanh cứng đơ này: giống trong một bộ phim câm: người ta tưởng tượng ra hai công nhân đang làm công việc lau chùi của họ, hai thợ rửa bát đang uể oải lau chùi một đồng đĩa, bỗng nhiên hăng hái khi thấy người quản đốc dữ dần bước tới. Nhưng kết quả lại giống như cái đĩa này: một thứ hồ lớn đặc quẹo, quét hình lưới liềm, giờ đây ngăn không cho thấy rõ. Thế là bà nổi điên nhắc phần kính bên dưới của cánh cửa xe lên suýt rơi trúng khuỷu tay bà, luồn tay ra bên ngoài, và, cầm miếng giẻ, chùi sạch một chút kính phía trước chỗ bà ngồi. Thế là hiện ra trước mắt con đường thẳng tắp mắt hút, cây hai bên đường, những giọt mưa rào trên đường nhựa, như xuất hiện một thế giới lồng ghép bên trong là thế giới thu nhỏ của chiếc xe 2CV. Nhưng nếu bà không thể lau hết toàn bộ tấm kính chắn trước do tay không đủ dài, ít ra qua phần kính được lau sạch, bà cho phép mình tư vấn người lái xe giúp đi ngay ngắn, bà hét lớn “Chú ý” khi một xe tải chạy vù ngang mà sức gió tạo ra đủ làm chòng chành một chiếc thuyền nhỏ mong manh.

Chạy xe trong mù mịt không làm ông ngoại bận tâm. Ngồi co ro trên ghế, tay đặt dưới vô lăng, một chiếc thuốc nằm ngoan ngoãn ở khóe môi, người đi đường chỉ thấy nón của ông. Do hút nhiều, hàng lông mày vút cao của ông cũng đã ố vàng dưới tác dụng của chất nicotine. Màu vàng khác thường ở giữa một rừng màu trắng giống như một sự bông bột cuối cùng của tuổi trẻ, một sự lui về ở ẩn mang tính chiến lược. Cùng với chùm lông mày trắng tinh bên cạnh, nó tạo ra một sự bất cân đối làm người khác hoài nghi về những dấu hiệu của chứng liệt bán thân trên gương mặt già nua, thêm vào đó mắt bên phải nhìn chằm chằm, he hé, cay xè do khói thuốc, lâu lâu lại nháy, làm lệch ria mép theo cái kiểu của vua hài Chaplin. Ông có vẻ vô hồn, xa xăm, ta có thể nghĩ ông đang lim dim ngủ: trên thực tế, đôi khi ông cũng đang thức thật, vì thế mà vài vụ tai nạn đã xảy ra, một bánh xe mắc trong hố, một bên cửa bị bay mất. Ông nhìn phần trên của vô lăng, lạc vào những trầm tư ngẫm nghĩ về một đường xanh ảo mộng qua hàng cây số suy nghĩ, một thế giới không có chỗ cho chúng tôi. Đây chính là khu vườn bí mật của ông, như bà ngoại thường nói. Bà thú nhận rằng bà sợ sẽ lạc lối nếu thử đi vào khu vườn bí mật ấy.

5

Ông ngoại chỉ có một người bạn tâm giao duy nhất. Đó là vị tu sĩ gác cửa tu viện La Melleraye, một con người dễ thương, có nụ cười hiền hậu, và nhiều chuyện đến mức sẽ không chấp nhận đánh đổi vị trí của mình để sống im lặng như các tu sĩ trong dòng, ngoại trừ đó là lệnh của cha Bê trên. Những ngày đông người, như ngày Chủ nhật Phục Sinh, thầy chạy từ nhóm người này sang nhóm người khác, dang tay chào đón những người mới đến, bắt tay họ, thăm hỏi từng người để tỏ lòng biết ơn, xoa nhẹ đầu bọn trẻ con, ôm ghì lấy chúng, nhưng đôi khi hơi thái quá, áp chúng vào chiếc áo choàng của thầy có mùi ẩm mốc khó chịu, thầy lo lắng về việc học của những đứa lớn tuổi hơn, và khi có ai đó than phiền chúng không giỏi tiếng Latin lắm, ừ thì, thầy cũng đâu thể làm gì hơn về ngôn ngữ này, mà cố gắng học một ngôn ngữ chết thì ích lợi gì, thứ ngôn ngữ chỉ còn vài ông bà già như thầy là có thể hiểu, vì vậy chỉ mong vào thiện chí của các

học sinh yếu, và thầy chấp tay khẩn Chúa trời để cầu xin ngài tha thứ tội báng bổ của mình. Thầy tự dần vật bản thân vì trót yêu thương.

Phải viện cố thời gian để có thể thoái lui. Tuy nhiên, cho dù thầy có thích tán chuyện với mọi người xung quanh mình, thì ngay khi vừa nghe tiếng ầm ầm của chiếc xe 2 CV - thầy nhận ra nó ngay lập tức - thầy chấm dứt ngay câu chuyện đang dang dở và chạy về phía cửa để chào ông bạn Burgaud tốt bụng. Ông ngoại đến thăm thầy một hai lần trong tuần. Và sau mỗi lần đến thăm, ông đều mang về nhà món phô mai ngon tuyệt của tu viện, có lớp vỏ màu cam sữa, phần bên trong vàng nhạt với những lỗ tròn li ti, mềm và dẻo - hẳn là nó bị lãng quên trên các kệ hàng, không làm người ta thích thú vì không giống bất cứ thứ gì, nhưng khi nếm hương vị đậm đà của nó, con người ta như đạt đến giác ngộ.

Họ cùng nhau đi dạo trong công viên, ở khu dành cho khách tham quan (phụ nữ thì chỉ được đến thăm khu trưng bày sản phẩm gồm do các thầy dòng làm). Từ xa, đã nghe tiếng chân của họ xào xạc trên đá cuội của lối đi. Họ bước chậm rãi, ngừng chân khi tranh luận đến hồi gay cấn, sau đó họ lại tiếp tục rảo bước: Thầy với dáng gầy gò trong bộ áo choàng thùng thình màu caramel, còn ông ngoại cao

hơn một chút, người hơi khom về phía trước, hai tay bắt chéo sau lưng. Họ thì thầm thảo luận, để giữ gìn sự trang nghiêm khi đứng ở tu viện dưới những tán cây lớn ngàn năm cũng như khi đứng dưới mái vòm trắng của nhà thờ nhỏ có những trụ đá hoa cương màu hồng. Thầy vừa nói vừa vung tay, đó là cách thầy nói to lên nhưng không lớn tiếng. Theo thói quen, khi đã được nửa đoạn đường, và nếu trời đẹp, họ ngồi xuống gờ thành hồ nước, trầm ngâm ngắm mặt hồ phẳng lặng. Nhưng thầy không thích kiểu ngồi dài đằng đẳng như thế: thầy hẳn cũng thích im lặng, trong khi khách tham quan, nhưng với cách thầy gỡ bỏ những viên đá cuội vướng vào đôi dép của thầy, ta nhận ra thầy như đang nóng lòng được bắt chuyện trở lại.

Thầy bật khóc nức nở khi hay tin ông ngoại qua đời, một nỗi đau bất chợt, như một đứa trẻ mồ côi, rồi chẳng bao lâu sau đó, thầy bỗng ngưng ngừng khóc. Thầy lau nước mắt bằng ống tay áo rộng như hình ảnh một người trong một bài thơ già biệt và xin mọi người thứ lỗi: “Xin hãy hiểu cho, tôi vừa mất người bạn tri kỷ”. Sau những lời an ủi theo thông lệ, thầy gượng tươi cười trở lại, thái độ sung sướng bề ngoài này như muốn nói với khách tham quan rằng dù cuộc sống ở tu viện có cơ cực, những người sống ở đây chắc chắn là những người hạnh phúc nhất.

Chỉ thiếu mỗi phụ nữ? Những người đàn ông cho rằng những thầy dòng không biết hạnh phúc, còn phụ nữ thì kết luận vui rằng “Vây là rảnh nợ”. Nói tóm lại, mỗi người mỗi ý, không cần tranh luận nữa.

Thầy Eustache đã thấy lạ bởi một thời gian qua không thấy ông ngoại ghé thăm. Chuyện ấy quả không bình thường bởi chưa đến kỳ nghỉ hè và đây chẳng phải là điềm lành. Thầy còn nhớ lần vắng mặt gần đây nhất là do ông ngoại và bà đi nghỉ mấy tuần ở nhà cô con gái út của họ sau khi chồng cô ấy qua đời, - chỉ mới vào tuổi 40, và để lại ba đứa con thơ, cách đây chưa đầy sáu tháng. Đôi khi Chúa bắt chúng ta phải trải qua nhiều thử thách nghiệt ngã, chúng ta không đủ nghị lực để đáp lại tình yêu của Chúa. Khi ông ngoại trở về nhà, thầy thấy ông có vẻ già đi nhiều. Với những nếp nhăn rõ rệt, gương mặt trầm ngâm, ông không còn quan tâm đến những cuộc trò chuyện với thầy như trước nữa, ông trả lời không như mong đợi hoặc chẳng buồn trả lời, ông thường xuyên mơ màng. Sự ra đi của một người đàn ông còn trai tráng, một người thầy vô cùng quý mến, đã dần vật thầy, thầy cứ hay nhắc đi nhắc lại, như thể đang hiểu ra, dù muộn màng, rằng bí ẩn của sự sống nằm trong cội nguồn đen tối ấy. Thầy tự vấn rất nhiều về “tất cả chuyện này”, bằng một động tác mơ

hồ ôm cả bầu trời, vị tu sĩ bé nhỏ ôm choàng cả nhà thờ, cây cối, mây trời và hồ nước.

Thầy cứ lần hồi nhắc lại những cuộc chuyện trò miên man của hai người, rồi thầy bắt đầu gượng gạo bước đi, mọi người lặng lẽ đi bên cạnh thầy. Ông và thầy đã nói gì với nhau? Đủ mọi thứ, dĩ nhiên về âm nhạc, nhưng không chỉ có thế, thật ra cũng không nhiều chuyện lắm. Ngay chính thầy cũng chỉ biết mơ hồ về lễ ca, và họ cùng quan điểm về Bach nhưng không hề nhất trí nhau về Wagner, thầy cho rằng nhạc Wagner quá chán, đó là chưa kể đến mấy hồi kịch quá cầu kỳ. Thật ra, phải nói đúng hơn là họ đang triết lí. Ông Burgaud hay tò mò, cởi mở, nhưng hẳn là một con người quá lí trí, bù lại ông lại thường quan tâm đến người khác. Thế giới và những bất hạnh là chủ đề tranh luận ưa thích của ông ngoại và thầy. Khi họ phân tích được ngọn ngành vấn đề, họ cùng nhau đề ra giải pháp nhằm xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn. Và bây giờ thì thầy đã có thể kể ra điều này, vì giữa họ đã có giao ước, thậm chí họ đã gửi một bức thư đến Tổng thống Cộng hòa Pháp, sau nhiều lần phác thảo, về việc thành lập cái gọi là “Xe phục vụ¹ vì lòng từ thiện” (kiểu so sánh hẳn là

1. Trong nguyên tác, “voitures-balais” nghĩa là những xe ô tô hỗ trợ chạy sau đoàn đua, để chở những cua-rơ không thể tiếp tục cuộc đua trong giải xe đạp Vòng quanh nước Pháp.

vay mượn từ những chiếc xe chạy đằng sau các tay đua Vòng quanh nước Pháp, nhưng chắc chắn không phải là ý tưởng của ông ngoại, vì trong suốt cuộc đời ông không biết rằng người ta có thể tranh tài trong sân vận động). Dự án này dự tính sẽ đưa các xe tải nhỏ về vùng nông thôn với nhiệm vụ hỗ trợ xe khi cần thiết, thậm chí cư mang những người nghèo khổ.

Điều tiết lộ này không gây ra hiệu ứng như mong đợi ở mỗi chúng tôi, thật ra bởi vì chúng tôi đã biết thời gian gần đây ông ngoại có trao đổi thư từ với các viên chức cấp cao của nhà nước, một dấu hiệu của tuổi già, khi không còn điều gì có thể tạo ấn tượng trên trái đất này nữa. Người ta cho rằng ông không bình thường - một con người kì lạ. Thư kí của Điện Elysée đã trả lời cho ông ngoại rằng thư của hai người đã được chuyển tới ban chuyên trách.

Thầy Eustache đã bị ông ngoại lôi kéo tham gia. Thầy đỏ mặt khi nhắc lại việc làm táo bạo ấy. Ôi, cái ông Burgaud này! Thầy gật đầu, mỉm cười lần nữa, mắt ngược nhìn bầu trời. Thầy không còn đau khổ nữa. Thầy biết giờ đây ông ngoại đang ở với các thiên thần.

6

Thầy càng nói, chúng tôi càng có cảm giác như đang chứng kiến cuộc phẫu thuật cắt bỏ khối u, thầy như muốn chia lìa ông ngoại với gia đình như thể ông là của riêng thầy. Những lời nhận xét tâm tình của thầy: "Sao, mọi người không hay biết gì à?" hay "ông Burgaud không cho gia đình biết à?", càng cho thấy thầy là người ông ngoại thương mến, người bạn mà ông có thể tự do chọn thay cho những gương mặt máu mủ không thể chọn lựa. Vì thế, chúng tôi không biết gì nhiều về ông ngoại, người đàn ông vĩ đại của thầy, chỉ có thầy là hiểu ông nhất, cũng vì thế, thầy độc quyền lưu giữ ký ức về ông. Thật ra vị tu sĩ nhỏ bé này cũng có lí. Ông ngoại đã tìm thấy ở thầy một người biết lắng nghe ông, thấu hiểu những ưu tư thầm kín của ông. Những lần đến thăm thầy giống như những dịp được giải tỏa hữu ích. Từ lâu chúng tôi biết rằng đằng sau sự im lặng của ông là những lo lắng bồn chồn. Thầy Eustache đã lắng nghe chia sẻ an ủi ông ngoại trong

những ngày cuối đời. Xin tạ ơn ông, vì ông đã để lại phần gia tài này cho thầy.

Nhưng ông ngoại dành cho thầy những điều tốt đẹp và để lại cho chúng tôi những điều không hay. Bởi sống cách li với thế giới bên ngoài và những cám dỗ, thầy chỉ có cái nhìn phiến diện về cuộc sống. Trong tu viện chỉ toàn những lời tâm sự thanh tao, những suy nghĩ cao thượng và sự nhiệt huyết bí ẩn. Và ông ngoại đã bước vào tu viện với một con người thuần khiết. Ông để lại bên ngoài cánh cửa những gánh nặng đời người và đi vào bên trong với gương mặt thánh thiện. Bởi lẽ, hẳn là chúng tôi biết nhiều hơn thầy về những việc khác, và cần xem lại đôi chút hình ảnh của thánh nhân: ông ngoại thường giấu những viên kẹo đi để không phải phân phát cho chúng tôi, hoặc chỉ lì xì cho chúng tôi vài đồng ít ỏi trong khi bà ngoại thì lại lén cho chúng tôi nhiều gấp chục lần. Và chắc chắn ông ngoại đã không khoe khoang gì với thầy về chuyến dã ngoại vào mùa hè năm vừa qua.

Mỗi dịp hè, từ lúc ông bà nghỉ hưu, họ thường đi nghỉ ở tỉnh Midi¹, ở nhà cô con gái út Lucie. Sau chuyến đi đầu tiên mệt mỏi trên chiếc xe 2CV, bị hỏng liên tục và những thất vọng về khách sạn, bà

1. Một vùng nằm ngay giữa miền Nam nước Pháp.

ngoại đã quyết định sẽ đi bằng xe lửa, nhanh hơn và an toàn hơn. Bà vẫn không quên được những lời dè bủ không mấy dễ chịu của nhiều người lái xe khác vì tốc độ chậm rì của xe và còn nói rằng lẽ ra ông bà phải vào trong trại tế bần hoặc ở nghĩa trang thì hơn. Đúng là họ không còn trẻ nữa. Điều đó thể hiện khi họ xuống xe lửa, đặt bốn cái vali to đùng nặng nề xuống đất, ông ngoại đưa tay lau mồ hôi đầm đìa trên trán, dưới cái nón rơm của ông, còn bà ngoại đang quạt với tờ báo cũ gấp xiên xẹo, cả hai mệt rã người, gương mặt hằn lên những đường gân mảnh co rút hiện ra dưới lớp bồ hóng đen của đầu tàu lửa – rồi sau đó, khi chú John, ông chồng người Anh của dì Lucie, xách những chiếc vali lên đặt vào trong xe đầy, khi mọi người đi cách xa hai ông bà già đang lững thững từng bước về phía bầu trời trong xanh nơi cổng ra, bởi thấy ông bà mệt mỏi, họ bàn luận với nhau để xem có nên đi chuyển tàu qua thành phố Lyon dù biết phải đổi trạm một lần và chờ ba tiếng đồng hồ hơn là đi chuyển trực tiếp qua thành phố Bordeaux nhưng phải ngừng liên tục ở mỗi ga. Nhưng với bà, cũng như nhau cả thôi, vì bà không hiểu rằng người ta chưa khai phá núi để đi thẳng. Bà tự nhủ vào chuyến đi sau sẽ mang theo một bình xịt nhỏ để làm mát mặt và để quên đi cái cảm giác như đang ở trên một toa chở súc vật. Mùi thức ăn (ôi trời, cái mùi trứng luộc bốc lên ngay dưới mũi bà) trộn

lẫn với mùi mồ hôi. Không phải chỉ do trời nắng. Mà do vấn đề thiếu vệ sinh nói chung: một vài người đã nặng mùi ngay từ sáng sớm, và ai cũng thừa biết là những vệt mồ hôi thấm ở nách áo đã có từ lâu. Nhưng điều khiến bà phiền nhất là tính bất lịch sự. Vào đầu chuyến đi, những người ngồi kế bên có vẻ bề ngoài như vừa bước ra từ lâu đài (với bà lâu đài là một hình ảnh chuẩn mực – như lâu đài của dòng họ Riancé, một trong những gia tộc lâu đời nhất nước Pháp): thật lịch lãm, chân bắt chéo, chỉ húng hắng ho đã vội lấy tay che miệng, đặt vali lên trên bằng một cử chỉ văn minh cao nhã, nhưng rồi, tàu chạy quăng vài cây số, ai nấy nằm ườn ra, dẫm cả lên nhau, tự cho mình lịch sự hơn những người khác, ngôi vườn kiểu Pháp giờ đây trở thành một bãi đất hoang. Bảy lâu nay bà vẫn luôn kiên quyết không để ai nhìn thấy mình ở tư thế nằm ườn, dạng chân và há miệng. Bà luôn giữ gìn những điều này. Bà quạt mạnh hơn nữa, như để xua tan những ấn tượng về cái đêm kinh hoàng ấy trong mùi hương êm dịu của vùng Provence.

Ngài Djon, những công nhân Á-rập trong khu trang trại gọi chồng của dì Lucie như thế, đang lái xe chậm chậm trên lối đi ngoằn ngoèo của khu phố Maures, cửa kính hạ xuống, cánh tay trước đặt lên cửa. Hương thơm từ những ngọn đồi, giống như

hương vị một món ăn giữa đất trời, đang bù đắp những vất vả của ông bà sau chuyến đi. Hàng loạt những mùi hương ngậy ngất dâng lên khi ta đi lướt qua, nào hương hoa xác pháo, hương húng tây, kinh giới, hương thảo, húng dổi, bạc hà, mùi nhựa thông, mùi hăng hăng của cây hoàng dương, mùi chát nhẹ của cây sung ngọt, những thân cây sồi bản trần trụi, những thân cây ô liu oằn cằn, phản chiếu ánh bạc của những chiếc lá cây sồi xanh, bóng loáng của cây thẳng, mùi đất hung, đá phiến đen, bầu trời chuyển màu từ xanh dương sang một màu gần như màu xanh của lá cây thông, cùng với tiếng hát buồn bã của các chú ve sầu bao trùm những khoảng im lặng.

Ở những khúc cua, xe tìm thấy lại những bóng râm mát mẻ trên sườn núi phía bắc, nhiều cây sồi và dẻ gai đang tận hưởng bóng râm mát mẻ ấy, thế nhưng vừa qua khỏi khúc cua, xe lại lao vào cái nắng gay gắt của vùng miền Nam. Đôi vợ chồng già thả người, nghiêng nhẹ theo khi vào những khúc cua và tỏ lòng biết ơn của mình với cái nhìn hướng về phía các ngọn đồi.

Bà ngoại ngồi bên cạnh người lái xe. Có một chàng con rể người Anh đồng nghĩa với việc cuộc sống của bà sẽ không như thường lệ. Bà đã nói với con gái mình: “Mẹ sẽ gọi nó là Jeannot”. Bà sợ bị quê

khi phát âm không đúng tên nước ngoài, và như theo thói quen, bà chọn giải pháp cực đoan. Có lẽ vì thế Jeannot-John quý bà, vì lòng tự ái của một người phụ nữ nhiệt huyết. Bà là một trong những phụ nữ hiếm hoi có thể cười với đôi má hóp. Thế là bà kết thúc câu chuyện của mình với một chi tiết hài hước: cái hành động phản cảm của những người phụ nữ để có gió luồn qua dưới mông họ khiến bà bất mãn. Bà nắm lấy váy của mình bằng hai ngón, vén nhẹ lên và lắc lắc như để giữ bụi. Và bà thành công. Bầu không khí vui nhộn giờ đây đủ để sẵn sàng nghe lại câu chuyện. Bà diễn lại tiết mục của mình. Những ấn tượng xấu của chuyến đi đang biến mất khi vách tường xi măng màu hồng của ngôi nhà xuất hiện phía cuối con đường đá có một lối vào với hai cây bách hai bên. Dưới bóng cây keo, chiếc ghế bành mây như đang đợi ông ngoại. Nơi ông sẽ trải qua mùa hè.

7

Ông ngoại chiếm lấy cái ghế bành từ sáng sớm, sau khi đi dạo nhanh trên các ngọn đồi, giữa những hương thơm tinh tế và trong sự êm dịu của bình minh, trong sự bình yên hạnh phúc trước khi tiếng ve inh ỏi vang lên - một vòng dạo quanh chỉ dài hơn chu vi ngôi nhà một chút thôi, nhưng rất chăm chú, tỉ mỉ, mỗi cây, mỗi con bướm đều có tên của nó, ít ra cũng là những gì ông biết được trong cuốn Đại từ điển Larousse. Không phải là ông quan tâm đến thế giới thực vật - khu vườn của dinh thự nhà Riancé là một đồng ngồn ngang, nhưng đây là cách ông nói chuyện với các cháu của mình. Cùng nắm tay nhau đi dạo, ông dùng cây gậy của mình chỉ vào một loài cây và bảo "húng hương", sau đó ông lại mơ màng im lặng. Qua công việc của một người quan tâm thiên nhiên, qua việc truyền thụ kiến thức, như vậy ông cũng đã hoàn thành vai trò người dạy dỗ. Vì thế, đừng đòi hỏi ông thêm gì nữa, và nhất là đừng bắt ông, như dì Lucie đã yêu

cầu, dạy thanh nhạc cũng như vài bài tập dương cầm cơ bản cho bọn trẻ. Ông làm như không nghe gì. Beethoven điếc trước những Mozart nhỏ bé.

Khi ông đi dạo về, trong bộ áo sơ-mi trắng và quần tây, ông lại ngồi vào ghế bành của mình. Ông đọc báo suốt buổi sáng, bắt đầu một chút trò chơi ô chữ mà dì Lucie sẽ tiếp tục giải nốt vào buổi tối trước khi ngủ, vạch ra trên bụi, bằng đầu gậy, một hình cong tròn mà ông là trung tâm, và vẫn với cây gậy đó - một cây gậy mềm dẻo bằng tre, được chàng con rể sưu tầm - ông gom lá khô thành ụ nhọn như kim tự tháp hoặc làm chuyển hướng đi của những đàn kiến. Khi mặt trời càng lên cao chiếc mũ rơm của ông càng hạ thấp để che lấy mắt, ông nhìn đằng trước, ngả nón chào từ xa một người đàn ông sống trong khu trang trại. Không ai không chào ông khi đi qua con đường dẫn đến cánh đồng nho và rừng sồi. Ông có dáng vẻ của một người Trung Quốc lạnh lùng nhưng trong mắt những người năng động thì toát lên sự khôn ngoan. Ông ngoại là cái trục quay của mọi hoạt động trong ngôi nhà. Ông chỉ chỗ của Ngài Djon cho một công nhân đang tìm ngài vì máy cày bị hư. Và nếu John đang ở trong nhà, ông sẽ là người thông báo, cất cao giọng: "Jeannot, có người tìm con, lại là vụ máy cày." Khói thuốc của ông ngưng tụ giây lát, ở phía trên vành mũ, bao lấy một ánh hào quang

dần tan biến đi. Trong lúc mơ màng, vài tàn thuốc rơi xuống quần tây của ông. Ông nhẹ nhàng dùng bìa cạc-tông của cuốn sổ ghi chép ông lấy ra từ túi áo sơ mi hốt lấy tàn thuốc (ngoài ra, ông ghi chú vào cuốn sổ ấy những khám phá về thực vật của mình) và đổ tất cả chúng vào trong một gạt tàn đặt gần đấy trên một miếng gỗ. Bà ngoại phục ông ngồi cả ngày mà không làm gì và mang tới một rổ đậu tằm để tước với ý đồ bắt ông phải làm gì đó có ích. Khi bà đan móc, bà bắt ông với tay để tháo gỡ cuộn len. Đôi khi ông ngoan ngoãn làm theo với điều kiện đừng bắt ông đứng dậy, nhiều khi ông bị con gái cắn nhả vì vút tàn thuốc còn cháy vào cổ, dì Lucie thì vội vã đưa chân dập ngay điếu thuốc như Thánh Georges trên miệng rồng, như còn chưa đủ, chỉ tay vào những gốc cây của ngọn đồi bị cháy thành than, tàn dư hài hùng của thảm họa cháy vào mùa hè năm ngoái, khi bức tường lửa được chặn đứng chỉ cách ngôi nhà có hai trăm mét, vào đêm ấy lấp lánh những đốm lửa tàn như một tiểu đội đang hành quân qua ngọn đồi, tiếng gõ than phiền kêu rắc rắc, và mùi bánh mì nướng vào sáng sớm, giờ đây ngọn đồi trơ trọc - nguyên nhân hẳn là từ một điếu thuốc như thế. Và ông ngoại tỏ ra hối hận như thế ông là người châm lửa hỏa thiêu Jeanne d'Arc¹.

1. Theo lịch sử Pháp, Jeanne d'Arc (1412-1431) là một cô gái chăn cừu khẳng định đã nghe được giọng nói của các Thánh giao cô sứ mệnh giải

Và bà đã nói đúng (bà ngoại tỏ ra đắc thắng), rằng ông sẽ nướng cháy chúng ta với những điều thuốc lá đó, và bà tiếp tục rượt theo đứa cháu Lucas, con út của dì Lucie, cứ trần truồng chạy vòng vòng trong khu nhà và hét toáng lên bỏ trốn khi bị bắt mặc cái quần lót màu xanh bà đang cầm trên tay. lát sau, họ sẽ chạy lại một vòng nữa nếu bé Lucas vẫn chưa bị tóm, nó còn quá nhỏ để phải mặc quần lót, lúc nào cũng la hét, người vàng từ đầu tới chân. Nó đang tính trốn sau ông ngoại một lát, nhưng rốt cục nó chạy vòng ra khi chợt nhớ rằng nó ghét tên các loài bướm và loài hoa, việc từ chối kiến thức này đã khiến cho ông ngoại không còn thương nó nữa. Thật ra, ông ngoại không can thiệp vào mỗi khi một đứa trẻ khóc lóc vì nghĩ rằng có sự bất công với nó. Nói chung, ông ngoại có thái độ điềm đạm của người phương Đông, như những thiền sư điềm tĩnh vắn cổ những con mèo nhằm đặt đệ tử của họ lên con đường đến chân như viên mãn (nhưng con mèo nghĩ gì về điều này?)¹.

Ông ngoại rời bỏ vị trí quan sát của mình vào giờ ăn trưa và đánh một giấc dài sau đó, lúc trời đứng

thoát nước Pháp khỏi ách thống trị của người Anh thời bấy giờ. Nhờ đó, cô đã giúp Charles VII thắng trận. Sau này, bị bán cho người Anh, cô bị kết tội ma nhập và bị hỏa thiêu tại thành phố Rouen. Năm 1456, cô được khôi phục danh dự và được phong thánh vào năm 1920.

1. Ở đây chỉ công án thiền sư Nam Tuyền trăm miếu.

bóng, khi làn gió tràn qua thiêu đốt như luồng hơi nóng phun ra từ một thanh mỏ hàn phun lửa. Ông chỉ trở lại chỗ ngồi ấy vào giờ uống trà, bà ngoại nhượng bộ, không uống cà phê sữa như theo thói quen – nhưng đổi lại là việc thay đổi cách gọi tên chàng con rể. Sau đó, khi trời mát, trên một nền đất phẳng được quét kỹ lưỡng, chúng tôi trở tài chơi bi sắt trước mặt ông hết ván này đến ván khác. Chúng tôi trịnh trọng mượn ông cây gậy để đo khoảng cách khi có tranh chấp, ông bị ép buộc làm trọng tài và sự có mặt duy nhất của ông đã buộc chúng tôi phải chơi đàng hoàng. Khi bóng tối dần buông, một đàn muỗi bay đến dưới bóng cây buộc ông Thánh tổ Louis của trò bi sắt phải bỏ đi.

Rồi một sớm mai, chiếc ghế bành trống không.

Trời càng về trưa, bà lại cứ đi lòng vòng xung quanh cây keo. Những người dậy sớm nhất đã thông báo sự vắng mặt của ông như thể có chuyện khác thường. Còn bà, bà cho mọi người thấy mình lo lắng một cách e dè. “Alphonse vẫn chưa đi dạo về à?” hoặc “Mọi người không thấy nhà tôi đi đâu à?”. Thậm chí bà còn hỏi cả bé Lucas đang trần như nhộng, nhân chứng luôn có mặt khắp nơi, nhưng thằng bé lại cho rằng nó bị gài bẫy, nó sợ đó là cái mánh của bà, và thế là nó đông mắt. Bà chạy theo nó

cổ giải thích sự hiểu lầm: “Bà chỉ muốn biết cháu có thấy ông ngoại ở đâu không thôi”, nhưng thằng bé, như mèo con sợ hãi, không muốn nghe gì hết: nếu như lần này không phải là việc bắt nó mặc quần vào thì cũng là để bắt học gì đó. Do không một ai biết ông ở đâu, đến trưa cả khu trang trại đều trong tình trạng báo động.

Dượng John đã cố đi theo con đường quen thuộc mà bố vợ thường đi nhưng vẫn không thấy ông, cái con đường đi dạo sớm mai ấy bao quanh phía sau ngôi nhà trên ngọn đồi giữa những cây sồi bản, dọc theo dòng suối cạn nước với những cây sậy nằm hai bên bờ, băng qua cánh đồng nho và rừng cây bụi ở phía nam nơi ông học được những kiến thức về thực vật. Bà nghĩ tới điều đáng sợ hơn. Bà tưởng tượng ông lên cơn đau tim, nằm dài bất tỉnh đâu đó chỉ vì những cái cây quái quỷ của mình, ông không bao giờ biết phân biệt giữa mùi tây và lá của củ cà rốt, hoặc bị rắn cắn, thoi thóp không kêu cứu được, hay ghê hơn là chân bị đen xì, do một con ong có nọc độc chích, một loài ong to dùng người ta gọi là “quả bom” và nọc của nó gây chết người, hoặc do chứng bệnh tiểu đường của ông mà chẳng ai xem là nghiêm trọng và cứ xoa dịu bằng cách cho vài miếng đường nhỏ vào cà phê buổi sáng và một nắm kẹo trong ngày, bất chợt trở nặng

trầm trọng do trời nóng, đường tấn công vào máu, vào nước tiểu, ông ngoại trong tình trạng nửa hôn mê nhớ về cuộc đời mình giữa cỏ thơm, mắt hướng lên trời xanh quay cuồng như kêu gọi ông bay lên trên cái hồ xoáy cao thăm thẳm ấy - vào giây phút cuối đời ông ở trong vòng tay của người yêu sinh năm 1912 gọi tên các loài cây trong tiếng đàn violon và tiếng ve sầu vút cao.

Những công nhân của khu trang trại, đa số là những người đã từng đi lính ở Bắc Phi đều được huy động, mỗi người đều tham gia nhiệt tình vì ông Burgaud luôn tử tế với họ. Bà ngoại yêu cầu tìm kiếm trong các bụi rậm, dò tìm trên các lối đi, đến những con đường bỏ hoang, chú ý kỹ, và nếu bắt gặp Alphonse bị rấn cấn, thì tuyệt đối đừng bắt ông ấy bước đi, vì điều đó sẽ làm tăng tuần hoàn máu và dẫn đến tử vong ngay. Phải hô cứu, sẽ có người mang huyết thanh đến, và mỗi người phải mang theo còi, kèn và trống để chơi nhạc chiêu hồi hoặc dùng tiếng hú của người đôn cúi, làm như vậy sẽ thêm được vài giây quý giá. Bà phân khu vực thành 4 vùng, chia mọi người thành 4 nhóm. Bà điều khiển mọi việc và lâu lâu hỏi ý kiến của dượng John vốn chỉ biết gật đầu đồng ý. Mọi người chia ra tìm kiếm theo kiểu săn bắn bằng kỹ thuật xua thú. Một vài thợ săn heo rừng, những người Huron vùng núi Maures đích thực, cho rằng mình biết ngõ ngách của khu

trang trại, khoe khoang trước mặt bà: “Bà đừng lo, tụi tôi sẽ mang ông về cho bà.”

Và họ chẳng mang được gì về cả. Đến ba giờ chiều, nhóm cuối cùng quay trở về tay không. Cũng khó trong thời kì cháy rừng liên tục, nhưng những ngày qua tình hình đã bớt căng thẳng, khi gió nam đã ngừng thổi, thế là gia đình cho gọi lính cứu hỏa đến.

Những xe jeep đỏ và những xe cấp cứu xếp hàng dọc trên lối đi, ngay chính lúc này một người đàn ông nhỏ bé đội mũ, mặc đồ màu nhạt, đi ngang dò xét việc xuất hiện một đội quân hùng hậu như vậy. Chiếc xe đã đưa ông tới tận cổng vào có hai cây bách, một đặc ân dành cho người lớn tuổi. Ông vẫn ngậm điều thuốc đang còn cháy dở ngậm trên môi, nhưng khi xem xét tình hình, ông nảy ra một ý nghĩ phải làm ngay mà không kịp dập tắt điều thuốc. Và một cách vô thức ông nhét nhanh mẩu tàn thuốc vào túi. Ông dùng cây gậy tre của mình vén một góc tấm bạt che một cái băng ca rất may không có ai nằm trên đó. Ông thấy có vẻ mọi người lảng xãng trước nhà có đặt chiếc bàn dài của những người thu hoạch nho. Những chiếc ly trống in lên mặt bàn những dấu ấn đỏ hồng lấp lánh dưới ánh nắng chiếu nghiêng. Cách đó không xa, một nhóm người tình nguyện vây quanh người chỉ huy. Mọi người đều hướng mắt về phía các ngọn đồi, theo hướng chỉ của người chỉ huy trong bộ đồ đen dày bằng da ôm sát. Vì thế

không ai để ý sự xuất hiện của người mới đến, đang lắng nghe, và khi mọi người im lặng, ông đánh bạo hỏi: “Có cháy à?”

Đã gần 7 giờ tối. Một chục người tình nguyện dưới sự chỉ huy của trưởng đội quân tinh vệ vừa mới tìm thấy ông ngoại.

Khi ông hiểu ra mọi thứ phiền toái này là để truy tìm ông, ông lúi vào trong nhà và nhốt mình trong phòng riêng. Một số người muốn biết vì lí do gì họ phải bỏ nguyên buổi chiều của mình, cho rằng thái độ của ông như thế là hơi ích kỉ. Dượng John cảm thấy đây là lúc mở chai rượu vang hồng thứ hai. Và mọi người cũng tìm ra lí do giải thích sự lảm cẩm của ông ngoại. Đã từng xảy ra những trường hợp tương tự như mất trí nhớ, những người đi lạc vì quên, thậm chí quên cả tên mình: cú sốc về thể xác, tinh thần, não thoái hóa, sung huyết não. Gia đình thì mong mọi người sớm ra về hết để có thể xem tình trạng mất trí nhớ của ông ngoại.

Dì Lucie gõ cửa phòng ông hồi lâu cho đến khi ông quyết định ló mặt ra (bà ngoại phải nhờ con gái mình đi gọi ông vì bà cũng đoán trước là bản thân mình sẽ chẳng làm ông đối ý). Ông kể ông đã đi sang thành phố Hyères¹ suốt cả ngày, chính xác là ông

1. Hyères là một thành phố nhỏ thuộc tỉnh Var ở vùng Provence-Alpes-Côte d'Azur.

thăm vườn cây nhiệt đới, bởi vì sau khi đã khám phá hết các loại thực vật ở rừng cây bụi, ông thấy cần mở rộng kiến thức của mình, khám phá những loài cây cỏ khác, tiếp cận thăm thực vật vùng nhiệt đới, và ông đã thấy ở đó những điều tuyệt diệu của thiên nhiên, những cây đa vối rễ mọc trên không, cây tùng khổng lồ của vùng California, mang tên của một tù trưởng bộ lạc người da đỏ với chiếc lá đỏ rực lửa trên vương miện - đúng như tên gọi - ông lần lượt liệt kê một danh sách dài các loài thực vật hiếm của khu vườn, và có lẽ sợ mình kể lể dài dòng quá, ông kết luận với vẻ hài hước: thì chẳng sao, không ai cấm mình đi dạo. Mọi người đều đồng ý, nhưng lần sau ông nên báo trước với mọi người. Hoặc mọi người có thể nghĩ rằng ông có điều gì muốn giấu? Và nếu đúng vậy, thì chỉ có thể là một người phụ nữ. Một người phụ nữ mà theo cách nói ẩn ý của chúng tôi có nghĩa là một người phụ nữ mảnh khỏe, chắc chắn rất có duyên, và bà ngoại không bằng một phần: hẳn bà cũng là một người phụ nữ quyến rũ khi còn trẻ, bởi vì trẻ thường hay duyên dáng, nhưng bà chưa bao giờ là một phụ nữ đẹp, ngay trên những tấm hình ngày xưa - và giờ đây bà là người phụ nữ già nua, với dáng đi núng nính, với gương mặt nhăn nheo, với cơ thể không còn những đường cong mà bà cố ý che đi bằng cái đầm rộng. Phải có một trí tưởng tượng phong phú để tìm thấy tình yêu nơi người phụ nữ

này - trong khi đó, người phụ nữ kia, sống ở Hyères, hẳn là trẻ hơn và có một nét duyên ngầm vĩnh cửu nào đó, chẳng hạn có một cổ chân thanh mảnh vượt thời gian, cái sự tươi trẻ mãi mãi đó đôi khi cũng nằm ở bàn chân những phụ nữ già nua, cái phần xương nhô đó được bảo quản kĩ càng để giữ da được căng, và bằng một hiệu ứng của phép hoán dụ, chỉ cần có tất cả mọi ham muốn, trang nghiêm, mê mẩn, là có thể yêu một người phụ nữ như thế suốt cả cuộc đời. Nhưng mắt cá chân thô dày của bà ngoại rơi thẳng vào trong giày, luôn được bọc kín, dù trời nóng như lúc này, bằng một chiếc tất dài màu xám chuột hơi tím tái, vì bà không thích đôi chân màu trắng của mình, màu trắng bạch của cơ thể, như những con thú mù lòa và tái mét sống trong hang sâu thẳm không ánh sáng mặt trời. Làm sao có thể cạnh tranh với người phụ nữ bí ẩn ở Hyère với thân hình tắm trong nước biển từ nửa thế kỉ qua?

Ngày hôm sau sẽ có câu trả lời khi bà ngoại lục túi áo vét của ông. Người anh hùng của ngày hôm qua đã lấy lại vị trí cũ của mình dưới cây keo, như không có chuyện gì xảy ra, ngoại trừ một chi tiết nhỏ, đó là ông muốn yêu cầu dẹp cái bàn của người hái nho ra khỏi tầm nhìn của ông, nhưng có lẽ ông nghĩ rằng tốt hơn là đừng để ai chú ý đến mình, thế là ông tự dời ghế lệch qua một chút. Vườn nho và các cây sồi được chăm sóc đặc biệt nếu dựa vào số

lượng người qua lại liên tục. Ông chào đáp lại tất cả mọi người, có vẻ hơi ngượng khi thấy mọi người quan tâm đến sức khỏe của mình với kiểu cười nhếch mép. Đa số đều đã tham gia việc tìm kiếm ông và không ai để bụng vì chuyện này. Ông Burgaud đã lấy lại vị trí quan sát của mình, cuộc sống lại tiếp tục lặng lẽ trôi và ông lại tiếp tục những giấc mơ kì lạ của mình.

Điều quan trọng là bà ngoại không muốn mọi người nghĩ rằng bà có thói quen lục túi chồng mình. Bà không phải là một người như vậy. Nhưng cũng tùy hoàn cảnh, và ở đây những lời có vẻ thú tội khó tin như vậy làm cho người ta nghi ngờ. Và những nghi ngờ đó hoàn toàn có cơ sở: bà đưa Lucie một tờ giấy cạc-tông hình chữ nhật màu hồng, một chiếc vé có ngày và nơi đến tổ cáo rõ ràng việc làm của người bỏ nhà đi, một chuyến đi khứ hồi đến - thay vì phải đọc to nỗi buồn bà đưa cho Lucie đọc - đảo Levant, thiên đường của những người thích tắm tiên.

Hòn đảo đó luôn được thấy từ đất liền, hòn đảo huyền bí, hòn đảo tai tiếng, hòn đảo thứ ba về hướng đông Porquerolles và Port-Cros, mà ai cũng thầm ao ước, nên mọi người cho rằng không có quyền lên án ông ngoại. Và thậm chí điều này như một tin vui. Mọi người thán phục sự can đảm của ông. Những gì ông làm không khiến chúng tôi ngạc nhiên: độc lập trong suy nghĩ, những chuyến phượt

đơn độc, cái cách nói dối gia đình lập đi lập lại như thế. Nếu có một người chịu đi thì người ấy chỉ có thể là ông. Mọi người tưởng tượng ông đi thám thính trên đảo, ra vẻ quan trọng, đứng đưng, phì phèo điếu thuốc trong khi đó ông đang nheo mắt nhìn thân thể phụ nữ, với nhiều bộ ngực khác nhau, sự run rẩy của da thịt, hít thở mùi hương kem chống nắng trên các làn da vàng óng, và trên chuyến tàu quay về đất liền, khi đảo dần xa, cố nhớ những câu chuyện tầm phào để chuẩn bị kể cho chúng tôi: những rế cây trên không, vương miệng lửa - vàng, đúng là ông đáo để thật. Nhưng chuyến bỏ nhà đi này làm ông mơ mộng. Như thế ông đang biết rằng cần phải tận dụng những ngày cuối đời để sống. Và theo đó, thậm chí chúng tôi còn thấy rằng nếu bà mất trước ông, ông sẽ tái hôn như người bạn cùng học thời ở Paris, khi cả hai không một xu dính túi chịu tủi nhục để xem hòa nhạc miễn phí, người bạn này, vợ mất sớm, đã tái hôn muộn lần thứ hai với một phụ nữ cho là trẻ nhưng cũng đã năm mươi rồi, tuy nhiên những điều đó đã mang đến cho ông ngoại nhiều ý tưởng, một người bỗng nhiên từ bỏ sự gắn kết từ năm 1912 của mình.

Bà ngoại không muốn làm to chuyện. Bà yêu cầu mọi người không được tiết lộ sự việc, không được nói với nhân vật chính về những gì chúng tôi đang biết. Như thế chúng tôi cho rằng ông đã đúng khi

thực hiện ước mơ đến đảo Cythere ấp ủ từ lâu, quá thật, chưa đầy một năm sau ngày ấy, ông ngoại qua đời - với niềm tin rằng không ai biết bí mật của mình - vào một đêm, bởi tim ngừng đập, trong căn phòng nhỏ của ông bà nơi chất đầy đồ đạc đến mức phải di chuyển cây đàn dương cầm để có chỗ đưa quan tài vào - nhưng chắc chắn là tim ông đã ngừng đập.

8

Về cái chết của bà cô Marie, lại rất đơn giản. Người ta rút các ống truyền dịch ra khỏi cánh tay trơ xương không động đậy trên tấm drap dọc theo thân thể như xác ướp, người ta giật ống truyền thức ăn đặt trên mũi, và chẳng mấy chốc, tim của bà ngừng đập. Chỉ trong vòng ba giây, vụ việc lớn đã được giải quyết xong. Chiếc đầu bé nhỏ của bà đang đặt nằm nghiêng.

Trong những hoàn cảnh tương tự, đôi khi người ta thấy có một phép lạ về sự kiên cường, vượt ngoài mong đợi, cơ thể tiếp tục tự hoạt động, cố duy trì sự sống trong nhiều năm trước khi đầu hàng - đã có trường hợp kéo dài tới hai mươi năm, trong tình trạng sống thực vật thể hiện qua các biểu bì: móng tay và tóc. Sự kiên cường hẳn là một phần tính cách của bà, giống như chúng tôi đã từng thấy bà còng lưng hàng giờ để giải quyết một bài toán đại số bằng số học trong khi đó bài toán này có thể giải đơn giản hơn bằng cách đặt phương trình, nhưng vì danh dự

của một người giáo viên tiểu học, bà không để những đứa cháu giờ đây đã lên cấp hai ra về dạy đời, đang tìm cách áp đặt cách làm này cho bà. Hẳn là chính nhờ vào tính cách kiên cường này mà bà đã tiếp tục sống trong hôn mê thêm ba tuần.

Bà cũng là cô Marie của cả thị trấn, một cách gọi khác ở vùng này như kiểu gọi “cha xứ”. Cha xứ Random, đã từng được bà ân cần trợ giúp, bắt đầu diễn văn phúng điếu như thế này: “Cô Marie của chúng ta đã ra đi”. Giọng nói kiểu giọng thầy Bossuet¹ hơi làm chúng tôi khó chịu: nổi đau không phải ai cũng như ai. Thật ra, bà chỉ có hai người cháu: bố và chú Rémi, người anh em họ của bố, họ lần lượt là con của hai anh trai Pierre và Emile của bà. Chính ông nội Pierre đã cho xây cho em gái mình ngôi nhà nhỏ bên trong khu vườn nhà chúng tôi, mà không quan tâm đến địa bạ và các giấy phép thủ tục hành chính. Ông đã quyết định như thế để bà không phải làm phật lòng các bà sơ nghiêm khắc đã cho bà ở khi còn là giáo viên tiểu học. Nhưng đó cũng là một cách để tạo dựng lại gia đình đã bị li tán sau sự tàn phá của Đại thế chiến.

1. Jean-Baptiste Bossuet (1627-1704): giám mục Pháp, người thuyết giáo nổi tiếng về tài ăn nói.

Cho dù bà đã từng có ý định thì giờ đây bà cũng khó mà xây dựng một gia đình cho riêng mình: trong mắt bà, những người đàn ông sống sót sau thảm sát không còn duyên dáng hoặc là trong mắt những người đàn ông ấy bà không được duyên dáng lắm. Căn nhà hẻo lánh hai phòng là hình ảnh phản chiếu chính xác cuộc sống nữ tu sĩ béguines của bà: một nhà bếp sơ sài (món đặc sản duy nhất của bà là một món sốt nhạt nhẽo, đặc quẹo và lợn cợn bột, tuy nhiên, thông thường chỉ ba hoặc bốn quả óc chó cũng đủ để nuôi cái cơ thể thô sơ của bà) và một phòng ngủ chẳng lớn hơn bao nhiêu, ở đó có một giường, một tủ nằm, một tủ đứng, một bàn làm việc bằng gỗ cây du màu sáng, phía bên trên là một cái kệ sách có cửa kính, nơi bà để những cuốn sách giáo khoa và một vài sách kinh, và một cái ghế cầu kính, gia tài nhỏ không mấy giá trị ấy đã được chú Rémi bán lại cho người buôn đồ cổ sau khi bà mất.

Tường sơn màu trắng trơn càng làm tăng thêm bầu không khí tẻ nhạt nơi ở. Ta vẫn còn thấy treo trên tường những vật mà trong tâm trí bà chúng tạo thành Ba Ngôi: cây thánh giá, đằng sau là một nhánh hoàng dương đã được ban phép thánh trong ngày Chủ nhật lễ Lá, được thay mới hàng năm (cây hoàng dương trong vườn cung cấp cho cả thị trấn, chúng tôi không hãnh diện gì mấy về điều này), và

đối diện là hai bức chạm khắc to đùng hình Đức mẹ Lộ Đức¹ và Thánh Têrêsa thành Lisieux.

Vào dịp kỷ niệm một trăm năm ngày Đức mẹ Lộ Đức xuất hiện, một cuộc thi tài quốc tế đã được tổ chức (giải thưởng là chuyến hành hương tám ngày cho người thắng cuộc) và bà đã thắng một cách dễ dàng, bà hoàn toàn nắm vững về lưu lượng chảy của con suối vùng Pau, thể tích của hang động Massbielle và màu mắt của Thánh Bernadette. Bà đã mang về nhà sau chuyến đi của mình bức tranh hình Đức mẹ ấy như một giải thưởng xuất sắc trên đó được ghi nắn nót tên của bà và thứ hạng: hạng nhất trên hàng triệu người tham gia - như một tấm giấy thông hành đi lên thiên đường.

Ở góc trái bên dưới bức tranh, một cô gái chần chừ quì bên dòng suối, chiếc váy tồi tàn của cô trải dài trên thảm cỏ, đầu trùm khăn choàng, hai tay cầm một tràng hạt và chắp trước ngực. Cô ngược cao gương mặt sáng ngời hướng về người đàn bà trắng cao, có vầng hào quang lấp lánh ánh bạc, nở nụ cười với cô từ trên cao hang đá, thanh lịch như một người

1. Lộ Đức = Lourdes (tiếng Pháp), tên của một thành phố nằm ở phía Tây Nam nước Pháp, một nơi hành hương nổi tiếng sau nhiều lần Đức mẹ hiện thân vào năm 1858.

mẫu thời trang sang trọng, thân hình được phủ bằng một khăn choàng mềm mại màu xanh với những vạt rủ xuống ôm dọc theo đùi. Dù mang một dáng vẻ thanh khiết, Đức mẹ Đồng trinh giấu dưới áo dài của mình một thân hình yêu kiều. Để biết rõ về điều này, chỉ cần nhìn từ đôi chân trần lộ ra từ đường viền của áo (độ nghiêng nhẹ của hang đá tạo cảm giác mang giày cao gót) và dần lên đôi chân dài, eo thon, ngực phẳng (Đức mẹ Lộ Đức không cho con bú), nhìn lướt dọc chiếc cổ cao mềm mại, và từ đó ngấm ánh mắt ngời sáng ban xuống đứa trẻ hưng phấn một tình yêu thanh khiết. Một bí ẩn của sự hiện thân. Đây là thân thể của Đức mẹ. Đức mẹ Lộ Đức là một trong những Đức mẹ Đồng trinh đẹp nhất, chí ít cũng là đẹp nhất trong hàng hà sa số những Đức mẹ đã từng hiển linh trước mắt những kẻ thường dân bé nhỏ, và đã mang lại những cái tên thật đẹp cho nhiều địa danh – Đức mẹ xứ Bon-Secours, Đức mẹ dòng Toutes-Aides, Đức mẹ dòng Peinière, Đức mẹ xứ la Salette¹, và đã từ lâu họ đã cắt đứt mối quan hệ với Đức mẹ Đồng trinh Maria, người phụ nữ trẻ tuổi xứ Galilee với tình yêu chung thủy.

Hào quang của Đức mẹ Lộ Đức dần mờ nhạt trước sự lên ngôi mạnh mẽ của người đối diện nằm

1. Tên của các Đức Mẹ hiện thân cũng là tên các thành phố.

trong một khung hình đen và vàng óng: Mẹ Térésa, nữ tu sĩ vừa được phong thánh. Sự tín ngưỡng đối với Térésa vô cùng lớn từ khi bà đã cứu nhà thờ Lisieux khỏi bom đạn vào năm 1944 - nhà thờ một mình đứng vững giữa những đồng đồ nát, như một linh tính của bom neutron, nó cũng đã không chạm vào những ngôi nhà xung quanh nhà thờ, vào thời đó, như thế là quá tốt.

Trên những tấm hình, con gái của ông Martin có thân hình đầy đặn của phụ nữ vùng Normandie, đôi má phúng phính căng mọng. Thế nhưng người nghệ sĩ giáo đoàn Thánh Sulpice, một người biết thế nào là cái đẹp hoàn vũ, đã xóa đi những đặc tính địa phương ấy, thay vào đó là một thứ gì đó đẹp mảnh mai, cầm trong tay, như nhà vô địch đua xe đạp, nhanh hồng huyền thoại. Đằng sau mái tóc trùm khăn choàng của nữ tu dòng Cac-Men, một vòng hào quang vàng nhạt tạo thành một vòng tròn hoàn hảo mà tâm điểm nằm ở giữa trán. Thánh nữ được vẽ theo bố cục ba phần tư thân người - người nghệ sĩ đã cắt ngang thân - như vậy có thể đoán rằng nghệ sĩ ấy muốn che đi phần chân. Có thể chọn một gương mặt thánh thiện, kéo dài đường nét, làm đẹp bộ ngực, làm cho eo thon, nhưng cái cổ chân thì không có gì là gợi cảm. Với những thay đổi như vậy, và sau khi được giải thoát khỏi căn bệnh lao phổi, Thánh

nữ Térésa em gái của Hải đồng Jesus đã có thể thực hiện những phép màu.

Bà giữ một mảnh vải vuông, cạnh dài năm milimet, đã từng chạm vào quần áo của Nữ thánh. Với chiếc bùa hộ mệnh này, bà tự hứa sẽ chữa khỏi tất cả những cơn sốt nguy kịch. Khi một người trong ba chúng tôi bị ốm, bà đã tranh thủ lúc mẹ không có ở trong phòng để bắt chúng tôi hôn lên mảnh vải ấy, rồi dùng nó thấm mồ hôi trên trán chúng tôi để hút hết giọt mồ hôi chứa tà khí. Cô em út Zizou thì dè bủi việc ấy, chị cả Nine lại tỏ ra bực bội, nhưng tình trạng mê sảng do sốt cao đã cho phép bà thầy lang của chúng tôi chữa trị theo cách riêng của bà. Sau đó, bà đi tìm mẹ và cố thuyết phục mẹ đo lại nhiệt độ của chúng tôi. Mẹ đã đáp lại với vẻ khó chịu, sốt 40 độ thì làm sao có thể hạ nhiệt chỉ sau năm phút được. Nhưng bà vẫn ngoan cố. Hẳn là không thể tin được rằng một mảnh vải nhỏ trong tủ quần áo của Thánh Térésa lại không hiệu quả bằng thuốc aspirine.

Nữ thánh Térésa thành Lisieux làm lu mờ những ánh hào quang trước đây, những hình tượng trụ cột của tôn giáo, hẳn không phải là những tu sĩ khắc khổ nữa, như mẹ Therese d'Avila, Thánh Jean de la Croix, Thánh nữ Catherine de Sienne, Thánh Dominique, những người đi tìm ánh sáng trong tận sâu thẳm của tâm hồn u mê, nhưng cũng chính là

những vị Thánh được tôn thờ trong cuộc sống hằng ngày, mà vai trò của họ đã nhiều lần được kiểm chứng: Corneille, Christophe, Antoine de Padoue, Barbe, Eloi, Yves, Joseph và dĩ nhiên có cả Victor, vị Thánh đáng kính của thị trấn. Bà đã làm ra một tập tài liệu, kiểu như cuốn Đại từ điển Albert¹, tuyển tập những phương thức bí truyền dùng cho nông thôn. Tất cả những vị đã được tuyên thánh, những vị sẽ được phong thánh, đều được đưa vào danh mục, những hình ảnh tín ngưỡng cũng được sắp xếp, với phần mở đầu là một danh sách của tất cả những triệu chứng sắp xếp theo thứ tự chữ cái và tên các Thánh tương ứng với bệnh cần điều trị. Công việc của cả một đời người.

Trên mọi bảng danh mục, là hình ảnh kính Trái tim Chúa Giêsu đã ban cho nhân loại trái tim rục rờ rút ra từ lòng ngực của Ngài mà không một vết thương như những pháp sư Philippines. Đáng tối cao đang vạch áo, với sự táo bạo của một thiếu nữ trinh nguyên đang khám phá bộ ngực của mình, để lộ ra cây thánh giá cắm giữa hai tâm nhĩ kéo dài cho đến tận cùng sự đau đớn của nhục hình Chúa chịu đựng. Khi ngấm làn da đánh phấn của Ngài, mái tóc kiểu Louis XIII, ngày Thứ Sáu đen tối dường như đã

1. Albertus Magnus là nhà triết học và thần học vĩ đại nhất của Đức thời Trung Cổ. Ông là một trong 35 người được Giáo Hội Công Giáo Roma tôn phong tiến sĩ Hội Thánh.

xa lắm rồi. Lời cầu nguyện ghi đằng sau tấm ảnh hứa hẹn cho những ai đọc nó hàng nghìn ngày xá tội. Vì thế tấm ảnh kính Trái tim Chúa trước tiên là để cứu rỗi linh hồn. Với những vấn đề cơ thể, “đau ruột già” có Thánh Mamert, “bệnh tăng nhãn áp” có Thánh Clair, “bệnh mù mắt” có Thánh nữ Lucie, “ong bầu” có Thánh Friard, “cướp biển vùng Saxon” (hẳn là đối với du khách) có Thánh Similien, “chó sói” (khi gặp phải chúng) có Thánh François, “công lí” có Thánh Yves, “trẻ em” có Thánh nữ None, “trẻ mồ côi” có cha Brottier, “anh em” (hòa thuận giữa anh chị em) có Thánh Donatien và Thánh Rogatien, “hôn nhân” đã có Thánh nữ Barbe và “hạn hán” có Thánh Vio, mà ở vùng Loire-Inferieur này thường không cần lắm. Ở phần “con heo”, dĩ nhiên chúng ta sẽ gặp Thánh Antoine vĩ đại và những cám dỗ của ông, và cũng sẽ có một Thánh tên là Gourin. Trong một khu rừng sâu thẳm của vùng Armorique¹ cổ xưa, vị hiền sư này đã nói vào mặt con lợn rừng: “Hãy cẩn thận, heo con, mày đang phạm sai lầm đó”. Con thú bị thôi miên nằm ngoan ngoãn dưới chân của chủ nhân. Thông thường nếu một con heo đực tỏ ra ương bướng, người ta khuyên hãy đi xung quanh chuồng ba lần và đọc to câu nói trên. Nhưng trên thực tế, bà lại cho rằng nên đem nó đi làm món patê.

1. Tên gọi xưa của một vùng nằm ở phía tây nước Pháp.

Bà còn viết dòng chữ “khả nghi” bên cạnh tên vị Thánh như kiểu Thánh Gourin. Vì bà muốn phân biệt rõ những Thánh ngoại đạo và thông điệp thực sự của Thiên Chúa. Bà nhất quyết chỉ nhận hồng ân của Nhà thờ công giáo, Tòa thánh và La Mã, chứ không tin vào bất kỳ hình tượng nào về ngài Belen và Chúa Gargan, những người được xem là các vị thần của dân tộc người Celtes. Bỏ thường hay gheo bà bằng cách lặp đi lặp lại: “Hãy nâng Thánh Michel, bạn sẽ tìm thấy thần Mercury”. Bà nhún vai khinh bỉ, nhưng chúng tôi cảm thấy việc chúng tôi nhầm lẫn như thế làm bà hơi khó chịu.

Các bà mẹ khi đến để nói chuyện về việc học của con mình đều tranh thủ xem quyển sách đó. Họ bắt đầu bàn về chính tả, những khó khăn về số học, họ đổ lỗi việc học kém cho vấn đề răng miệng và họ ra về với một lời cầu nguyện Thánh Fiacre. Ngược lại, đừng nên đòi hỏi gì ở Thánh Colomban, mà một số phụ huynh khẩn cầu để mang lại một chút thông minh cho những đứa con chậm tiếp thu, bởi lẽ bà chỉ muốn dựa vào tính ưu việt của các phương pháp dạy của riêng bà để người học bổ sung những lỗ hổng kiến thức. Đó là khía cạnh Thế kỉ Ánh Sáng ở con người của bà.

Và nếu như lời cầu nguyện không linh ứng, bà sẽ thêm một bài thơ do chính bà sáng tác:

*Nguyện đức Christophe, người che chở những thợ
bến cảng,*

Ngài hãy thận trọng khi đi xuống nước.

Nguyện xin hài nhi trên vai ngài

Mang gánh nặng nỗi khổ của chúng tôi.

Tất cả những học sinh nữ vùng Random từng học cùng lớp với bà đều thuộc lòng bài thơ trên, hẳn là họ đã đọc lại cho con cái mình - và bây giờ là cho cháu của họ - nhưng do không biết ai là tác giả, nên họ đã cho rằng bài thơ này là khuyết danh thuộc sáng tác dân gian như câu ngạn ngữ về thời tiết giống với một giai điệu của trò chơi nhảy ô, một châm ngôn gần với câu "Hỡi Antoine de Padoue, Đức thánh Lưu manh, hãy trả lại cho chúng tôi những gì không thuộc về ngài". Bà của chúng tôi vốn hay đỏ mặt như người đang nhận ban lễ thánh khi được khen ngợi, và hẳn là cho rằng sự khiêm tốn, một đức hạnh của Đức Hồng y, khiến bà không thể chấp nhận một sự vinh danh văn chương dù chỉ là mang tính địa phương. Cũng có thể do bà sợ làm ảnh hưởng đến giáo hội. Sự tiếp xúc thường xuyên với các sơ rôt cục đã khiến bà tin rằng tội lỗi thường bắt đầu từ khi mình tự mãn với bản thân. Cũng như bà đã từ bỏ những tình yêu của mình, từ bỏ làm mẹ và những dự vọng trần thế, bà nén lại kỹ càng một phần cuộc đời mình nơi đã nảy sinh ra những lời ca.

Cuốn vở ghi chép lời cầu nguyện của bà cũng có nhiều phiên bản về Thánh Christophe. Có lúc Thánh Christophe là người đưa đò ở vùng Loire au Pellerin nhưng trên thực tế ở đó là một bến phà. Nhưng băng qua con sông lớn đó cũng không dễ như băng qua Hồng Hải và bà đổi ý: người khổng lồ hẳn cần những cây cà kheo dài 20 mét để không bị lún sâu xuống đáy sông đầy cát. Vì thế bà đã cho Thánh Christophe làm Thánh bảo hộ các công nhân bến cảng (đối với ai hiểu biết sẽ nhận ra có một sự sát nhập kín đáo) và lấy lại truyền thuyết cũ xưa. Chúa hài đồng Jesus bé nhỏ trèo trên vai của người khổng lồ có vẻ như không muốn xúc phạm đến sự chính thống. Mỗi khi bố có xe mới, bà luôn chắc rằng bố gắn lên trên bảng điều khiển xe tám phù hiệu có hình của người Thánh khổng lồ này đã mang lại may mắn cho bố tới tận bây giờ. Trên thực tế, xe đi cả hàng trăm cây số mà không bị va chạm nào. Giao thông không như lúc bây giờ, các con đường cũng thế. Thánh Christophe là một giá trị bảo đảm.

Thánh Antoine de Padoue được chứng thực: sinh ra tại Lisbonne, bạn đồng hành với thầy François, một nhà du lịch, một người thuyết giáo nổi tiếng, là một trong những tiến sĩ Hội Thánh. Tại sao là một người am tường như thế mà ngài lại được giao việc quản lí các đồ vật thất lạc? Không ai biết

Thượng đế nghĩ gì. Nhưng dù sao cũng nhờ vào sự giúp đỡ của ngài, chúng tôi liên tục tìm thấy lại các vật bị mất: chìa khóa xe hơi của bố trong rương quần áo, vòng đeo rửa tội của Nine trong bụi hoàng dương trong vườn, cặp kính của bà đeo trên cổ, cái tượng gốm bé xíu trong bánh kẹp của vua, tên ăn cắp đã mở hòm phúng đức của nhà thờ, chỉ mới bảy tuổi, thề thốt sẽ không tái phạm và rồi lại đi ăn cắp, tìm ra đường khi chúng tôi bị lạc. Bà cảm thấy khó chịu khi phải đối xử với một người Thánh vĩ đại như vậy như một kẻ lưu manh. Bà nảy ra một ý tưởng thay vì đi can thiệp. Thế nên bà đã viết ra một lời cầu nguyện theo chuẩn của mình, một lời cầu nguyện theo thể thơ tứ tuyệt, và khác với bài dành cho Thánh Christophe, lời nguyện này không bao giờ được tiết lộ cho gia đình:

*Nguyện Thánh Antoine de Padoue
 Khi con cúi mình trước ngài
 Xin ngài hãy hạ chiếc đèn xuống
 Để con tìm lại đồng xu nhỏ của con*

Nhờ vào đó chúng tôi có thể hình dung ra nhà hiền triết Diogenes đi khắp nẻo đường thành Nhã Điển tay cầm cái lon, có vẻ đang đi tìm một người nào đó, nhưng trên thực tế đang đi tìm lại mấy đồng xu bị thất lạc tối hôm trước trong khi ấy ông đang say khướt ở phía kênh đào. Hệ quả là hình ảnh của

người hành khất quyền uy không còn tạo thiện cảm nữa: Diogenes chỉ quan tâm đến tiền bạc của mình, thế thôi.

Còn điều xui xẻo nào có thể xảy ra với chúng tôi nữa? Một chiếc nền sập thắp trước bàn thờ giúp vượt qua kì thi, Thánh Joseph bảo vệ gia đình, ngài Christophe bảo vệ xe, mẹ Theresa mang lại sức khỏe, Thánh Victor mang lại cho thị trấn bầu không khí thân mật và Đức mẹ, đầy uy quyền, bằng những câu thần chú của người, đem lại cho dân chúng một tháng năm tươi đẹp, mùa màng bội thu, sự trở về của những người đi lính, những mẹ tròn con vuông và hàng ngàn những phương thuốc để có thể vượt qua nhiều thảm họa thế giới một cách vẹn toàn. Sau khi bà cô Marie qua đời, chúng tôi đã tìm thấy dưới nhiều bức tượng thánh được bà đặt trong các hốc tường của khu vườn cũng như phía sau các bức ảnh tín ngưỡng trong phòng bà, hàng chục mẫu giấy gấp nhỏ. Trên mỗi mẫu một lời yêu cầu, một lời cầu nguyện. Không phải cho bà, mà cho thế giới nhỏ bé của những người thân của bà. Cầu cho J. không gặp tai nạn, cầu cho cửa hàng lại tiếp tục buôn may bán đắt, cầu cho N. qua lớp 9, cầu cho X. tìm được việc, cầu cho Y. khỏe mạnh, cầu cho Z. ra đi thanh thản và sớm siêu thoát. Nếu lời cầu nguyện không linh ứng, vị Thánh đó bị cách ly, bức tượng của Thánh đó sẽ quay úp vào tường như một đứa học trò bị phạt.

Ngày hôm sau ngày bố qua đời, Thánh Joseph, người thợ mộc to lớn bằng thạch cao đang ôm đứa con mình bằng một tay, đã bị bắt đứng quay lưng nhìn cuối phòng. Sự thất bại quan trọng này hẳn cho thấy điều kì diệu đã chẳng bao giờ xảy ra. Nhưng bà lại nghĩ rằng chỉ có mình bà là người có lỗi. Bà giận mình đã quên khẩn cầu vị Thánh đặc biệt giúp ngăn cục máu đông chèn giữa tim và não. Làm sao có thể tin được rằng ở tuổi 40 con người vẫn có thể mê muội như thế.

Với hy vọng bà sẽ được phong thánh, hồi bà cô Marie, hãy thương hại chúng con, vì chúng con phải vượt qua các kỳ thi mà không có bà thấp nển nhà thờ cầu xin, đối mặt với cuộc sống mà không được bà cầu nguyện và tiếp tục tự lực trên con đường chinh chiến, với hai bàn tay trắng, không có sức mạnh cũng như không có sự dẫn dắt của cháu của bà, của cha chúng con (một trăm năm xá tội).

9

Ngay khi trời bắt đầu ấm lên sau những tháng lạnh giá, bà luôn mở cửa nhà đón ánh nắng hoặc nghe tiếng mưa. Mỗi buổi sáng, như thường lệ, bà rải trước lối đi những mảnh vụn bánh mì sót lại của bữa sáng. Về lí thuyết tất cả các con chim đều được mời đến bữa yến tiệc, nhưng con chim cổ đỏ từ cây lê của nó đứng quan sát và ngăn không cho chim sẻ và sẻ ngô lại gần, chỉ nhường cho chúng những gì còn lại sau khi ăn xong. Con chim cổ đỏ của bà nhảy lên giận dữ khi một kẻ lạ mặt tìm cách bén mảng tới. Nhảy loắt choắt trên máng nước xi măng, nó yên tâm thưởng thức bữa ăn của mình, tự tin về sức mạnh. “Con chim cổ đỏ của tôi”, bà gọi nó như thế - một cách dùng sở hữu bất thường đối với một người không sở hữu gì cả như bà (bà gọi nhà mình là “ngôi nhà trong vườn của Joseph”).

Bà, một con người nghiêm khắc với trẻ em và thú nuôi trong nhà (tội nghiệp con Pyrrhus, con chó giống spaniel của chú Rémi, bị bà lắc chuông bên tai mỗi khi

nó hú) lại biết nói chuyện với chim: không có những biểu hiện yêu thương quá mức, chỉ là một cuộc sống trung hòa giữa sự yên lặng và sự tôn trọng thế giới của người khác - luôn với thân hình mảnh mai, đầu rụt vào vai, luôn với những đồ trang sức không mấy ấn tượng, luôn với những bữa ăn ít ỏi (có khi bà chấp nhận nhấp ít rượu mùi sau khi đã nói chuyện rôm rả với nhau nhân một ngày lễ hoặc một tiệc sinh nhật nào đó, một chút rượu nhỏ thôi cũng đủ), thức dậy và ngủ vào một giờ cố định, luôn với một sự kín đáo đáng sợ. Bà kể rằng con chim cổ đỏ của bà dám bén mảng tới cái bàn làm bếp lúc bà đang nấu ăn, nó rất tự nhiên, thậm chí còn tỏ vẻ quan tâm bằng cách lắc lư cái đầu như thể đang thắc mắc tại sao bà lại làm như thế. Nhưng chúng tôi chỉ nghe và biết lời bà kể thôi vì khi có mặt chúng tôi, nó chỉ mổ lấy những mảnh vụn và tha về tổ của nó ở trên cây lê. Và đó là chuyện riêng giữa bà và con chim cổ đỏ.

Khi đi ngang trong khu vườn, chỉ cần liếc mắt vào ngôi nhà qua cánh cửa mở là có thể bắt gặp bà đang làm những công việc thường ngày của mình, vẫn luôn ngồi ở bàn ăn hoặc bàn làm việc, vẫn chăm chú - bà luôn nghiêm túc trong mọi công việc dù nhỏ nhất, ngoại trừ công việc nhà, bà làm rất cầu thả vì bà cảm thấy đây là một việc tốn thời gian. Bà may vá cũng y như nấu ăn. Bà lôi những quần áo cũ ra khâu vá, những chỗ rách được vá lại bằng cách kéo

hai mép của vết rách sát nhau rồi khâu bằng một sợi chỉ và sau đó là thắt thật chặt lại, vì thế các váy áo của bà luôn có nhiều nếp gấp lạ lùng. Ngày thứ năm, ngày nghỉ của bọn trẻ, là ngày bà chuẩn bị các bản tin giáo xứ để đi phát vào buổi chiều, bà đến từng nhà, luôn với câu nói ấy: “Người phát thư đây” - rồi bà khôn khéo thêm vào “của Chúa đáng kính”, và câu này trở thành một loại mật mã, người nhận đọc lên cùng lúc với bà. Và như thế, ở mỗi nhà, đôi khi bà biến đổi một chút câu của mình để không làm người nghe bị nhầm chán. Bà gấp bản tin làm bốn và quấn xung quanh nó một miếng dải băng mang tên người nhận, dù không ai bắt bà làm điều đó, hoặc ít ra bà muốn ra vẻ mình là một sứ giả của Nước Trời.

Trước khi ngồi vào bàn viết, bà đeo một chiếc găng cũ kĩ màu đen vào tay phải, nó chỉ được đem ra sử dụng vào lúc này, với mục đích để các ngón tay không bị lem mực vẫn còn ướt lúc gấp các bản tin lại. Bà thực hiện các động tác một cách chuẩn xác và dần dần căn nhà bếp nhỏ xíu ngập giấy, bà ngồi đối diện với bức tường trong một bầu không khí trang nghiêm, thời gian như ngừng lại, trong khi đó các tờ tin trên giấy hồng, xanh lá, vàng hoặc xanh dương tùy theo tuần được xếp theo từng xấp mười trên tấm vải dầu - nếu cao hơn thì sẽ đổ.

Đôi khi chúng tôi muốn phụ bà một tay. Bà dành cho chúng tôi một chỗ và chúng tôi ngồi sát nhau ở ba cạnh bàn. Một mắt nhìn cách bà làm, mắt còn lại nhìn tác phẩm của chúng tôi, chúng tôi cố gắng bắt chước theo cách của bà, dù chúng tôi cố sức làm, chúng tôi vẫn không thấy có gì hấp dẫn. Như thể trò chơi của chúng tôi nghĩ ra vào những lúc rảnh rỗi trong kỳ nghỉ hè tương chừng như giúp chúng tôi đỡ buồn, nhưng khi bắt đầu chơi, chúng tôi mới thấy những trò ấy không vui như mong đợi. Hơn nữa bà cũng dè chừng với sự nhiệt tình của chúng tôi và những hệ quả, nên bà cũng không tỏ ra mừng lắm khi chúng tôi đề nghị giúp - mặc dù bà cũng cảm thấy thích khi chúng tôi tỏ ra quan tâm đến công việc làm không công của bà, một công việc cần mẫn để hoàn thành sứ mệnh truyền tin. Bà không thể từ chối ba người lính mới gia nhập vào đội quân của Chúa. Dù sao bà cũng không từ chối điều gì từ mấy đứa con của Joseph. Nhưng bà biết rõ rằng rồi sẽ tùm lum ra.

Chúng tôi làm chưa được một xấp hai mươi tờ bản tin là chúng tôi bắt đầu làm ấu. Bốn góc tờ giấy có dấu hiệu bị lệch trong khi đó chúng phải chổng lên thành một góc vuông ngay ngắn. Những tờ tiếp theo ngày càng giống mấy cây quạt. Bà thở dài, làm lại, mở bung các tờ đã gấp ra, vuốt mạnh chúng với bàn tay có đeo găng, gấp lại và đó các cháu phải làm

giống như bà đây nè, gấp tư một tờ giấy đâu phải là một việc khó làm. Dạ, dạ, lần này chúng cháu đã biết rồi. Chúng tôi lại tiếp tục với nhiều quyết tâm, nhưng rồi lại mau chán. Các góc lại không được gấp ngay ngắn, thêm một chút nữa, và rồi lại giống những cây quạt. Như một giọt nước làm tràn li, khi một trong những tờ gấp bị loe ra, chúng tôi che mắt lại và bắt chước điệu bộ của các tu sĩ dòng Carmen, và thế là bà mất bình tĩnh, nổi giận như con chim sẻ đang quần quai đầu đốn trong vũng máu. Bà giật lấy tờ giấy trong tay chúng tôi, bực bội, giậm chân và chỉnh lại cặp kính gọng mạ vàng: nếu bà phải gấp lại hết, tốt nhất bà tự làm lấy một mình. Bà nói thêm, như một người nghệ sĩ đang độc thoại, tuy nhiên cũng đủ lớn để chúng tôi nghe thấy, rằng bà làm cũng quen rồi. Và qua lời trách móc cuối cùng này, ẩn chứa một điều bí ẩn về cuộc sống buồn bã của bà, bà liệt kê tất cả những thứ bà phải từ bỏ, nên bà nổi tiếng là một người có cuộc sống thanh khiết. Chúng tôi hiểu một cách mơ hồ: khi nhìn bên trong ngôi nhà chật chội, không có một thứ trang trí nào ngoài tấm lịch của bưu điện, khi nhìn bóng dáng già nua, còng lưng của bà, khi nhìn thấy cuộc sống khắc khổ, eo hẹp, đơn điệu - trong vài giây chúng tôi cảm thấy ăn năn, chúng tôi tự hứa sẽ không tái diễn.

Sau khi gấp xong, bà cắt những dải băng giấy màu trắng để quấn các bản tin, bà làm một vòng dẹt

được dính lại bằng keo trắng. Bà dùng một dao phết bằng nhựa để quét hồ dán, nhưng gậy đôi dưới lực ấn của bà, sau đó dùng diêm quét đã bỏ đi đầu đốt để thay thế. Vì không bao giờ vứt bỏ thứ gì, bà tiếp tục sử dụng những diêm quét còn dính ở ngón tay để đốt ga để rồi phải vội vàng thổi tắt chúng.

Nếu bà chịu đựng được chúng tôi cho đến lúc này, bà đã phải trải qua một thử thách đáng sợ nhất - việc lãng phí giấy trắng mà bà cố công lấy lại. Bà lo lắng quan sát chúng tôi, cầm cái kéo trong tay, cắt những dải trang trí, những vòng hoa và dĩ nhiên những tấm khăn lót ly chén: những tờ giấy gấp bốn, gấp năm, được cắt tỉa, gọt mép, khoét và khi bung ra, chúng tạo ra một hiệu ứng ren rất đẹp. Chúng tôi tỏ ra tự hào, bà đứng trước mặt chúng tôi giơ các tác phẩm của chúng tôi ra và buộc phải gặt đầu, nhìn chúng tôi mỉm cười qua những lỗ ren.

Đối với giai đoạn cuối cùng của công việc, chúng tôi tỏ ra có ích. Bà đưa chúng tôi một cuốn vở có danh sách những người đăng kí bản tin, và lần lượt từng người chúng tôi đọc chậm rãi danh sách các tên dài ngoằng để bà ghi lại bằng chữ viết đẹp của một bà giáo viên dạy tiểu học, với cây viết mực bằng lông chim, bà nắn nót từng nét thanh nét đậm, hơi bực bội khi chúng tôi đọc quá nhanh hoặc khi chúng tôi không để ý người nào đó đã được ghi "đã

qua đời” - được bà ghi tắt. Dải băng giấy còn dư sẽ được dùng làm nháp.

Công việc này buộc chúng tôi nghiêm túc. Chúng tôi vẫn tiếp tục giỡn khi gặp phải hai ba cái tên hơi ngô ngộ, lúc nào cũng là những cái tên ấy, nhưng việc đọc danh sách này như thể đang gọi tên lần cuối buộc chúng tôi phải có thái độ nghiêm túc. Giữa hai lần đọc tên, chúng tôi nghe thấy tiếng ngòi viết trên giấy, tiếng gõ tách tách của cây viết trong lọ mực, tiếng di chuyển của bàn tay trên giấy thấm mực, tiếng thở dài của bà. Bà nghiêng ba phần tư cái đầu bạc tóc của mình, bằng ánh mắt, bà yêu cầu chúng tôi tiếp tục đọc. Công việc ghi chép này có thể so sánh với công việc thực hiện cuốn sách về các nghi thức lễ bái.

Một khi bà kết thúc công việc này, bà để bút ráo mực, chùi sạch ngòi bút và bọc nó bằng một mảnh vải hình chữ nhật để đầu ngòi bút không bị cùn bên trong hộp đựng.

Bà không muốn nghe nói về cây bút bi, sự ra đời của nó đã làm cho bố rất phẫn khích đến mức đi đâu bố cũng ca tụng nó. Bố thấy đó là một sự giải phóng, tiến bộ đã một lần nữa làm lung lay sự nô lệ. Chấm dứt những cây bút chày mực ra túi bên trong của áo vét, làm dơ tay áo sơ mi của bố. Những người chào hàng, những người mang hiện đại tới khắp mọi miền, đã tin tưởng vào đổi mới. Bố đã có thuyết

phục bà rằng cây bút bi là tương lai, rằng ngay cả học trò của bà cũng sẽ dùng bút bi, rằng mọi người đã bỏ bút lông ngỗng để dùng bút mực bằng kim loại, với hình dạng hoàn toàn khác, rằng bà phải sống theo thời. Nhưng bà cho rằng mình đã làm đúng với những gì mình nghĩ nên bà hoàn toàn không nghe những gì cháu mình nói. Một con người không thể mua chuộc. Đối với bà, cây bút bi dẫn đến sự suy tàn, sự từ bỏ của việc rèn chữ viết, và bà đoán trước các nguyên tắc hợp giống hợp số của quá khứ phân từ, những biến đổi về các thì ("*après si jamais d'V*"¹), những bất qui tắc và các dấu mũ ("*Le chapeau de la cime est tombé dans l'abîme.*"²), tất cả những nét đẹp của động từ gây chóng mặt được bà giải thích bằng những loại câu thần chú ("*Je commence à m'apercevoir que le verbe apercevoir ne prend qu'un 'p'*"³). Cây bút bi là con ngựa thành Troie to đùng của bốn chàng kị sĩ, một kiểu tháp Babel nơi thế giới và ngôn ngữ sẽ biến mất. Vì ngôn ngữ là thuộc Tạo hóa, có nghĩa là thuộc thần linh. Số phận của nhân loại nằm trên đầu ngòi bút mực hiệu *Sergent-major*.

Thật ra, bà sợ nhất là việc người ta sẽ không cần đến tài năng của bà nữa. Bà đã lén kéo dài thêm năm năm thời gian trước khi nghỉ hưu, nhưng một tấm

1. Sau *si* không bao giờ có *V*.

2. Chiếc nón của ngọn cây đã rơi xuống vực thẳm.

3. Tôi phát hiện rằng động từ *apercevoir* chỉ có một chữ "p".

mề đay vì sự nghiệp giáo dục dài nửa thế kỉ của bà cuối cùng cũng đã làm bà thôi dạy ở trường các sơ. Và một bữa tiệc mừng bà về hưu được tổ chức, như một cách buộc bà phải cam kết trước mặt mọi người là sẽ từ giã và không quay trở lại nữa. Thị trưởng, cha xứ, phó giám mục, các sơ trong dòng được phép ra ngoài, những người truyền đạo đang dừng chân trong thị trấn, những quan chức, hầu hết toàn bộ học sinh cũ - ba thế hệ, một số giờ đây đã làm bà ngoại bà nội, và những ai không thể đến dự đã gửi vài chữ chúc mừng, được đọc trước mọi người - nhiều kỉ niệm, bà xúc động, bẻ những ngón tay như một bé gái trên bục giữa sân trường, dáng người nhỏ bé của bà nhận được những lời ca tụng, bà đỏ mặt khi một quan chức ôm lấy bà (người ta nghe được cả âm thanh môi của bà khi hôn chạm má trong loa phát thanh), và sau đó dũng cảm phát biểu lấp bắp những lời cảm ơn, bày tỏ sự nuối tiếc phải rời công việc bà đã gắn bó cả đời - nhưng phải nhường chỗ cho tụi trẻ, đúng không? Bà không hề nghĩ như thế, dĩ nhiên bà biết chắc rằng sau khi bà không dạy nữa, sẽ là đại hồng thủy, có nghĩa là những cây bút bi và lỗi văn phạm - và bà kết thúc bài phát biểu của mình bằng một sự hài hước, nói rõ với những người đã đặt mua bản tin giáo xứ rằng ngay từ thứ năm tuần sau họ sẽ gặp lại người đưa thư của Chúa. Và thế đấy bà đã nói rõ với mọi người: tôi vẫn chưa đến lúc phải

chui xuống lỗ. Bà không rơi một giọt nước mắt khi có tiếng thút thút, không một giọt. Bà bước xuống khán đài vẻ mặt lạnh lùng, bà đang dối.

Thời gian sau đó, bà dành tâm huyết của mình để hoàn thành những công việc của giáo xứ, và sự tận tâm quá mức này đã bị Mathilde, vợ người anh trai quá cố của bà, trêu chọc, bà Mathilde này có những suy nghĩ phóng khoáng làm bà Marie sợ. Bà không nói gì và chờ thời cơ đáp trả. Bà nói bóng gió rằng những cây hoa dạ yên thảo do bà Mathilde chăm sóc với nhiều đam mê lại không đẹp và xum xuê như ở nhà cha xứ. Bà Mathilde đáp trả rằng bởi vì chúng không được tưới bằng nước thiêng. Bà Marie nhún vai và nói “pfff” khinh bỉ cùng với một loạt nước bọt, bà cầu nhàu bỏ đi giữa các chậu hoa. Xích mích giữa hai bà bắt đầu cũng đã lâu. Nhưng chúng tôi chẳng để ý đến những cuộc cãi nhau giữa các bà cô - giờ đây tiết mục của họ đã quá quen thuộc, như thể hai chị em song sinh, lại vừa là đối thủ của nhau, bởi cùng yêu thương một người đàn ông, một người thương anh trai và một người yêu chồng. Những cuộc cãi nhau của họ là sự thể hiện tình cảm yêu thương phức tạp. Nếu sau vài giờ, bà Marie không quay trở lại, bà Mathilde tới tận nhà của bà để mời phần súp còn dư, vì nếu không thì cũng đổ đi, và khi chấp nhận làm điều này, bà đang chứng tỏ sự tận tâm của mình. Một lần khác, bà Mathilde buộc

lòng phải đan cho bà Marie một tấm khăn choàng với lí do rằng bà Marie làm mọi người xấu hổ với cái thứ rách rưới trên vai. Và lúc nào cũng là những lời nhận xét muôn thuở về sự sùng đạo của bà Marie. Một kiểu để trả ơn nhau trong hai mươi năm - hai mươi năm đã nhận và trao nhau sự yêu thương - và trong những lần cãi nhau là lời trách móc, giờ đây chỉ còn là dĩ vãng, rằng người này là một phần nguyên nhân đau khổ của mình. Đây đúng là ý nghĩa của hoa dạ yên thảo trong ngôn ngữ loài hoa.

Bà hết mình vì giáo xứ đến nỗi bà lo lắng không biết ai sẽ tiếp tục công việc của mình sau khi bà qua đời. Chuyện cũng đơn giản thôi. Sau khi bà mất, các bản tin sẽ được để ở tiệm bánh mì, mọi người tự lấy khi ghé qua tiệm. Chỉ tội cho những người ở xa phải nhờ bưu điện chuyển đến những tin tức của giáo xứ, để dù ở tận cùng trái đất (những người truyền giáo) thì cũng có thể biết rằng vào ngày 5, lúc 7g30, sẽ có một buổi lễ ở nhà thờ tưởng niệm người đã về với Chúa cách đây một năm, rằng vào ngày 7 sẽ tiến hành lễ cưới của con trai ông này với con gái bà kia, hoặc là lễ mai táng ông nào đó qua đời ở tuổi 75 - tưởng nhớ, khẩn nguyện, cầu an.

10

Sau khi bố mất, một cảm giác buông thả đè nặng. Mọi thứ đều không ai chăm sóc và những kẻ không mời đang kéo đến chiếm đóng: cỏ mọc đầy vườn, lối đi phủ rêu xanh, cây hoàng dương không người tỉa tót, chẳng ai buồn thay những tấm gạch lót sân khiến tù đọng nước, tường gạch lung lổ chỗ, đồ vật ngổn ngang chờ người thu dọn, sự vá vúi trong một vịnh cứu tạm thời. Không một thứ gì có thể ngăn được sự tàn lụi dần dần.

Vài ngày sau khi mai táng bố, Julien, người đào mộ, mang trả cho gia đình ba vật có giá trị mà anh đã lấy được từ bên trong hầm mộ gia đình: hai chiếc nhẫn cưới của ông bà nội, hàm răng giả bằng vàng của bà nội. Anh ấy đặt những vật đó lên bàn ăn, rụt rè, với sự dè dặt của một người mắc tội. Trước đây anh là thợ nông, một công việc thấp hèn nhất ở nông thôn, một người bán sức lao động chỉ được ngủ ở

chuồng trại và được trả công bằng bữa ăn. Do đó, khi được làm công việc đào mộ, anh xem điều đó còn hơn cả sự thăng chức ngoài mong đợi, với anh đó như việc trao binh giáp cho kị sĩ. Anh được tuyển dụng cho công việc này nhờ một lời nói ẩn dụ. Khi anh đưa người chủ của mình về nơi an nghỉ cuối cùng, hình như anh đã đáp lại lời của thị trưởng khi được hỏi: “Những người chết cũng như một hạt giống, ta gieo xuống đất, và sau đó tất cả đều là ý trời.” Cũng có thể là do lúc sơ khai, con người chôn người chết xuống dưới đất, tin vào luân hồi, nên những thế kỉ sau đó, họ nghĩ ra việc gieo mầm xuống đất như gieo sự hy vọng. Cho dù là gì đi nữa, nhờ câu chuyện này được mọi người truyền nhau, Julien có được sự kính nể. Họ thấy anh cũng là một người có chiều sâu, thật đúng với công việc bên cạnh người chết của anh. Trong những lời bình luận, mọi người tự nói với nhau rằng khi ở gần với thiên nhiên, một người cô đơn thường hay dễ đạt đến trạng thái xuất thần - điều này có vẻ dễ hơn việc phát minh ra lực vạn vật hấp dẫn từ một quả táo rụng. Do còn một vị trí trống cho công việc đào mộ, thị trưởng và hội đồng của thị trấn, ấn tượng bởi con người mầu mịch, và sự thông thái của Julien, đã không ngần ngại giao cho anh, người thợ triết gia đang thất nghiệp, công việc đào mộ ấy.

Trong những thời gian đầu, anh tưởng rằng mọi người vẫn muốn nghe anh nói thêm vài câu. Anh không ngần ngại tuyên bố: “Đá là xương của đất”, nhưng anh không tìm thấy lại được nguồn cảm hứng như lúc trước, nên sau này anh chỉ làm những gì thuộc phận sự của mình. Do quen tiếp xúc với người chết, anh được quyền không phải hạ giọng khi anh điều hành công việc, phá tan những tiếng thì thầm của khách viếng và cho thấy sức mạnh của mình ở nơi này. Anh di chuyển như một con mèo giữa các ngôi mộ trong bộ đồ làm việc màu xanh, chấp vá, đầy đất, chiếc mũ bê-rê bé cụp xuống thành hình chữ V ngược ụp che lấy phần trên mắt, sai bước trong đôi ủng cao su màu xanh lá. Vào những ngày nắng nóng chai rượu của anh được giữ mát trong một chậu nước, gần vòi nước duy nhất của nghĩa trang, nơi anh treo cái áo vét của mình. Anh dựng lại cái bình hoa bị gió làm đổ, nhổ một nắm cỏ, cào bằng lớp cát phủ một ngôi mộ, chỉnh ngay ngắn một cây thánh giá, sắp xếp lại một bó hoa một cách nhẹ nhàng với đôi tay chai sạn của mình nắm chặt cán cuốc. Như một hạ sĩ của đội quân âm phủ, hẳn là anh sẵn sàng néo tai những người chết nào tới phá rối.

Ngày huy hoàng của anh là ngày lễ các Thánh. Anh tổ chức bán các chậu hoa cúc vạn thọ trong một gian hàng gồm ba tấm ván đặt trên hai cái mễ dựng

trước cổng ra vào nghĩa trang. Con trai của anh, thằng bé Yvon phụ giúp anh một tay, thật ra nó không phải con ruột của anh, anh làm việc như một doanh nhân. Ngay khi có khách hàng, anh đến với từng người, cung kính như một người hầu, khúm núm, liên tục đẩy chiếc nón bê-rê của mình lên, một con người bận rộn không có thời gian để thờ. Đó cũng là một cách để thư giãn đầu óc, để có thời gian suy nghĩ về giá bán, vì anh gặp khó khăn trong việc tính toán. Để cho dễ, anh làm tròn chẵn tất cả các giá, đến nỗi theo năm tháng sẽ có lời hơn khi mua chậu ba bông hoặc chậu bốn bông.

Anh rút từ sâu trong túi sau của chiếc quần anh mặc chùng xuống tận đầu gối một cái ví dày cộm bằng da, trong đó anh cất tiền giấy, với sự tự tin của một người môi giới ranh mãnh. Chậu bé Yvon chỉ bằng lòng với cái ví giả bằng giấy dày, một hộp đường Chantenay rỗng, được gấp lại để tạo thành hai cái túi nhỏ, một cái đựng bi, một cái đựng tiền xu. Khi nó đến làm vườn vài giờ mỗi tuần tại nhà bà Mathilde, bà tặng nó cái ví cũ kĩ của cậu con trai Rémi, được đánh bóng, làm mới, nhưng lần tới, khi nó được phát lương, nó vẫn lôi cái đồ gấp của nó mà nó giới thiệu như là mẫu phát minh, minh chứng cho một bộ óc tài ba. Thực ra, nó giống người tiền sử tháo vát hơn là người tiền sử bác học: không ai biết nó là con trai của chú nó hay của ông nó, nhưng sự

kế thừa đồ sộ này chắc chắn đã để lại hậu quả. Nó được cha nuôi giao nhiệm vụ đi giao những chậu hoa cúc vạn thọ cho những khách không ở nghĩa trang Random. Nó đặt chậu hoa vào trong một cái sọt rồi cố hết sức cột chặt ở trên chỗ để đồ của chiếc xe đạp, sau đó nó leo lên xe, quay mũ lái trai ra phía đằng sau, và hét to “Đi nào Bobet”, rồi lao đi thật nhanh.

Ai cũng coi thường nó. Từ nhỏ, nó luôn bị bạn bè trong lớp đem ra châm chọc. Và thường vào lúc tan trường, trò chơi của chúng là chặn nó ngay tại chỗ chân tháp Địa Ngục, vết tích của một thành lũy thời Trung Cổ, và nhặt đá ném vào nó. Trong lớp, do có sự giám sát của thầy giáo, nó cũng có được vài giây phút được yên thân, dù rằng nó thường xuyên bị đem ra làm gương xấu. Giờ ra chơi cũng đỡ hơn, trừ khi trời mưa: đứa nào cũng bày ra trò té nước dơ vào người nó bằng cách đá vào các vũng nước bùn. Nỗi đau của nó thật sự bắt đầu vào lúc 5 giờ chiều, khi học sinh túa ra về. Nó đứng vào vị trí dưới chân tháp và đợi cơn mưa đá, nó núp sau chiếc cặp táp mà nó giương cao như một cái khiên đỡ trước mặt. Đá rơi như mưa, rơi xuống thân hình yếu ớt của nó trong một âm thanh đục. Giữa hai luồng đá, nó cũng lấy hết can đảm để kháng cự, và chửi rủa bọn ăn hiếp. Từ chửi nó thích nhất là một từ bằng tiếng địa phương, một loại từ tượng thanh dùng làm mệnh

danh cho nó khi có chuyện gì đó xấu. Có lần một viên đá rơi trúng chân và thế là nó nhảy cẫng như người da đỏ. Những lần khác, nó nằm lăn ra và gào thét để những tên ăn hiếp lấy làm tội nghiệp, nhưng ngược lại chúng lại bò ra cười ngặt nghẽo. Không một ai giúp nó thoát khỏi sự hiếp đáp này.

Sự đau khổ như mãi bám lấy nó. Ở tuổi mười lăm, nó đã nhìn thấy thần lùn bò trên tường, và tất cả những quái vật khi bị sốt mê sảng vì nghiện rượu, kể cả mấy con chuột có thực chạy dưới gầm giường. Khi Julien mất, người ta phát hiện ra trong căn nhà nền đất không có lấy một tấm trải giường sạch. Yvon nói nghiệp cha. Nó hơi huênh hoang. Những người phụ nữ gặp nó cho rằng nó là một người trụy lạc, vì nó nhìn họ với cái vẻ xảo trá đầy dục vọng. Tội nghiệp cậu Yvon bị các cô gái tránh xa. Người ta tìm thấy nó chết trong một cái hố, bị xơ gan ở giai đoạn cuối, bên cạnh chiếc xe đạp - người bạn đồng hành trung thành trong đời - hẳn là nó đã bị một chiếc xe hơi nào đó tông phải khi đang làm công việc lúc tan trường. Cảnh sát đã nhanh chóng ngừng điều tra vụ tai nạn và không một ai phản đối điều này. Mọi người đều đồng ý rằng cái chết này là tốt nhất cho nó. Yvon, mất ở tuổi 29, cô độc hơn cả một con chó - một cuộc đời ngắn ngủi.

Nó đi cùng với Julien khi anh mang trả cho gia đình chúng tôi hàm răng giả bằng vàng của bà nội

Aline và hai chiếc nhẫn cưới. Họ đứng ở lối vào nhà bếp sau khi đã đặt những món đồ lên trên bàn rồi lùi một bước, họ đợi chúng tôi biểu tặng cái gì đó để cảm ơn. Mẹ dúi vào tay mỗi người một đồng bạc. Người cha được cho nhiều hơn để mua kẹo cho Yvon - mẹ đã nói rõ như thế. Nhưng khi thấy họ vẫn đứng yên như chưa muốn ra về, mẹ mới phát hiện ra bà quên một điều quan trọng. Bà xin lỗi nhưng vì bà đang nghĩ đến chuyện khác, đôi mắt mệt mỏi vì nỗi buồn, có vẻ do dự vài giây, một đôi mắt mọng nước yếu ớt. Julien bối rối, lắp bắp vài câu có vẻ như nói những lời chia buồn, những câu từ quá quen thuộc đối với anh, nhưng anh luôn cố gắng nói một cách trịnh trọng dù anh không có khả năng. Sau đó anh định bước ra về. Mẹ nài nỉ anh ấy dùng một ly rượu vang. Anh đã tỏ vẻ do dự vì không muốn làm phiền thêm, nhưng cuối cùng anh cũng không từ chối. Thế còn đứa bé? Ồ, cũng giống như thế, nó uống quen rồi, một ly rượu vang sẽ không làm nó sợ đâu. Và cứ xem cách nó gật đầu, với cái mớ tóc bần dính bết trên trán, đúng là Yvon không sợ. Mẹ lại hoảng hốt nên dù nó có thể uống rượu, mẹ vẫn mời nó một ly sirô thường dành cho trẻ em. Nó có thích thế hơn không? Yvon đỏ mặt, cúi gằm mặt không trả lời. Thôi, thôi, đừng cầu kỳ quá, cứ cho giống cha của nó đi - Julien đã nói như thế.

Thật ra, cũng chẳng cầu kỳ quá: sirô bạc hà cho mọi người. Mẹ phát hiện quá trễ ở nhà không còn rượu nữa, vì chúng tôi là một gia đình uống nước: rượu chỉ mua vào những dịp lớn, dành cho khách.

Khi mẹ rót nước vào sirô bạc hà, Julien đã yêu cầu ngừng như thể người ta sẽ làm loãng rượu pastis của anh ấy. Anh chưa từng bao giờ uống thứ nước này. Do không muốn làm phật lòng người phụ nữ sớm góa chồng đang đau buồn, anh đành phải chấp nhận. Anh nếm, tặc lưỡi và nói cũng không tệ. Đây chỉ là một sự chuyển đổi tạm thời - anh cũng ra đi vì bệnh gan.

Thằng bé Yvon, một tay cầm ly một tay chống nạnh, đứng giống y bố nó, nó mang đôi ủng cao su phả ra một mùi bao trùm lấy căn phòng. Để xua tan bầu không khí im lặng, mẹ cảm ơn anh thợ đào mộ vì đức tính thật thà. Nếu là người khác, họ đã giữ cho riêng cho mình.

Đó là một cách nhìn nhận vấn đề. Nhìn một cách khác hẳn sẽ là tượng tưởng ra anh Julien lén lút tìm cách nấu chảy vàng trong căn nhà tồi tàn của mình để che đậy tội ác và thương thuyết về giá của thỏi vàng với người buôn bán nữ trang trong khu

phổ - chính là chú Rémi, với cái cửa hàng ở bên cạnh nhà chúng tôi. Dĩ nhiên đối với anh thợ làm vườn triết gia, việc làm đơn giản hơn, đó là mang trả để có tiền thưởng và được mời một ly rượu.

Sau khi Julien ra về, những vật được đem trả lại ấy được đặt trên tủ kính cùng với những vật dụng và giấy tờ đang chờ được sắp xếp hoặc phân loại. Một núi đồ đồ xuống mỗi lần ai đó muốn lấy một đồ vật trên đó. Một cái bát đựng trái cây, được họa mảng lõng lẩy, rất là hiện đại, bằng gốm mè, giờ đây bị đóng đồ che mắt. Một vài quả óc chó ở đáy bát, loại trái cây duy nhất được để vào trong đó, như những vật trang trí vào ngày cái bát được đưa lên vị trí trung tâm của tủ kính, rồi lại bị lấy ra vài năm sau đó, vào một mùa hè, vào ngày dựng John ghé qua nhà chơi đã tâm sự rằng anh có thói quen ăn vài trái cây khô sau bữa. Ai đó nhớ ra có mấy quả óc chó, hẳn là đã thoáng nhìn thấy chúng vào cái lần núi đồ bị sạt lở trước đó. Cần một thợ đào đất để có thể lấy được chúng, nhưng thật ra chúng vẫn nằm dưới đáy chiếc bát, chúng màu trắng, sạch sẽ, như được tẩy bằng nước javel, như một chiến thắng với thời gian. Thế rồi phải sớm thất vọng: nhân bên trong bị bỏ, chỉ có vài hạt là có thể cứu vãn nhưng lại khô cứng, cần cỏi đến nỗi người ta có cảm giác như những người đào

phá mô mà ăn những bữa ma chay dành cho người chết chuẩn bị đi một chuyến hành trình dài.

Nếu chúng tôi cần một cái tô vít, một cái kềm, một lọ hồ, một lưỡi dao cạo, một cái lên dây cót đồng hồ, một viên bi, một cái kẹp, một cây bút chì, một kẹp giấy, một đồng các có khoét lỗ hoặc một cái vụn ốc vít nhỏ của người thợ sửa đồng hồ dùng để vặn lại gọng kính cho chúng tôi, chỉ cần lục lọi trong đồng đồ nằm giữa cái tủ kính và cái tủ gỗ tường phía trên và định vị cái đĩa bằng thủy tinh có những chú vịt mỏ hồng đang bơi, nhưng sau đó không hiểu tại sao chúng cứ lần lượt hết con này đến con khác nằm chết ở đáy lồng. Ngay chính trong cái khay đựng bơ hoặc đựng nước này chúng tôi đã để tất cả những đồ dùng ấy và nghĩ rằng một ngày nào đó sẽ dùng đến. Và bộ răng giả chắc chắn cũng được đặt vào bên trong đó, kết thúc sự nghiệp của mình, nhưng cũng giống như cái một biển kèn hiệu thành đèn ngủ, biển cái đòn cân thành đèn chùm, chúng tôi có thể hy vọng trong tương lai có thể tái sử dụng nó.

Lúc đầu, chúng tôi không thể hình dung một thứ ghê tởm ấy lại nằm trong miệng một con người. Nó giống như cái máy tra tấn, chúng tôi có thể hình dung ra nó đang cố gắng hết sức để phát ra lời nói.

Toàn bộ được làm bằng vàng: răng, vòm miệng, lợi - nặng nề, thô thiển, công kênh, thô sơ. Chất liệu

được lấy từ mỏ vàng, sau đó qua tay các thợ kim hoàn Scythes hoặc các nhà phẫu thuật của vương triều cổ đại Ai Cập thứ XVIII. Nhưng cái thứ đã làm mọi người say mê trong miệng của Nữ hoàng Hatchepsout đã không làm chúng tôi lo lắng thêm cho bà nội quá cố của chúng tôi.

Bà nội Aline không phải người hay than vãn. Bà đã trải qua hàng loạt thảm kịch trong cuộc sống, nhưng cùng một thảm kịch lặp đi lặp lại, các con của bà đều chết non khi cận ngày sinh và sự ra đời của Joseph, bố chúng tôi, là một điều kì diệu, bố hẳn vẫn giữ cái cảm giác yếu ớt trong cuộc đời, vì dù bề ngoài khỏe mạnh, bố đã không sống qua tuổi 40.

Những thảm kịch đã để lại trong bà Aline một nỗi buồn sâu lắng khiến những ai ở gần cũng buồn theo, nỗi buồn ấy càng rõ ràng hơn qua giọng nói dịu nhẹ của bà. À, giọng nói ấy - mọi người đều đồng tình - ngay khi bà mở miệng có hàm răng giả bằng vàng khiến mọi người không còn để ý đến hình dạng thô kệch của bà nữa, một thân thể quá khổ của bà nội đáng thương di chuyển giữa các quầy trong cửa hàng, cố đi nhẹ nhàng vì sợ chiếm hết không gian với thân hình to lớn của mình.

Cái hàm răng giả đúng với khổ người của bà. Nó chiếm hết chỗ trong cái khay đựng đồ và điều đó đã nói thay cho bà. Các đinh vít, các bulông, các cục gôm giờ đây phải chen chúc nhau. Chỉ cần tú kính

rung chuyển nhẹ là các thứ đồ nằm lăn ra trên cái thảm vải nhựa màu xám lát trong nhà bếp, như những con chim nhỏ trĩu lông bị con chim cu ăn bám đuổi ra ngoài không thương tiếc. Chúng tôi phải can thiệp. Chúng tôi dọn quang cái góc trước của cái khay và để cái hàm răng giả nặng trĩu vào đó để chống đỡ, báo trước nguy cơ bị lún dưới sức nặng của nó.

Chúng tôi cũng không còn để ý đến nó. Việc khách đến chơi nhìn nó có vẻ lo sợ đôi khi làm chúng tôi nhận ra sự hiện diện của nó là không nhã nhặn lắm. Và rồi, chúng tôi phát hiện ra có thể dùng nó để chặn báo. Một bức thư, một hóa đơn cần thanh toán gấp, được đặt ở đó chờ, để ai cũng nhìn thấy, dưới sức mạnh của cái hàm răng bằng vàng. Chúng tôi dùng bữa bên cạnh nó mà không cảm thấy bị phiền cũng như là sợ.

11

Cảnh huống thật là hoang phế, thả nổi. Không bao giờ lúc còn sống bố chúng tôi lại để cho cánh cửa cổng bị bung tháo hết ra. Tính cảnh giác của bố không cho phép bất cứ một lỗ hổng nào xuất hiện, một lớp sơn bị bong tróc, một mái nhà bị cuốn mất, một ống nước bị rò rỉ. Người ta giao cho bố thành phố Venise, ông sẽ cứu cả thành phố khỏi nạn lụt, bằng cách gia cố bê tông các mặt tiền sảnh, bằng cách lát gỗ formica, nạo vét các kênh ngòi, phát minh ra các thuyền gondon một mái chèo chạy trên đường ray, và thành Venise sẽ được cứu. Bố có dự định làm một dự án Đại Thế Kì cho khu vườn của mình với đá, thác nước, các hồ đất trồng hoa. Bà Marie bắt đầu lo lắng cho các bức tượng của mình trong khu vườn ấy. Ý tưởng điên rồ này được thấy qua bản vẽ phác thảo trên giấy và những viên đá hoa cương mang từ vùng đất Bretagne, chắt thành đồng phía cuối chân tường sau khi lấy từ cốp xe xuống, và chúng sẽ sớm biến mất dưới đám cỏ hoang.

Những việc làm nặng nhọc này không cho thấy được sự tinh tế trong công việc trùng tu sửa chữa của bố - như trong công việc chỉnh sửa mấy con búp bê, đương nhiên đó là những con búp bê của các con gái bố, nhưng - với tiếng lành đồn xa - bố nhận sửa búp bê cho tất cả các bé gái trên khắp cả nước, chúng mang đến nhà bố một em bé bằng chất dẻo bị mù hoặc bị cụt tay, với niềm hy vọng tràn trề. Bố lắp đặt các bộ phận bị rơi vào đúng vị trí. Bố tích lũy trong xưởng làm việc ở xung quanh các hộp đựng những bộ phận bố nhặt được từ những con búp bê cũ kĩ - đôi mắt, cánh tay, đôi chân, bày ra như vật tạ ơn. Đôi khi những con búp bê rời xưởng với hai con mắt khác màu, đôi chân khập khiễng, hoặc hồng hơn, hoặc mồm mím hơn, nhưng các bé gái dường như không nhận ra sự khác biệt.

Nhà để xe ở phía cuối khu vườn do ông nội xây hướng ra đường có cánh cổng bằng sắt, một chất liệu đột phá vào thời ấy. Ý tưởng Eiffel và vinh quang của gia đình Wendel hẳn đã có ảnh hưởng đến quyết định của ông nội Pierre. Do sợ không theo kịp sự hiện đại - ông nội đã bị thuyết phục rằng sắt bền hơn, rằng lớp bọc sắt này sẽ bảo vệ ngôi nhà trước những tác động của thời gian.

Do không bảo dưỡng - cứ ba năm lại phải cạo ra và sơn lại - rỉ sét bắt đầu xuất hiện. Những mảng san hô vòng màu đất sơn bắt đầu xuất hiện xung quanh

những chiếc đinh tán, sau đó tràn ra tạo thành những hòn đảo, rồi các châu lục loang rộng ra khắp mặt phẳng phủ xanh của cổng như biển san hô. Cuối cùng, chỉ còn lại vài mảng sơn gợn nhớ quá khứ huy hoàng.

Chỉ cần ấn nhẹ ngón tay là chúng tôi có thể đục thủng những lỗ ốc trên mái tôn. Những miếng kim loại, bị ôxy hóa, bào mòn, tróc từng miếng như vỏ cây tiêu huyền. Trước khi người ta thay cổng, cánh cổng này trở nên nguy hiểm đến mức chúng tôi được lệnh không được đến gần. Ngoài nguy cơ bị uồn ván do quét phải miếng sắt, chúng tôi còn có thể bị đè dưới sức nặng của cánh cửa hoặc bị một lưỡi sắt đâm vào. Giờ đây những gói đồ khổng lồ được chuyển qua vườn hàng xóm của chú Rémi, nên lũ chim én sinh sống dưới các thanh xà của nhà xe không còn bị quấy rầy nữa, chúng bay vòng vòng phía trên nhà kho bỏ hoang ấy và phát ra nhiều tiếng kêu nhỏ.

Cái cổng này không hề dễ sử dụng. Nó đóng lại như kiểu bức bình phong và tốt nhất phải có hai người để đóng, hoặc ít ra cũng phải to lớn như người vừa mới rời bỏ chúng tôi. Để đóng mở nó, phải mở các chốt khóa dưới đất và phía trên trần, và kéo các cánh cửa về phía mình. Nhưng cánh tay mệt mỏi vì phải giữ mấy cánh cửa sắt to đùng cao hai mét năm mươi, máu dồn về bàn tay giơ lên, do chúng tôi

thường phải nhắm vào các lỗ ở trên xà lanh-tô cửa, bụi sắt rơi vào trong khóe mắt. Thế là chúng tôi buông mọi thứ để dụi mắt, bực mình vì cảm thấy bất lực và vô vọng không thể lấy nó ra. Hồi bố còn sống, bố lo việc đóng cánh cổng với sức mạnh đáng gờm của mình, nhưng giờ đây sau khi bố mất, chúng tôi mới nhận ra con đường sẽ đầy gian khổ và để vượt qua chúng tôi cần phải có một ý chí như chiếc tàu phá băng, mạnh mẽ và sắc bén, nhưng chúng tôi không có và chỉ biết ngồi khóc như những Robinson buồn rầu bị lạc trên một hòn đảo tối tăm.

Cánh cổng bằng gỗ của nhà xe hướng ra vườn đang bị mục nát như mũi tàu trên bờ biển xanh rêu: do hệ quả của những cơn mưa Đại Tây Dương và những cú banh văng vào cửa với một sức mạnh lớn làm rung chuyển các tấm cửa gỗ cũ kĩ. Ban đầu là một loạt các tiếng rắc rắc, sau đó những vết nứt đầu tiên xuất hiện, cho đến một hôm quả banh đâm thủng cánh cổng, xuyên qua nhà xe và đập mạnh vào tấm tôn. Theo thời gian, những tấm cửa gỗ tuột khỏi các bản lề, rơi xuống cỏ và nằm bất động như một thanh đĩa bị bỏ rơi trong trò chơi Mikado.

Vài năm sau chiến tranh, một thanh niên hai mươi tuổi phiêu dạt tới thị trấn không một xu dính túi. Anh ấy có vẻ lạ lẫm nên bố đã cho anh tá túc ở nhà xe để hành nghề họa sĩ, cất giữ các dụng cụ để vẽ và các tác phẩm để bán. Vào ngày lễ đính hôn,

anh đã họa tên vợ mình bằng chữ vàng lên trên tấm gỗ đóng bên trong của cánh cổng mà anh thường dùng làm một bảng pha màu khổng lồ để thử màu trên đó. Về sau, hình như sau khi cãi nhau với vợ, anh đã phủ lên hàng chữ đó, một tam giác đen, và rồi chúng tôi cũng dần quên đi sự hiện diện của nó. Giờ đây những cơn mưa gột rửa nhiều lần những tấm cửa cũ nát ấy, thế là chúng tôi lại thấy hàng chữ xuất hiện như nữ thần tình yêu thành Troie được khai quật lên.

Bà cô Marie sẽ không bao giờ cho phép việc bỏ mặc, phá hoại tài sản như vậy. Bà hẳn sẽ tìm cách chống lại sự tàn phá theo thời gian với mọi sức lực của bà như việc phải thấm từng lít nước khi nhà của bà biến thành bể bơi sau sự cố vỡ miếng nổi ở cái bồn rửa bát. Bà đã dững cảm đương đầu trong suốt một đêm giống như trong tác phẩm *Con dê của ngài Seguin*, một mình với các giẻ lau, chân ngâm trong nước, thấm, vắt và đổ hết chậu này sang chậu khác, mà chẳng muốn làm phiền ai như mọi khi, chỉ cầu xin giúp đỡ của đáng tối cao trong cuốn sách của bà, ở mục "Thiệt hại do nước". Đến ngày hôm sau, quá mệt mỏi, bà mới báo cho chúng tôi biết rằng chắc bà cần sự giúp đỡ của Joseph ngay khi ông về nhà, vì sợ tấm dán bằng giấy sẽ không trụ được lâu. Joseph khi xem xét thiệt hại gây ra đã thán phục bà trước tính kiên cường và khả năng tự xoay xở, điều này đã đưa

bà lên tận mây xanh. Thế nhưng những lần khác, ông lại trách bà lúc nào cũng muốn giữ lại mọi thứ, - đó chính là nguyên nhân của hàng loạt những giận hờn, - bởi những thứ ông vứt đi thì bà mang cất lại vào trong nhà kho, hoặc khi bà có ý định dán các mảnh vỡ của bức tượng Thánh Anna bằng chất giả đá hoa, bị rơi ra khỏi bệ một cách kì lạ (lời ước không thành, Chúa giận dữ?), một bức tranh ghép ba chiều đã làm bà mất nhiều buổi tối để rồi kết quả tệ hại: bức tượng Thánh nữ Anna xấu số đầy sẹo, xấu xí sau khi qua phẫu thuật và ghép, lồm chồm hồ dán và xấu hổ khi đứng cạnh chàng rể của mình bằng thạch cao. Nhưng cũng không thể nào bỏ rơi như một đồng gạch vụn một bản sao của mẹ của Chúa, người mà Jesus gọi bằng bà.

Bà sẵn sàng bỏ công sức ra để chống lại việc bỏ mặc khu vườn. Bằng những tuýp hồ dán, những băng dính tạm bợ và những lời cầu xin ông trời, bà cho rằng nhiệm vụ của mình là tiếp tục sự nghiệp của cháu trai quá cố. Bà hẳn làm điều này để tưởng niệm bố.

Nhưng bà lại là người đầu tiên bỏ rơi tất cả. Bà qua được ngày đầu năm mới - như giới hạn cuối cùng người hứa sẽ vượt qua rồi sau đó sẽ được nghỉ ngơi. Giới hạn đó đã vượt qua, vào sáng ngày mùng 2, bà vẫn không xuất hiện.

12

Trời đã gần trưa mà chẳng thấy tăm hơi của bà cô Marie. Không giống bà chút nào. Bà muốn được tự lập, nhưng bà quá sợ cô đơn để nhốt mình trong nhà suốt buổi sáng mà không ra ngoài để đi chợ. Để ra khỏi khu vườn, bà có hai lối ra vào. Hoặc lối đi ngang nhà chúng tôi hoặc lối đi ngang nhà của chú Rémi, sau đó, bà chỉ việc băng qua đường là tới nhà thờ, ở đó, khi đã nghỉ hưu, bà sắp xếp lại mọi thứ với một tinh thần của người tu dòng Cluni. Nhưng bà vẫn muốn cho chúng tôi thấy bà có việc khác để làm. Mỗi khi xuất hiện ở hành lang, bà giải thích về việc ghé qua của mình. Ló cái đầu nhỏ của bà qua cánh cửa bếp và như một người phụ nữ bận rộn, bà vừa đi vừa nói nhanh với giọng nhỏ nhẹ: “Tôi đi mua bơ đây”, hoặc “Cha xứ cho gọi tôi”, hoặc “Nếu ai kiếm tôi, thì nói là tôi đang ở nhà của con gái người nào đó”. Thông thường chẳng có ai ở trong bếp lúc ấy. Chúng tôi nghe thấy tiếng của bà vọng lại, trong không gian, từ những chiếc bát ăn sáng đang đợi

chúng tôi trên bàn. Chẳng điều gì khiến bà chùn bước. Bà rụt cổ lại và tiến lên phía trước vì Chúa, vì chỉ có Ngài là thống trị, sức mạnh và vinh quang.

Và cứ như thế, cho tới tối, trước khi đi ngủ, bà còn phải hoàn thành việc giống như là con đường thiên đàng gian nan. Quì gối bên bàn đọc kinh bằng gối đen, đôi tay giang rộng, bàn tay hướng lên trời như những người bị trừng phạt với bàn tay xuyên thủng bởi các tia laser, bà đọc đi đọc lại, giọng thì thầm, những bài kinh dài dằng dặc. Chiếc gối quỳ tụng kinh mang dấu vết của những buổi cầu nguyện kéo dài. Nó đã phai màu và cũ nát đến nỗi người ta cảm nhận được những gì nhồi bên trong và bị đâm dưới đầu gối. Cái đệm tay thì đỡ hơn, chất liệu nhung xanh chỉ hơi phai màu ở vị trí cuốn sách kinh. Vì bà không tỳ vào nó. Bà không úp mặt vào tay khi cầu nguyện như ở nhà thờ, lúc đó bà giang tay rộng đến mức phải ngồi cách xa ba ghế nếu không sẽ bị quệt vào mặt. Ở nhà, điều này hẳn nhiên chứng tỏ bà hơi buông thả, một thái độ không xứng đáng lắm với người đã trải qua nhiều đau khổ của riêng bà và cho hàng loạt những tội lỗi được tha thứ - đúng hơn là những tội lỗi của con người trần tục, vì đối với những tội lỗi của bà, không đáng phải bị đóng đinh.

Bà nghiêng đầu qua một bên theo thói quen như khi đang ăn một cách trang nghiêm hoặc đang ngồi tạo dáng, đến mức trên tất cả các tấm hình của

bà, với cái cổ khảng khiu, quá yếu ớt để có thể giữ cho cái đầu thẳng, bà lúc nào cũng có vẻ như tìm cách nhìn ra phía sau người chụp hình, như thể người này đứng xen giữa bà và một cái gì đó thiết yếu, như thể trong đêm tối của căn phòng - tu viện bà tìm cách tránh cái nệm tối tăm để có lấy được ánh sáng của Chúa trời. Dù không điều gì buộc bà phải làm thế, trừ phi đó là lễ nhà thờ đầu tiên trong ba lễ nhà thờ tự áp đặt cho chính mình, bà tiếp tục thức dậy sớm. Với 50 năm lao động, bà không còn khả năng ngủ nướng. Thói quen đã thành nếp. Một ngày của bà trở nên dài hơn. Bà bỏ thời gian của mình đi tới đi lui như một người bận rộn, ngay khi ai cũng hiểu ra rằng lí do bà hay ghé ngang nhà chúng tôi là vì bà cảm thấy chán chường.

Để không quấy rầy, cũng có thể là để không gây khó chịu cho người khác, bà không bao giờ quay lại chỗ cũ sau khi đi chợ về. Và trước mặt chú Rémi đang nghiêng người trên bàn làm việc, với cái kính lúp của thợ sửa đồng hồ đeo trên mắt, bà giơ cao cục bơ như bằng chứng: “Tôi đã mua bơ rồi nhé” (như vậy chú cần hiểu rằng bà đã đi ra ngoài để tìm mua bơ), hoặc “Cha xứ không có ở nhà” (và vì không muốn chúng tôi nghĩ rằng bị cha xứ cho leo cây, bà lập tức giải thích rằng cô người hầu Anastasia đang đợi và cha xứ xin lỗi vì có việc gấp phải đến nhà bà nào đấy, có thể là để làm lễ lâm chung. Và thế là chú

Rémi, người biết mọi chuyện trong thị trấn bằng việc quan sát mọi thứ qua tấm vải Tergal màu trắng ở cửa sổ, đã sai lầm khi ngẩng đầu lên, lấy cái kính lúp ra khỏi mắt và lo lắng hỏi: “Bà nào?” Không nên hỏi thêm bà, vì bà đã chuẩn bị kĩ đề tài của mình sẽ không dễ dàng bỏ qua: bà đó của thị trấn đó, trên con đường đó, vợ ông đó, con gái ông đó - nhưng giải thích của bà đi rất xa (ít ra cũng phải ba thế hệ với ngày sinh, ngày cưới, gia cảnh của mỗi người, nguyên nhân qua đời của từng thành viên), cây gia phả chia nhánh phức tạp đến mức làm chú Rémi nổi cáu phải kiên nhẫn nghe trong vòng nửa tiếng để cuối cùng biết được rằng đó là bà cố ngoại đã gần trăm tuổi, và bằng việc nguyên rủa cái bà đó, bà và tất cả những gì có liên quan đã làm mất thời gian của mình, chú Rémi quay lại với công việc đang dở dang, hoặc bằng giọng cáu gắt, phán xét một cách cụt lủn và dứt khoát: “Con gái ông ấy không được thông minh lắm” - suy cho cùng cũng không có gì xúc phạm.

Theo thời gian việc đi tới đi lui như vậy làm bà lẫn lộn mọi thứ. Bà nói đi mua bơ nhưng lại từ nhà cha xứ về, hành động như một người bận rộn, vồ vẩn như một nhân vật nữ chính trong vở bi kịch: “Áy chết, tôi quên mất, chưa mua bơ” và thế là bà lại đi, so vai rụt cổ, dáng người nhỏ bé, bước đi vội vàng, tất tả, và chào những người qua đường. Có lần

chúng tôi nghe rõ bà nói đi hát Thánh ca nhưng lại thấy bà đi về phía nhà vệ sinh trong sân. Cũng nhờ đó và trong ký ức, trong nhiều năm, chúng tôi gọi đi giải quyết là đi hát Thánh ca. Chúng tôi cũng hơi ngạc nhiên bởi những lần bộc phát sùng đạo này được kết thúc ở trên gác trong tiếng nước chảy ào ạt trong nhà vệ sinh. Những rõ ràng là bà có nguy cơ sớm bị mất trí nhớ. Cái lần ấy, vào ngày 26 tháng 12, đã làm quá trình mất trí ấy tăng tốc lên và những triệu chứng bắt đầu xuất hiện.

Trong thời gian năm ngày, từ khi bố chúng tôi mất đến ngày đầu năm mới, bà rơi vào tình trạng như bị ma nhập, hoàn toàn kiệt sức. Chúng tôi bỗng thấy bà nằm lả trên ghế, đầu nghiêng về trước như Chúa Jesus, lưng gàn như bị gù, tay bắt chéo trên chiếc váy đen, mũi chân chạm hờ mặt đất, vẻ mặt xa xăm, như thể sự việc xảy ra quá đột ngột đã làm bà bị đứt mạch trong suy nghĩ. Cái đầu của bà cứ mãi tự hỏi, trước cái chết này, không muốn tin vào cái sự thật này. Tình trạng sốc này đưa bà ra khỏi thế giới thực. Và rồi, như có một sự kích thích, bà quay lại với các hoạt động bí mật của mình, hăng say hơn. Bà nói sẽ tự lo mọi thứ, về tang lễ bà sẽ sắp xếp với cha xứ để chọn bài văn phúng điếu, nhạc, hoa, và bàn với Julien về việc chôn cất. Chúng tôi có thể an tâm khóc lóc, bà sẽ đảm nhận mọi việc. Bà đi tới đi lui như cái máy, và rồi, khi quá mệt mỏi, bà lại buông mình

xuống ghế, ngây dại, đôi mắt đỏ ngầu vì quá đau buồn và vì những đêm thức canh, bà chất vắn Chúa trời, bà muốn thỏa thuận một phi vụ xưa như trái đất, thế mạng bà vào chỗ cháu trai. Đối với bà, dường như có nhảm lẫn về con người, tử thần đã nhắm sai mục tiêu, bà mới đúng là người tử thần nhắm tới, vì thế cần phải quay lại tìm bà, sửa chữa sai lầm này, không có gì đáng xấu hổ khi nhận ra mình bị nhảm lẫn. Đó là những điều bà cứ lặp đi lặp lại bên tai chúng tôi, nhưng cái thân thể to lớn trong căn phòng nơi mẹ canh chừng không ngừng nghỉ liên tục sáu mươi giờ vẫn cứ là một xác chết cứng ngắt, và thậm chí bắt đầu bốc mùi kì lạ mà lúc đầu chúng tôi cho đó là do thời tiết đang thay đổi. Khi gió đổi sang hướng tây, chúng mang theo những mùi khí hôi thối từ các khu công nghiệp hóa chất ven bờ sông Loire, ở phía trên thành phố Saint-Nazaire: mùi khí đốt, mùi amoniac, mùi lưu huỳnh, mùi SO₂, làm bầu trời u ám xanh pha màu hổ phách, và chúng tôi chắc như bấp rằng trời sẽ sớm mưa. Nhưng cửa sổ phòng vẫn đóng, bịt kín, không để bất kì chút không khí lạnh nào có thể luồn vào bên trong. Và sau khi kiểm tra, không khí bên ngoài vẫn trong lành như pha lê. Thế đấy một kiếp người đã ra đi.

Giữa hai lần đi chợ, bà chạy lên gác để xem phi vụ của mình đang tới đâu, rằng bố có đang ngồi đợi bà đến đỡ ông ngồi dậy trên chiếc giường của mình

không. Nhưng bà không còn hi vọng gì nữa. Có gì đó không ổn. Bà dành cả cuộc đời mình để thương thuyết với các Thánh - bằng tấm lòng trắc ẩn, các Thánh lắng nghe những lời khen, những lời tri ân, những lần mặc cả. Và với sự khôn khéo như thế bà luôn đạt được những gì mình muốn. Nhưng, giờ đây, bà không ngờ tới các Thánh lại thoái lui, không rung động, vô cảm. Trong lúc bà nhón nhén tiến lại gần một trong những cái ghế đặt xung quanh chiếc giường để thức canh, cẩn thận ngồi xuống bên mép giường, nhắm mắt, vòng chuỗi hạt trong tay, đọc ngàn câu kinh - những lời khấn rì rầm đến nhức óc, nước bọt văng tung tóe, phá rối, còn mẹ có vẻ bực bội nhưng cố kìm không đuổi bà đi chỗ khác nhưng điều đó cũng sẽ không thay đổi gì, qua đôi mắt mệt mỏi đáng thương của mình, mẹ cầu mong mọi người hãy để một mình bà ở bên chồng - một lần cuối, như ước nguyện cuối cùng - bất chấp mọi lời khuyên khi thấy gương mặt biến sắc của mẹ, bà từ chối đi nằm nghỉ, mẹ muốn ở lại với người bạn đời của mình cho tới phút chót - nhất là bây giờ người ta kháo nhau rằng do có mùi, nên việc động quan sẽ sớm được tiến hành, điều đó có nghĩa là ngay giây phút nắp quan tài được đóng lại, bố sẽ ra đi mãi mãi.

13

Chú Rémi là người đầu tiên lo lắng. Ông canh chừng cha xứ Bideau qua tấm rèm cửa và réo gọi khi thấy cha bước vào nhà thờ. Cha khẳng định đã không gặp bà Marie vào buổi sáng. Chú nhủ thầm "Ông già Bideau ngốc thật, không thấy điều này bất thường sao khi bà cô lúc nào cũng bám váy theo ông", chú là nhạc sĩ đàn ống chính thức và duy nhất của nhà thờ. Với việc chơi nhạc miễn phí cho giáo xứ chú tự cho phép mình chơi những bản nhạc ngoại đạo - một cuộc đua marathon hàng tuần: ba buổi lễ nhà thờ cộng thêm những buổi kinh chiều, Chủ nhật, và lễ đọc kinh buổi sáng vào bảy giờ hàng tuần, thêm vào đó là các lễ cầu an và cầu siêu. Bản nhạc của chú chơi trong lễ cưới ở nhà thờ rất nổi tiếng và được nhiều người đặt hàng. Khi thấy các cặp vợ chồng trẻ thích nhạc khoa trương của Mendelsohn hơn nhạc của mình, chú có vẻ dỗi. Khi muốn mời chú chơi nhạc cho một buổi lễ ngoài hợp đồng, chỉ cần nài nỉ một chút là chú sẽ xiêu lòng.

Chú tự trách mình để dài. Chú tuyên bố lần sau cha Bideau và mấy người của ông ta sẽ bò ngược qua cửa, nhưng rồi lần sau chúng tôi lại nghe nói: “Cám ơn ông Rémi. Chúng tôi biết có thể nhờ ông giúp.”

Việc bà Marie vắng mặt làm chú lo lắng. Chú muốn nói chuyện với mẹ, nhưng chúng tôi không còn biết phải bắt đầu như thế nào với mẹ. Nói với mẹ như nói với người câm điếc, phải nói qua người ngồi bên cạnh. Người ta hỏi thăm mẹ chúng tôi bà ấy ra sao, còn mẹ đứng cách đó hai mét, như đang lưu lạc ở một nơi rất xa. Mẹ mất nhiều năm trời để quay trở lại với cuộc sống thực.

Bất chấp mọi thứ, chú Rémi quyết định cùng với sự hỗ trợ của mẹ mình. Thông thường chúng tôi ở trong bếp, căn phòng duy nhất được sưởi ấm vào mùa đông. Ngoài việc ăn uống, chúng tôi chơi đùa, cãi nhau, làm bài tập ở nhà - nhưng thường không làm gì cả. Khi thấy cả bốn chúng tôi tự nhốt mình vào nỗi bất hạnh mới, bà Mathilde đã có một cách bày tỏ sự cảm thông làm cho chúng tôi càng hiểu ra rằng vấn đề của chúng tôi trầm trọng hơn chúng tôi tưởng. Chú Rémi xin lỗi làm phiền, hỏi thăm chúng tôi thật nhanh, vội vàng đáp trả và đi vào lí do chính của việc chú ghé qua: mọi người có thấy bà cô sáng nay không? Mà đúng, bà Marie đã không ghé qua. Mọi người không thấy việc đó đáng lo sao? Cũng có thể nhưng chúng tôi không biết phải đặt nỗi lo ở đâu

nữa. Và với cái kiêu hay chơi trò trốn tìm của bà, bà thường hay đùng đỉnh xuất hiện ngay lúc chúng tôi báo động việc bà mất tích. Tuy thế, chú Rémi cũng muốn biết rõ ràng. Khi thấy chúng tôi không phản ứng, chú đề nghị mở rộng phạm vi tìm kiếm tới tận ngôi nhà nhỏ khuất sau cây hoàng dương trong vườn. Cuộc tìm kiếm được bắt đầu trên lối đi, giữa những bụi hoa hồng mà những nhánh khô đan quện vào nhau trên giàn cây, chú Rémi đi đầu, lác lác, theo sau là bà Mathilde và mẹ trong bộ đồ đen, và rồi sẽ có con chó Pyrrhus điên của chú, đã từng nhảy qua một cái hàng rào cao cả thước ngăn giữa hai khu vườn. Hẳn là chú Rémi nghĩ rằng sẽ có nguy hiểm nên chú yêu cầu mấy đứa nhỏ ở phía sau. Khi tới trước ngôi nhà, chú thử nhìn vào bên trong từ cửa sổ, nhưng bị rèm cửa che, nên nghĩ rằng bà Marie đang ở bên trong. Vì thế chú đề nghị chúng tôi quay trở về nhà, và rồi, khuyên chúng tôi đứng xa ra, khi thấy chúng tôi không nhúc nhích, do mẹ đã chẳng nói gì. Cánh cửa không chịu mở. Chỉ còn cách phá kính ở chỗ nắm cửa. Bà Mathilde đã nghiêng người, nhặt một viên đá và đưa cho con trai mình, nhưng chú Rémi cẩn thận theo thói quen của một thợ sửa đồng hồ thích những tuyệt tác, đã lùi lại và yêu cầu bà Mathilde đi lấy dao cắt kính, trong ngăn kéo phía trên bên trái của bàn làm việc. Những việc nặng nhọc luôn dành cho bà. Rémi quẳng viên đá ra xa.

Con Pyrrhus ít khi nào hiểu được chúng tôi muốn gì đã bỏ đi và ngậm viên đá mang trở lại. Đây không phải là lúc giỡn, và nó bị tát vào mồm.

Khi bà Mathilde quay lại hỗn hển vì phải chạy, chú Rémi bảo bà đi lâu quá, bà thì viện cớ là do dao cắt kính không nằm trong ngăn kéo bên trái phía trên, và thế là chú muốn biết ai đã không để nó lại đúng vị trí và tìm thủ phạm trong ba kẻ tình nghi: mẹ của chú, chú và con chó. Đằng sau tấm cửa kính, tấm drap phủ tới cằm, bà Marie đang ngấm nhìn bầu trời với đôi mắt nhắm nghiền. “Hỡi Chúa trời, con đã sẵn sàng, Ngài cứ tự nhiên. Hãy để các thiên thần mang con về với Ngài, Đấng Tối Cao. Nhưng con đang nghe thấy gì thế? Họ đã tới rồi sao? Tiếng kèn kẹt trên cửa, rồi tiếng lách cách khô khan và đanh thép. Từ khi nào họ lại đi vào bằng cách bẻ khóa, hỡi những tên cướp linh hồn tội đồ?”. Chú Rémi bị đứt tay khi luồn tay vào để vặn cái nắm cửa, ông rủa thầm. Khi chú mở cửa ra được, - chúng tôi vô cùng thán phục - chú ngồi lên trên thành cửa, quay một vòng bằng hông, nắm lấy cái chân bị tạt bằng hai tay, đưa qua khung cửa và khi qua phía bên kia chú bị vướng vào tấm rèm. Trong lúc tìm cách thoát, với ánh sáng chiếu lên giường, chú không thể tin vào mắt mình: bà Mathilde đang dán tai lên bộ ngực nhỏ của bà Marie, dò xét theo kiểu người da đỏ một hơi thở cuối cùng của cuộc sống.

“Mẹ vào từ hướng nào vậy?” - “Im lặng!” bà Mathilde ra lệnh - “Cô còn thờ không?” chú hỏi. - “Hướng cánh cửa”, bà trả lời - câu trả lời muộn như vậy hàm ý tim cô vẫn còn đập. Cánh cửa hướng về phía tây (khi mặt trời lặn, hiện rõ bữa ăn tối đạm bạc của một con người cô đơn), dưới tác động của những cơn mưa mùa đông, gỗ bị phồng lên, nên chỉ cần xô nhẹ là nó mở. Phải quen với việc thấy bà cô Marie nằm trong tư thế uốn cong người. Chúng tôi sợ bà sẽ bị gãy xương. Nhưng nhờ thường hay nằm như vậy, nên bà biết điều chỉnh sức đúng nơi và rất hãnh diện về cái tài của mình. Hơn nữa bà không bao giờ đóng cửa, hoặc chỉ vào những đêm giông, khi trời sấm chớp ùng ùng ở trên bờ Đại Tây Dương. Những lúc đó, việc cầu nguyện cũng như sự can thiệp của Đức mẹ Sao Biển cũng không thể làm cho hết sợ: bà khóa cửa để an tâm.

Đôi mắt nhắm nghiền, không mắt kính gọng vàng, mái tóc bạc dưới cái nón ngủ bằng lưới, bà như một con người khác, gần như xa lạ, như thể những giờ thức thâu đêm khiến con người ta có sự thay đổi - bà Marie của chúng tôi không thể chết (làm sao có thể được khi ở tuổi bà như vẫn còn trẻ và có các Thánh che chở?), nhưng sau một giấc ngủ dài, bà như trở thành một con người bình thường với những nét khác lạ. Không còn là bà cô của chúng tôi nữa: một con người nhanh nhẹn, lúc nào cũng bận rộn,

với đôi mắt lạnh lợi và lời nói tuôn trào. Điểm nào chung giữa bà Marie của chúng tôi và thế giới bất động và im lặng này, với một màu tái nhợt, khác lạ với đôi má ửng đỏ trước đây của bà do bị gió tây thổi vào mặt.

Con Pyrrhus bắt chước chủ của nó, đi vào qua đường cửa sổ, nhảy phóc lên giường. Bà Marie ngồi bật dậy trên nệm, chúng tôi tưởng bà sẽ thức dậy, ngạc nhiên khi thấy nhiều người xung quanh mình, nhưng bà lại nằm xuống trở lại, cái đầu nằm ngang với gối. Nón lưới ngủ bị tuột xuống mắt, và bà Mathilde đã nhẹ nhàng chỉnh lại. “Muốn ăn đòn hả”, chú Rémi hét thầm, bàn tay đưa cao. Con chó lớn màu hung đỏ sủa ầm ĩ leo xuống thảm chân giường. Nó chẳng bao giờ hiểu. Như theo thói quen, nó muốn bày tỏ tình thương dạt dào của nó với bà, điều luôn làm bà sửng sốt và làm cặp mắt kính bị lệch.

Chúng tôi đưa bà đi cấp cứu tại bệnh viện gần nhất. Chú Rémi đổ lỗi cho cái lò sưởi than. Ông cho là đã ngửi thấy một mùi lạ khi vào trong ngôi nhà nhỏ của bà, nhưng với kiểu nấu ăn của bà, luôn luôn có những mùi chưa từng bao giờ ngửi thấy và lạ lẫm. Ngay khi đến nơi, bác sĩ Maubrilland cũng được yêu cầu ngửi. Chưa bao giờ bác sĩ lại bị yêu cầu chẩn đoán theo kiểu thiếu khoa học như vậy. Nhưng từ sau cái chết của bố, tiếng tăm của bác sĩ cũng không còn như trước nữa. Cái thái độ tự tin, cái vẻ chắc

chấn khi bác sĩ đưa ra kết luận - giờ đây trước mặt chúng tôi bác sĩ sẽ phải có thái độ khiêm nhường hơn, chúng tôi có thể đọc thấy trên số tay của bố những cuộc hẹn mát-xa sau khi mất mà bác sĩ khuyến cáo như liệu pháp điều trị cho những cơn đau nhức lưng không thể chịu đựng được. Không còn chuyện tin tưởng tuyệt đối vào chẩn đoán của bác sĩ. Vì thế tất cả bảy người chúng tôi, đưa mũi người trong không khí, cố gắng tìm ra một mùi chết người làm chúng tôi nghĩ đến việc bà Marie bị ngạt thở, lần lượt mỗi người nhấc cái nắp đậy lò sưởi để tìm thêm thông tin. Nhưng chúng tôi không tìm được gì mang tính thuyết phục (hơn nữa, khí cacbonic là khí không mùi). Và cái kiếu ra đi giống Zola¹ không phù hợp với bà chút nào. Khi bà mở mắt trở lại, bệnh viện kết luận bà đã khỏi và cho về nhà.

1. Nhà văn Pháp Emile Zola đã chết ngạt trong căn hộ của ông vào đêm ngày 29 tháng 9 năm 1902.

14

Khi chúng tôi được quay về từ cõi chết, chúng tôi như được hồi sinh trong những thân xác mới, như những thiếu niên lóng ngóng với bộ cánh mới. Chúng tôi có được điều này nhờ bà Marie, từ cái dáng bất thường khi ngồi đợi chúng tôi trong căn phòng ở tầng một hướng ra đường, căn phòng ấy mẹ đã dọn để đón bà về ở khi xuất viện, một tay chống lên thành gỗ của giường như ngài Talleyrand¹ về từ cõi hư vô, có vẻ như đang tạo một tư thế hơn là cố bấu víu. Cái lưng còng của bà, tứ chi mảnh khảnh, cái cổ kết hợp thành một đường vòng cung mới trong khoảng không như thể đang ngượng ngùng vì đã chơi chúng tôi một vở, như muốn xin lỗi vì đã bị chết hụt, nhìn chòng chọc chúng tôi với sự lạnh lùng đáng sợ của những người đã vượt quá giới hạn của cái thế giới sống này. Cái cảm giác phát hiện sự bất động của bà Marie chúng tôi càng rõ nét hơn:

1. Chính trị gia Pháp giữa Chế độ Cũ và thế kỉ XIX có tướng đi khập khiễng.

không còn là bà cô của chúng tôi, làm như một phần của bà, một phần bản sắc của bà trong con mắt của chúng tôi, đã bốc hơi, đã biến mất vào thời điểm bà bước sang thế giới bên kia - và chúng tôi, trước một bà cô không còn giống như trước, trên một dáng người đã không còn những nét riêng của mình nữa, như thế, đúng vậy, không còn sự sống.

Jean¹ nói gì về sự tái sinh của Jesus vào buổi sáng kì lạ này, lúc nhân loại đang cần cứu rỗi? Rằng ngay khi ngày mới vừa hửng lên, Maria Madalena chạy về phía ngôi mộ và thấy nó trống rỗng - Maria Madalena, người yêu cuồng nhiệt có mái tóc dài ướp dầu thánh quý giá vùng Galilée và bước đi thanh thoát tỏa hương. Người hỏi ông giữ vườn nơi đặt thi hài của người bị hành xác, bởi vì người muốn mang thi thể ấy đi, muốn dâng hiến cho thi thể ấy tình yêu vĩnh hằng của mình. Maria Madalena không hờn trách mọi người đã lừa dối mình chuyện phục sinh, người không tỏ ra buồn giận, không mong chờ được ân xá, hổ thẹn vì họ đã lợi dụng sự nhẹ dạ của mình, người không quan tâm đến các môn đồ nghi gì. Sự thổ lộ tình yêu này quá đủ đối với bà, sẽ mãi theo bà cho đến cuối đời. Và Chúa hiểu, lần đầu tiên ngài gọi

1. Jean - Người kể chuyện Chúa phục sinh là hình ảnh ẩn của tác giả Jean Rouaud. Nhân vật Maria Madalena giống với nhân vật bà cô và thế giới của nhà văn Marcel Proust.

người bằng cái tên thân mật “Mariam”, người quay đầu lại và đáp “Mon rabbi¹” bằng tiếng Do Thái cổ, câu đáp ấy cũng có nghĩa là người đàn ông của tôi, là tất cả đời tôi, là sự ân cần dành cho tôi, vì chỉ có ngài mới xứng đáng với tình yêu vô hạn ấy, chỉ có ngài mới cảm nhận được, vì trước khi Ngài đến, tất cả những đàn ông nằm trên giường người đều không làm người thỏa mãn. Và giờ đây, hãy thử đưa kịch bản này cho một đạo diễn và xem ông ấy xử lí nó như thế nào (hỡi ôi, xin Chúa hãy tha thứ họ, họ không biết đang làm gì nữa): ông đạo diễn bắt mọi người đang trong tâm trạng thần thờ chạy tới ôm hôn thắm thiết trong niềm vui hạnh ngộ, chẳng một ai, kể cả Jesus, Maria Madalena hay là ông đạo diễn hiểu được ý nghĩa tinh tế của từ tái sinh. “Đừng đụng vào tôi”, Ngài nói thế. Còn mẹ nói với chúng tôi: “Các con hãy ôm hôn bà”.

Chúng tôi không dám - không muốn chạm các ngón tay lên chỗ ngực bị tổn thương của bà do khói lò sưởi, không muốn tin vào con người quay về từ cõi chết này. Hơn nữa, bà chưa bao giờ biết ôm hôn: bà áp cái má thô ráp vào má của chúng tôi đang chìa ra đợi - một thỏa ước nhanh gọn như hiện tượng chạm nhẹ trong tĩnh điện học - hai môi tạo thành tiếng vang trong không khí và đó là biểu hiện sự yêu

1. Mon rabbi (tiếng Do Thái): Thưa ngài của con.

thương. Chưa bao giờ bà nắm tay ai đó, vỗ về, chưa bao giờ bà ôm ai đó vào lòng, ngay cả đức Jesus, bà cũng chỉ ôm với cánh tay dang rộng, ngay cả những đứa bé bà nhắc bổng lên cao như thanh củi phía trên lò sưởi. Có một tấm hình của bà chụp trong sân cầm hai đầu cánh tay của chị hai Nine, lúc hai tháng tuổi, giờ cao lên như một nhà vô địch với chiếc cúp của mình. Chị Nine quay về phía người chụp ảnh - hình như là bố - và bà Marie núp đằng sau đứa trẻ với một vẻ thẹn thùng e lệ.

Cái sự quyến rũ tàn tạ này không làm chúng tôi hứng thú. Chúng tôi thay phiên nhau tiến về phía bà. Bà buông thành giường để nắm lấy vai chúng tôi. Cái kiểu ôm áp này - bà không thể làm tốt hơn - quá mới mẻ đối với bà. Chúng tôi cảm thấy bà muốn ghi nhớ sự kiện, sự quay trở về khó tin, bằng một cử chỉ rườm rà. Thân hình bà đã nhỏ bé nay càng thu nhỏ hơn từ sau khi ra viện, như thể bà đã bắt đầu việc rút lui từ bên trong.

Những cái ôm hôn như thế không ổn đối với ai đeo kính. Họ phải để ý đánh vòng khuôn mặt, phải giữ một khoảng cách đủ lớn để không bị vướng vào gọng. Nỗi lo sợ gây sự cố - và những lời bình luận thường nghe của bà - việc bà không thích đụng chạm xác thịt, đã khiến cho bà cứ mỗi lần tìm cách đánh vòng rộng hơn mức cần thiết khiến chúng tôi hôn nhằm phải cái khoen đính trên tai của bà. Cái đồ

trang sức đó không phải để điệu đà: vào thời ấy theo truyền thống các bé gái bị xỏ lỗ tai, chẳng khác gì mấy bé gái bị cắt xén, đó là một chuyện bắt buộc. Những chấm vàng gắn vào tai vài tuần sau khi sanh, đôi khi bị chảy máu liên tục được mang theo xuống mồ. Một kiểu phong tục bộ lạc làm bà Marie, một con chiên ngoan đạo lại giống như những công chúa thổ dân hoang dã. Cái cảm giác lạnh của kim loại chạm vào môi (“Thomas¹ nói, Thưa Ngài, bọn họ đã quên một cây đinh trong vết thương của Ngài”), và chúng tôi đã chào bà để ra về như thế.

Sau đó, bà dần dần mất trí. Lúc đầu, chúng tôi không thấy bất thường. Khi bà hỏi Joseph đâu rồi, chúng tôi chấp nhận việc bà lãng quên như thế là hợp lẽ, nhất là ở tuổi của bà và khi bà vừa trải qua một cơn chấn động. Thậm chí khi có một cái xác chết ngay trước mặt bà cũng không nghĩ có ai chết. Tôi còn nhớ, trong lúc tôi đang xem ti vi ở nhà chú Rémi vào một buổi tối Chủ nhật, tôi phải vội vàng đứng lên để báo cho bố về kết quả trận đấu mà hẳn là bố quan tâm. Khi tôi nắm lấy cái tay nắm cửa thì tôi nhớ mọi chuyện. Chúng tôi có giải thích với bà Marie là bố đang đi công tác, công việc của bố ngày càng bắt bố đi xa hơn, nhưng bố sẽ quay về. Bà có vẻ nghe theo những lý lẽ của chúng tôi, rồi kể đó, sau một hồi

1. Thomas: một môn đồ của Chúa Jesus.

suy nghĩ, bà quay lại hỏi lần nữa. Bà thấy có điều gì không ổn.

Mọi người đều đồng ý để bà đến ở nhà chú Rémi ngay sau khi chú dọn xong căn phòng. Không thể nào để bà trở về ngôi nhà nhỏ của mình với cái lò sưởi bị hư, và vì mẹ thì không còn đủ sức để chăm sóc bà. Chúng tôi đã đi lấy những vật dụng quen thuộc để bà không cảm thấy xa lạ: cây thánh giá, hai tấm hình ở Lourdes và ở Lisieux, tập tài liệu mà bà đã cập nhật xong, thêm vào đó là vài đồ lặt vặt và bộ sưu tập các mẽ đay hình thánh mà bà để trong tủ và dưới gối. Thoạt đầu, bà khăng khăng cây thánh giá không phải của mình, cây thánh giá của bà đã bị trộm mất và bà sẽ mách lại với Joseph khi ông quay về. Chú Rémi cố chứng minh cho bà điều ngược lại, nhưng trước sự cứng đầu của kẻ ngoan cố, chú giơ tay lên trời và nản lòng, thông báo bỏ cuộc. Bà Mathilde đuổi chú về bàn làm việc và bình tĩnh thay thế chú. Cây thánh giá đúng là bị ai lấy mất, nhưng tên trộm hãy coi chừng, vì khi ông Joseph quay về sẽ tìm ra thủ phạm. Bà Marie bảo rằng bà đã nói rõ như thế, rằng bà không bị điên - trong lúc chờ tìm lại, bà không muốn cây thánh giá này, và bà Mathilde, tỏ ra hiểu em chồng không thể ngủ khi có mặt của một người lạ ăn mặc hờ hang, bà xếp cây thánh giá vào trong tủ.

Con Pyrrhus vui mừng khi gặp lại bà Marie. Nó ở cả ngày trong phòng, nằm dài trên giường. Thỉnh thoảng, nó xuống nhà xem chú Rémi ở cửa hàng, nhận lấy một cái xoa đầu thân mật của chú, rồi một cái xoa đầu khác ngẫu nhiên hơn của bà Malthide, cứ thế, theo đúng trình tự, rồi nó lên lầu trở lại nơi canh gác của mình. Nó tỏ ra nghiêm túc, có trách nhiệm với công việc của nó, vì thế chỉ cần nói "Pyrrhus đang ở với bà" để mọi người không cần lo lắng nữa.

Bà luôn miệng hỏi Joseph. Chúng tôi luôn trả lời: đang đi công tác, có việc bận đột xuất, sẽ sớm về thôi. Do quá mệt mỏi vì điều này, chúng tôi có lẽ đã muốn nói sự thật. Nhưng bởi vì dần dà chúng tôi phát hiện ra sự hiểu lầm ngày càng lớn. Qua những thay đổi trong lời nói của bà, qua những lời nói quá phi lí mà chúng tôi phải nhượng bộ. Như Joseph đang bị thương. Ông ấy cần giúp đỡ, bà Marie muốn đi đến chỗ của ông, đòi chúng tôi phải chờ đến Tours - và rồi cái chuyện về nước Bỉ nữa. Nếu là Tours chúng tôi còn hiểu - dù sao cũng thuộc vùng sông Loire: nào Orleans, nào Beaugency, tạo thành một dãy dài dọc vùng cửa sông - nhưng tại sao bà lại nghĩ đến nước Bỉ? Thật ra, bố đã từng có ý định thâm nhập thị trường Bruxelles vào thời bố kinh doanh tranh ảnh giáo dục cho các trường học tư thục (nhưng không mấy thành công nên giờ đây chúng

tôi còn cả kho hàng to trong nhà kho chứa đồ trong vườn, bộ tranh Cựu Ước bằng 30 tập tranh màu), nhưng có những năm tháng bố chỉ tập trung vẽ trên đĩa sứ và vẽ vùng Bretagne. Chúng tôi nhận ra tính kì cục của bà hay lôi ra những chuyện quá khứ xa xôi, như thế đối với bà phương cách tốt nhất giúp tìm lại bố vẫn còn sống là đi ngược về quá khứ, đảo lộn cuộc sống từ cột mốc số không, đi ngược thời gian. Chúng tôi đồng ý rằng bà đảo lộn tất cả, và giờ đây một cách tài tình, nhưng cái đầu của bà ở trong một thế giới thứ tư của không gian và thời gian mà không ai có thể hiểu được. Thế nhưng bà cố nài nỉ. Joseph bị thương. Dường như bà bị ảo giác, bằng thần giao cách cảm bà nhận được tiếng kêu của bố đang gặp nạn, có lẽ đang bị bỏ rơi ven đường không ai cứu, hấp hối trong chiếc xe bị nghiền nát. Chúng tôi thì an tâm khi nghĩ rằng bố sẽ rất an toàn ở nơi bố đang ở hiện nay.

Chính bà Mathilde là người đã tháo bỏ mớ đàn xen trong suy nghĩ của người bạn già tâm giao. Bà đã rút từng sợi nôi và sắp xếp lại trình tự trí nhớ của bà Marie. Mọi ký ức đều còn nguyên. Bà Marie lẫn lộn mọi thứ chỉ để tìm thấy lại chúng tốt hơn. Sự lẫn lộn không phải từ bà, mà do chúng tôi, do cách chúng tôi hiểu những gì bà thấy. Chìa khóa của vấn đề ở chỗ là do nỗi đau mất bố, chúng tôi chỉ nhớ bố là người duy nhất trên thế gian này mang tên Joseph

đã qua đời. Nhưng đối với bà, đó là người anh thứ hai Joseph: người đã bị thương ở Bỉ, sau đó được chuyển về Tours nơi ông mất, đó là anh Joseph, người anh trai yêu quý, mất vào ngày 26 tháng 5 năm 1916, lúc 21 tuổi.

Thế là, chúng tôi để bà nhớ lại những kí ức cũ xưa. Một khi chúng tôi đã thông nhất cách hiểu, chúng tôi có thể cùng nhau nói chuyện trở lại. Thật đặc biệt khi nghe chú Rémi hỏi bà tin tức của mặt trận, mà bà lúc nào cũng tỏ ra bi quan. Những lần khác, bà trầm ngâm nhìn chú nói: thằng bé đáng thương này gàn quá mức. Đây là một sự lệch lạc trong dòng kí ức của bà. Chúng tôi không hiểu hết những điều bà nói, bà kể quá khứ của mình không theo một trình tự. Chúng tôi cứ nghĩ bà đang vương bận bởi sự tang thương của trận đánh Verdun, nhưng hóa ra bà đang ở với chúng tôi, đang thương khóc bỏ. Chúng tôi đang mừng vì bà muốn chia sẻ nỗi đau buồn mất bố với chúng tôi, nhưng rồi bà lại quay trở lại việc khóc thương những người thân đã tử trận: Joseph và Emile, cả hai đều đã chết trong chiến tranh, cách nhau một năm, và rồi một người chị Eulalie - bà Mathilde như là phiên dịch của chúng tôi - đã qua đời trong dịch cúm ở Tây Ban Nha, thêm vào đó là ông nội Pierre, người sống sót sau Thế chiến 1914, người anh cuối cùng ở lại với bà, rồi cũng ra đi vì không chịu được cái chết của vợ mình, bà nội Aline.

Về chuyện của ông Emile, bà Marie là người đầu tiên nhắc về chuyến đi Commercy của ông nội Pierre với lời nguyên rủa: “Một đám táng gấp gáp, như một vở hài kịch”. Trong tình huống này, bà Mathilde tỏ ra kín đáo và có vẻ bà không hiểu ý của bà Marie. Bà phải chấp nhận rằng về vấn đề này bà Marie có thể đang nói vớ vẩn. Nhưng chúng tôi thì ngược lại, chúng tôi lại xem bà như một thầy bói luôn nói những sự thật. Bà Marie là “bà cà phê”¹ luôn chính xác trong việc nói về quá khứ. Chỉ có điều các giải đáp cho các câu hỏi của chúng tôi không theo thứ tự, và cuối cùng chúng tôi cũng không có câu trả lời cho bí ẩn Commercy, như thể trong bức tranh xếp hình này chúng tôi có trong tay một mảnh ghép dư thừa.

Thế đấy, lúc thì bà quay ngược về quãng thời gian trước đó lúc thì bà nhớ lại quãng thời gian sau này, kể hết cả một thế kỉ bằng những kí ức của mình, và rồi bà không nhớ gì hết. Một cái kết khô khan, khó khăn, đúng với nguyên tắc sống khổ hạnh của bà. Cũng có thể là do tinh thần sốt sắng cao nên bà pha trò chọc cười gia đình Périer, nhưng người cháu gái rộng lòng từ bi đã có lý khi không kể cho người khác. Chúng tôi chỉ có thể nhớ câu chuyện ấy, mục đích chỉ để chọc ghẹo bà trong những lúc không gian dường như vô cùng và sự im lặng dường như vô

1. Ở phương Tây, người ta dùng bã cà phê để xem tương lai.

tận. Vì thế trước những chuyện khôi hài về bà, chúng tôi đi từ cảm xúc đau đớn đến những trận cười ra nước mắt. Những chuyện cón con như lần đầu tiên trong đời bà thử tô son môi lấy từ quầy hàng mỹ phẩm của bà Mathilde, hoặc khi trêu rằng cha xứ đang tán tỉnh bà, hoặc khi bà xin một liều thuốc, và thay vì hút (một việc bà không thể làm), bà gài nó lên tai như ông bán hàng.

Bà cũng thường xuyên đòi chúng tôi chở đến nhà mẹ của bà. Chúng tôi đã cố giải thích với bà, dùng hết mọi khả năng thuyết phục của mình, để bà hiểu rằng mẹ của bà không sẵn sàng để đón tiếp bà, nhưng bà bỏ ngoài tai mọi lời nói, và bởi vì chẳng ai thương tình chở đi, bà sẽ đi một mình. Bà khoác áo choàng, vội vàng đội mũ, và chẳng ai ngăn cản được bà. Bà lang thang trong thị trấn, một người phụ nữ già nua lạc lõng không thèm chào hỏi người qua đường, xăm xoi họ như những người lạ mặt, bỏ chạy khi họ bắt chuyện. Thế là chú Rémi lái xe đi, đuổi theo bà, và rồi hai người họ đi cùng nhau chẳng nói lời nào, đi chậm chậm, như đang lần tìm một địa chỉ, đi vòng quanh quảng trường hai ba lần, tùy thuộc vào sức chịu đựng của bà. Khi quay về tới trước nhà, chú Rémi bảo đã đến. Bà có vẻ nguôi. Vào những lần khác, dường như mọi thứ chợt ùa về trong tâm thức, bà than thở “Ừ phải rồi” và buồn bã - tiếng gọi nặng

nề của cuộc sống đến hồi kết. Bà lặng người trong suy nghĩ của mình vài giây và rồi thật nhanh bà lại muốn quay về nhà mẹ mình, mọi người đều biết bà dữ thế nào khi chúng tôi ngồi vào bàn ăn trễ.

Vào lần cuối, bà ăn tối cùng với chú Rémi và bà Mathilde, con Pyrrhus nằm dưới chân. Giờ đây những bữa ăn trở thành những tiết mục quần chúng do bà biểu diễn không biết mệt, ứng tấu, bà thực hiện trò quay thìa, trò đặt đĩa thức ăn chó lên đĩa ăn của mình, cứ làu bàu rằng mẹ bà sẽ không hài lòng hoặc giận dữ nhìn miếng pho mai mà bà nghĩ đã bị tẩm độc. Tối hôm ấy, bà cầm lấy khăn ăn của mình, nhúng sâu vào tô súp, rồi đi trải cái khăn ướt trùm lên cái tivi đang mở. Sau một hồi sững sờ, vì sợ chạm điện làm hư chiếc tivi mới, chú Rémi vội chạy ra cầu dao điện ngay phía trên bồn rửa chén và gạt nó xuống. Thế là chúng tôi nghe một tiếng ngã, tiếng chó sủa trong bóng tối. Bà Mathilde mò mẫm tìm nến, thấp sáng, và giữa nhá nhem chập chờn, ngọn đèn yếu ớt thấp sáng bức họa cuối thế kỉ: bà Marie đang nằm sóng sượt trên chiếc ghế mây, ánh mắt hoảng hốt, đầu quần khăn ăn thấm đẫm súp chảy lênh láng trên khuôn mặt và cặp mắt kính, người đàn bà ưu tư dính đầy súp rau củ nghiền nhuyễn, còn con chó spaniel to lớn màu hung đỏ, đặt hai chân trên người của bà, đang liếm láp một cách ngon lành.

Thẳng tiến Pont-de-Pitie, nơi dành cho những người tâm thần, như chúng tôi thường hay gọi như thế trước khi xảy ra cái kết kỳ cục này.

15

Khi mọi chuyện bắt đầu trở nên xấu đi với bà Marie, vì lo sợ một thử thách nữa sẽ đến với con gái mình (bởi bố chúng tôi đã ra đi cách đây gần hai tháng), ông bà ngoại đã đề nghị chuyển đến ở cùng để giúp đỡ chúng tôi trong hoàn cảnh tuyệt vọng. Mẹ không dám từ chối. Hai vợ chồng già chất đầy bốn chiếc va-li khổng lồ lên chiếc 2CV và làm một cuộc thám hiểm giữa Riancé và Random: 80 cây số đường phụ, băng qua vùng đồng bằng ngoại ô đơn điệu, những cánh đồng thẳng tắp, những hàng rào được chăm chút kĩ lưỡng, những hàng cây nối tiếp nhau, những thị trấn vô vị, những nhà thờ không có phong cách kiến trúc, những ngôi nhà không quá kiểu cách đến những con người bình dị. Từ Riancé đến Random, vùng hạ sông Loire ẩn mình trong suy nghĩ thầm kín của những người vợ tuyệt vời nơi đây.

Cuộc sống này, cho dù có bị rút ngắn đi, là một món quà đến bất ngờ. Khi ông bà ngoại đến, chúng

tôi hỏi hả giúp đỡ đồ đạc xuống. Zizou, vừa nhỏ con lại vừa yếu ớt, tóm lấy một chiếc va-li to tướng ở băng ghế sau và kéo lê nó đi hai mét khiến ông ngoại khó chịu và buộc phải kêu con bé cẩn thận. Điều đó đã đủ để dập tắt hoàn toàn nhiệt tình của chúng tôi.

Ở Pont-de-Pitié, bà Marie đã nhanh chóng chìm vào hôn mê, một cái ống dài màu trắng để tẩy sạch hết những hành động kỳ quặc cuối cùng ở bà. Vì, lần này, chúng tôi đã nghe được nguyên nhân, sẽ không có điều kỳ diệu nào nữa. Do đó, chúng tôi, năm người, dồn lên chiếc 2CV đi thăm bà lần cuối.

Khi ấy là cuối mùa đông: mưa rào và gió rít, bầu trời mù mịt, mây như bị đánh rơi thành từng mảng trong sự âm u, cái lạnh ẩm ướt len vào chiếc xe tôi tàn qua vô vàn vết nứt. Chúng tôi đã thử nhét bốn người vào băng ghế sau trong vô vọng. Nhưng mẹ, dù nhỏ nhắn đến mấy cũng vậy, nếu là chiếc DS thì còn có thể, còn trên chiếc xe của ông ngoại, chúng tôi như cá mèi xếp trong hộp. Bà ngoại ngay lập tức tìm ra giải pháp: bà sẽ không đến Pont-de-Pitié nữa, chỉ vậy thôi, hơn nữa, bà Marie cũng đâu còn tỉnh táo nữa.

Mà dù ngoại có đến hay không, đối với bà Marie của chúng tôi, cũng chẳng có gì khác biệt. Ngược lại,

mẹ năn nỉ chúng tôi ôm hôn lần cuối trước khi bà Marie ra đi. Và chúng tôi nghiêm nhiên trở thành chuyên gia của những cái ôm cuối cùng. Cũng giống như cái lần mẹ nói: “Hãy ôm bố các con lần cuối đi” trước một cái xác được mặc đồ tươm tất, thắt cà vạt, nằm thẳng giữa giường với hai tay bắt chéo, cái vị trí nằm cho thấy rõ sự khác thường lần này (bình thường, bố hay ngủ phía bên trái giường). Lần đầu tiên, bố còn giữ lại một chút hơi ấm. Hai bên má vừa được cạo râu nhẵn nhụi còn thoang thoảng mùi nước hoa và da vẫn còn độ đàn hồi. Thử thách này cũng không quá khó khăn giống như phải ôm hôn một đứa trẻ còn say ngủ: chúng tôi nghiêng người một cách cẩn trọng, đặt xuống một nụ hôn phớt, vừa cảm nhận được nhiệt độ cơ thể nơi khoe môi thôi, xong, nhiệm vụ hoàn thành, chúng tôi tùm lại quanh chiếc ghế bành mẹ thường ngồi. (Lần thứ hai, trước lúc nhập quan, khi có một mùi chua bốc lên từ bụng của bố, chúng tôi đã linh đi mất).

Chiếc xe với biệt danh *Lôi lõm* cũ kĩ chật ních người nặng nhọc chạy trên con đường ẩm ướt. Chỉ cần một cơn gió thốc cũng đủ để ngăn cản sự tiến lên yếu ớt này. Chúng tôi đành tự an ủi rằng quãng đường về sẽ tốt hơn. Nhưng chúng tôi cảm thấy bị bẽ mặt vì thấy những chiếc xe hơi mạnh mẽ (từ ba mã lực trở lên) đã vượt mặt chúng tôi như bõn, ở

khúc gỗ ghề ven đường với cái nhìn giễu cợt hay sự thờ ơ giả tạo. Những người lịch sự nhất thì làm động tác đẩy xe chúng tôi, còn những người tử tế nhất thì vừa uốn éo trên ghế, vừa ra vẻ khó nhọc để vượt mặt. Tất cả những chiếc xe tốc độ cao tốt bụng này đều hắt nước vào xe chúng tôi khi chạy ngang và họ tự lấy làm vui sướng như thể họ thuộc về thời đại tân tiến khi vượt qua cái hang động biết đi của dân du mục thời tiền sử.

Ngồi sát rạt bên nhau ở băng ghế sau, bị hành hạ, bị giày vò, ba anh em chúng tôi sẵn sàng cho rằng chúng tôi đang bị bắt cóc còn người lái xe thân thiện kia không phải là ông ngoại chúng tôi. Ngồi bên cạnh, mẹ thông cảm với chúng tôi trong im lặng.

Bà bật khỏi ghế vì bị xóc như một con rối rữ rượi. Cái nhếch mép chua chát nơi khóe môi không thể hiện sự trách móc cũng như phiền lòng, không gì khác ngoài điều nặng nề là phải sống, không hứa hẹn vội vàng, chỉ biết sống từng giây từng giây – và, nỗ lực phi thường này, là tất cả những gì mọi người có thể yêu cầu ở bà. Những cú rung giật xóc nảy ở chiếc 2CV vẫn không làm mẹ mất đi thái độ trang nghiêm của một người đang có tang. Một cú quẹo gấp buộc mẹ phải chỉnh sơ lại cái nón nhỏ màu đen của mình đang xụp xuống trán. Nhưng đó chỉ là một phản xạ sinh tồn. Chúng tôi đoán rằng những lúc

như thế là mẹ đang luyện tiếc chiếc xe DS màu son đang đợi người đến mua ở trong gara vì bây giờ, vắng bóng người tài xế, chiếc xe ấy đã trở nên vô dụng. Hệ thống giám sát giúp chạy êm hơn khi qua các ụ đất, mô tơ kêu ro ro khi chạy với tốc độ cao, khả năng tăng tốc mượt mà, các cửa kính mang lại cái nhìn toàn cảnh 360 độ, các băng ghế mang lại sự êm ái, thoải mái cho tầm lưng của bố. Chúng tôi cũng chỉ mới tận hưởng được nó một chút trong khoảng ba tháng. Nhưng khi ngồi trong xe, chúng tôi như những vị chúa tể.

Vượt mặt chiếc 2CV một cách dễ dàng, bố luôn có một từ hài hước cho chiếc xe thảm thương ấy và cho những người ngồi trong xe, cũng như trong làn sương mù ở Tourmalet, ông luôn làm cho không khí vui vẻ bằng cách chỉ ra “chiếc mũ lưới trai Polo trắng” của một người dững cảm già nào đó đang lái chiếc xe cổ lao xuống con dốc mù sương. Đau đớn và suy sụp, chúng tôi đã hoàn toàn tuyệt vọng.

Dưỡng đường Pont-de-Pitié được hình thành từ một tu viện cũ và được trùng tu lại sau này khi đã trở thành trung tâm cai nghiện của vùng. Cổng chính lớn với trán tường theo phong cách La Mã đủ để cho một cỗ xe ngựa (bốn bánh) đi qua, nhưng khi đứng ở sân trong dưỡng đường tối tăm, bị che lấp

bởi các tòa nhà với mặt tiền ướt đẫm nước mưa cùng với những ô cửa sổ hai lớp chấn song, một cảm xúc đau buồn nghẹn ngào nơi khách thăm. Những cây dương đến từ Ý mọc vượt hẳn các mái nhà. Cơn gió bóp méo đi những nốt nhạc trầm ngâm vang lên từ chiếc chuông nhà thờ. Các sơ vợi vĩa băng qua sân trong, lượn qua các vũng nước còn đọng lại.

Họ lấy hai tay giữ chiếc váy đen bị gió tốc, và khi chiếc khăn trắng che đầu bay lất phất trước mắt, cũng không ai buồn gạt ra. Họ quay người, đi lùi vài bước trước khi biến mất trên hành lang chạy dài với các ô cửa sổ rộng lớn nhìn ra bầu trời mù mịt. Sơn tường bị bong tróc, mùi khai của những người già bị rối loạn đường tiết niệu hòa với mùi chất khử trùng tràn ngập trong không khí, mùi buồn nôn ở căng tin (món súp buổi tối luôn có cái mùi y chang món súp ở trường trung học), bóng các sơ bận rộn lướt đi trên tấm nhựa lót sàn, những bệnh nhân trong bộ pyjama lang thang tìm kiếm một thứ gì mà chính họ cũng không biết và điều ấy đang giết chết họ, những cái nhìn điên loạn toát lên sự đau đớn tột cùng, một sự tích tụ các nỗi kinh hoàng mà không một loại hóa chất nào có thể thanh lọc được, những đôi bàn tay co quắp, nắm chặt lại với nhau như hai mắt xích của một chuỗi đứt đoạn, dáng đi ngập ngừng, sợ sệt, những lời nói lung tung vô nghĩa, cử chỉ bất thần

điên loạn, và trong hành lang tu viện một nhóm người thân thể lạnh lặn: những bản sao của Napoléon và của Louis XIV, những nàng Anastasia và những cô công chúa nguy tạo trong những gia đình vương gia tưởng tượng, những triều đại lấy lòng của vương quốc những con người giản đơn. Một lũ bịp bợm mà đến Đức mẹ Đồng trinh Marie tối cao của chúng tôi cũng không thể chịu đựng được lâu.

Bà nằm trong góc chật chội của căn phòng nhỏ trắng toát, ở góc xa nhất, giường đặt cạnh cửa sổ lộng gió, chúng tôi không dám tiến lại gần vì sợ làm ngã các cây truyền dịch, sợ bị vướng vào trong mớ ống truyền khi cúi người nhìn cái cơ thể tái mét với hai cánh tay gầy rạc, trắng bệch trên giường và chúng tôi hiểu rằng bà đã chọn cách ra đi nhẹ nhàng. Khuôn mặt không đeo kính áp trên chiếc gối màu xanh nhạt, cơ thể chỉ vừa đủ làm chiếc giường hơi lún xuống, sợi dây mỏng manh nối bà với thế giới này là những chiếc ống trong suốt mà chỉ cần một cơn gió thổi qua cũng đủ làm nó biến mất nhanh chóng.

Mẹ lạc lõng trong bộ đồ tang. Còn chúng tôi như đang đứng bên bờ một lỗ hổng vũ trụ mà chảy vào đó là cái bề nổi của thế giới. Nó làm chúng tôi không thở nổi. Các xơ, bình thường rất nhiệt huyết

với bệnh nhân, đi vào một cách khẽ khàng như không muốn quấy rầy giấc ngủ của những người đã được hạnh phúc trọn vẹn.

Nhân lúc có xơ đi vào, mẹ tỏ vẻ thiếu kiên nhẫn, đã ra hiệu ra về. Chúng tôi rời đi khi chưa đặt nụ hôn vĩnh biệt lên con người đang hấp hối kia.

16

Khi trở về nhà, ông ngoại lên trón ở tầng kho chứa đồ. Từ hồi ông đến ở nhà chúng tôi, trong khuôn khổ nhiệm vụ nhân đạo của mình, ngoài hai nhiệm vụ tự ông nhận đảm trách, ông không chấp nhận làm bất kì việc gì khác: việc đi chợ chiếm nguyên buổi sáng (“ông Burgaud” nhanh chóng nổi danh trong giới tiểu thương, ai cũng ca ngợi sự tận tụy của ông) và việc dọn dẹp kho chứa đồ, công việc mà ông tự nguyện gánh vác khiến ông phải bỏ cả buổi chiều. Nhưng phải hiểu rằng ông chọn đi chợ để được ra ngoài và dọn dẹp để đừng ai quấy rầy. Ông ngoại cũng tự lãnh thêm một công việc làm phá hỏng kỳ nghỉ của ông và khiến ông phải ra về sớm. Đó là thay thế vai trò của bố mẹ và chính đốn việc giáo dục Zizou, con bé nhanh chóng trở thành nạn nhân của ông. Nào là không được chống hai khuỷu tay lên bàn, khi nhai phải khép miệng, không để muỗng cạ vào đĩa, không ngắt lời, phải đợi người lớn cho phép nói, và còn những điều

khác nữa. Do khớp mình trong nỗi đau, mẹ không nhận thấy chuyện gì đang xảy ra. Chính chị hai Nine, với vóc cao lớn ở tuổi 14, chứng kiến việc em gái mình bị đối xử tàn nhẫn, ra tay giải quyết, đã gọi ông bà ngoại tới vào ngày bà Marie qua đời để báo ông bà có thể về nhà sau tang lễ. Mẹ sẽ vẫn chưa hiểu vì sao ông bà ra đi nếu mẹ đã nhận ra sự có mặt của họ bên cạnh mình.

Đi chợ cũng là dịp để ông ngoại lên mua đồ ăn vặt, vì ông bị cấm ăn những thứ này từ khi chúng tôi phát hiện lượng đường cao trong máu, thế nhưng vẫn chưa đến mức phải bắt ông tiêm insulin mỗi ngày - chúng tôi luôn nghi rằng ông bị tiểu đường - nhưng cũng đủ cao để ông buộc phải thay thế tám miếng đường trong ly cà phê bằng những loại đường ăn kiêng và dĩ nhiên nó không mang lại cho ông ngoại hương vị đường thật - và bà ngoại theo dõi sát việc này. Trong suốt cuộc đời mình, ông luôn tự an ủi mình như thế, theo cách của những người từng chịu khổ. Ngày xưa, ông mua kẹo bán lẻ khoảng 100g và ông không để cho ai lựa kẹo thay mình. Ông biết một địa chỉ ở Nantes, trên đường Verdun, gần nhà thờ - nơi các nhà cung cấp thường liên hệ - một tiệm tạp hóa cũ kĩ, tối tăm, một sự bất thường có từ thời kì biến loạn của thành phố, đông người như trong một nhà kho ở Iles và ở đó tràn ngập đủ mùi cà phê, trà

và các gia vị. Những lọ thủy tinh được xếp dọc trên ba kệ ở lối vào. Khó có thể chọn giữa vô vàn kẹo thơm beclingô, những viên kẹo mật ong, bạc hà, caramen, những viên kẹo cao su xanh, những viên kẹo sỏi hương sô cô la, đào lạc, hoa cẩm quỳ, hương cam thảo, những viên kẹo Vichy và nhiều loại khác. Ông ngoại thường mơ ước tự tay mình nhúng cái thìa đồng hình tam giác cân xuống giữa những viên kẹo ngon tuyệt này, tất nhiên những người chủ cửa hàng với làn da trắng bột, chật chội trong bộ blu xám không để ông được toại nguyện. Đó là công việc của họ và thật ra họ muốn kiểm soát. Họ ước lượng chính xác đến từng gram và chỉ cần bỏ thêm một hay hai viên kẹo là chiếc cân to đùng Roberval của họ đạt mức thăng bằng chuẩn xác giữa hai đĩa cân. Khả năng đo lường chính xác này là một sự vinh danh nghề nghiệp của họ. Vì thế sẽ là một sự bất công nếu họ không được thể hiện tài năng mà họ đã xây dựng từ một thế kỉ qua. Ông ngoại rời cửa hiệu với những bao nhỏ màu trắng được cột kĩ càng cẩn thận và ngay khi trở về Riancé, ông liền đổ ngay những túi kẹo ấy vào nơi cất giữ của mình, một chiếc hộp hình lăng trụ với những hoa văn phong cách Rococo¹ đặt ở trên nóc tủ kính, ngoài tầm với của mấy đứa trẻ. Mọi người đều biết chỗ cất giấu ấy, thế nhưng nó đã

1. Phong cách Rococo: phong cách nghệ thuật và thiết kế nội thất của Pháp thế kỷ XVIII.

trở thành một thói thường của ông. Ông phải chờ mọi người rời khỏi bếp rồi mới ăn: cả một nắm đầy cho nguyên ngày làm vàng khè cả túi áo và làm bà ngoại nổi cáu. Chúng tôi nghe thấy tiếng ghé kéo trên nền gạch vuông. Thay vì thay đổi chỗ cất giấu, ông vẫn tiếp tục leo lên như một đứa trẻ già, một cách để ngưng thời gian.

Bởi vì ông không thể hút thuốc trong xưởng may chất đầy vải, do tay ông đang bận may, vì trong lúc thử quần áo ông ngậm mấy cây kim trên môi, để bù lại ông mút kẹo. Chúng tôi nghe rõ tiếng mút nhẹ, tiếng nuốt trong cổ họng, trong khi đó gương mặt vàng ngà của ông đang tập trung trên chiếc kim khâu. Và thế là ông không còn cái vẻ kiêu ngạo như khi ông có điều thuốc trên miệng và chúng tôi thấy trong đôi mắt hí của ông điều gì đó cam chịu.

Nhưng ở nhà chúng tôi, sau giấc ngủ trưa, ông lại trốn trên tầng kho. Thỉnh thoảng chúng tôi nghe thấy một âm thanh đục như tiếng ai đó đang kéo lê một đồ vật, một âm thanh khác như tiếng đổ, rồi một âm khác như tiếng vỡ ly, khiến chúng tôi lo lắng - nhưng thường thì không một tiếng động, hình như ông ngoại đang ngủ. Bà ngoại tỏ ra lo lắng: ông ấy làm gì ở trên đó? Bà sợ rằng ông ngoại lại tìm ra một hòn đảo Levant khác trong đồng đồ đạc của chúng tôi. Chúng tôi rất muốn lên xem, nhưng chúng tôi bị

cắm lên đó. Không chính thức, không một lời giải thích, ông ngoại không thích bị quấy rầy khi ở chốn riêng của mình. Sự im lặng của ông, kiểu quan sát người khác mà không cần nhìn, mắt hiu hiu sau màn khói thuốc, tạo nên một vùng an toàn xung quanh ông mà không ai được phép bước vào nếu ông chưa cho phép. Ông xuống nhà một tiếng trước giờ ăn tối, đầu tóc dính mạng nhện, bụi trên áo vét, ông chải chuốt lại mái tóc, chỉnh lại nếp quần bằng hai ngón tay (bà đã uống công đề nghị ông chọn một bộ đồ cho đàng hoàng hơn) và ông yêu cầu chúng tôi rửa tay cùng với ông.

Một buổi tối, tại bàn ăn, bà ngoại đánh bạo hỏi ông ngoại về những hoạt động của ông trên lầu. Ông chẳng trả lời thẳng vào câu hỏi mà hỏi ngược lại mẹ chúng tôi rằng bà đã nghe câu chuyện ở Commercy chưa. Mẹ ngẩng đầu lên, kinh ngạc vì người ta còn có thể nói chuyện với người chết-sống-lại. Ông ngoại không cố. Tuy nhiên, vào ngày Chủ nhật, ông hỏi bà Mathilde đang ở phía bên kia hàng rào nguyệt quế giữa những khu vườn. Bà phẩy tay như muốn xua đi điều bà không muốn nghe nhắc đến.

Và đó là điều đã khiến bà Marie qua đời. Chúng tôi nhận ra đó là ngày 19 tháng 3, ngày lễ Thánh Joseph, như thể trong chuyến hành trình vô thức, bà

đã đếm từng ngày trên lịch để ra đi vào đúng ngày hôm đó, ngày bà đoàn tụ với cháu trai vừa mất và với kỉ niệm xa xôi của người anh trai.

Vào ngày lễ tang, một cơn gió quý thần thổi đến. Các áo lễ khoác ngoài cũng như những chiếc váy của các bà đều bị thổi tốc lên. Những lễ sinh cùng nhau bám lấy cán cờ hiệu cao màu bạc đang uốn éo trong cơn gió lốc, cuộn lại, thổi phồng ra, cố bứt ra khỏi cọc đỡ. Đi đầu đám rước, người mang cây thập giá lao vào trong cơn bão như lính cầm kích với cây thánh giá tiến lên phía trước. Cha xứ Bideau không giữ nổi khăn lễ trên tay đã buộc lại như khăn quàng cổ. Nó phấp phới đằng sau trong ánh sáng chói của váy vàng. Cơn gió thổi lật nhanh những trang sách kinh lễ làm cha xứ không thể đọc. Vì cha sợ làm rách giấy mỏng của cuốn Kinh Thánh, nên cha đóng quyển sách lại và tự đọc lời cầu nguyện của mình. Ông cất cao tiếng hát Thánh ca được một ngọn gió mang đi trên con đường Paris trước khi chúng tôi có thời gian để tiếp tục dàn hợp xướng. Người tăng lữ ôm chậu nước thánh đã hắt đổ phân nửa lên trên chiếc áo dài lễ của mình. Đến lúc rảy nước thánh, chúng tôi chia sẻ những giọt còn lại, chúng tôi nhúng que rảy nước phép cho có hình thức. Tiếng gió rít làm trì trệ những bước chân đoàn người, chúng tôi tiến lên trước đầu cúi xuống, hơi

thở hổn hển, chỉ biết dựa vào người phía trước để đi, vì chủ yếu lo đừng để gió cuốn đi mất. Bà và mẹ cởi bỏ mạng gấn mũ, ông ngoại giữ chắc chiếc mũ trong tay, những người khác chạy theo sau chiếc mũ bê-rê hoặc khăn choàng cổ. Xe tang lắc lư và được con ngựa của ông Biloche kéo đi, những miếng vải tang đen đập phát phơ như đàn quạ bu xung quanh. Tại khúc cua rộng lớn dẫn đến nghĩa trang, chiếc xe này suýt bị lật nhào (đây là chuyến đi cuối cùng của nó - sau lần này, sẽ là xe cứu thương đưa người chết đi). Con trai của ông Biloche thấy rằng nếu tiếp tục đi, an toàn của người chết sẽ không được đảm bảo. Anh ta chọn ba người đàn ông khỏe mạnh trong đoàn người đi theo và họ cùng nhau nắm lấy quan tài, kéo ra khỏi xe tang và sau khi thống nhất với nhau bằng ánh mắt, họ cẩn thận nâng quan tài lên vai một cách dễ dàng mà ngay họ cũng ngạc nhiên. Do lực nâng quá mạnh so với chiếc quan tài nhẹ tựa lông hồng nên nó suýt nữa bị hất tung lên như một người tình nguyện nhảy trên tấm ga được căng ra vào ngày lễ của lính cứu hỏa. Và thế là trên tấm lưng của những người đàn ông, được áp sát vào má, có thể bị lăn qua lăn lại trong chiếc hòm quá lớn, Đức mẹ Đồng trinh Marie của chúng tôi bước qua ngưỡng cửa năm mồm như một bà hoàng, linh hồn ửng đỏ vì được bao người đàn ông đẹp trai dâng mình cho Chúa trời.

Trên đường từ nghĩa trang trở về, ông ngoại quay trở lại tầng trên lần cuối, đủ thời gian để lấy một hộp đựng giày và khi xuống nhà ông đưa cho mẹ chiếc hộp với vài lời giải thích. Mẹ không buồn lắng nghe, không biết để chiếc hộp ở đâu, nên mẹ đặt nó ở một góc bàn làm việc và chiếc hộp nhanh chóng biến mất dưới đồng giấy. Đôi vợ chồng già đưa va-li của họ lên xe 2CV – nhanh chóng từ biệt nhau trên lề đường trước cửa hàng (râu mép của ông ngoại đâm tua tủa, của bà ngoại thì êm hơn), cả hai phía đều cố che dấu cái tâm trạng vứt bỏ được gánh nặng của mình, một cảm giác bị thất bại. Chiếc xe hơi vừa biến mất ngay khúc cua là chúng tôi nhanh chóng lên tầng hai để xem những thay đổi của nơi đó.

Trên thực tế, chúng tôi không nhận ra tầng kho chứa đồ nữa. Nếu chúng tôi cho rằng trật tự chỉ là một biến thể toán học chủ quan của sự hỗn độn, thì chúng tôi nghĩ rằng thật ra cũng giống như trước nhưng trật tự đã khác, có nghĩa là sự hỗn độn này đã được ông thay thế bằng một sự hỗn độn khác, và hoàn toàn xa lạ với chúng tôi. Trên các giá kệ, nơi những vết tích thời đại được sắp đặt theo dòng thời gian, tạo nên những phân lớp của nhiều thế hệ và của các ý tưởng thô sơ của sự sinh tồn, nhưng nay qua việc thay đổi trật tự của chúng ông ngoại đã xóa

đi dấu vết thời gian, làm tiêu tan bản gia phả của dòng họ Pincevent chúng tôi. Trong sự xếp đặt mới này, tất cả điểm mốc của chúng tôi đều biến mất. Ông ngoại đã dùng những yếu tố cũ để tạo ra một bức tranh mới, một dòng lịch sử mới. Từ nay cần phải làm quen với cách sắp xếp ký ức mới, một cậu bé bằng gốm xanh trong cái chuồng chim hoàng yến, một xâu chuỗi hạt đen trên cổ của gấu con cụt tay, nếu bố còn sống đã giúp khâu nó lại, đèn chùm bằng đồng làm đồ chặn một đồng đĩa nhựa 78 vòng (một người tên Bach đã kể lại những câu chuyện hài hước về người lính), các tạp chí xếp lộn xộn trong cái nôi bằng mây lá nói về nghệ thuật chế biến món blanket kéo dài 100 năm, những mảnh gương vỡ trên nền nhà xám đầy bụi phản chiếu từng miếng rui mái nhà, chiếc giày đơn độc trên một xấp hóa đơn buộc cẩn thận, minh chứng ngàn năm, cho việc chúng đã được thanh toán, và tất cả những vật xuất hiện trở lại không lời giải thích: một ống sắt nhỏ màu trắng, đạn súng cối bằng đồng thau, một cái mũ Trung Quốc bị đâm thủng một lỗ nhỏ như cái khay đãi vàng, một dụng cụ hình con rắn, một cái rương bằng gỗ chia thành từng ô hợp lí. Vì sự xáo trộn không những khôi phục lại những thứ bị chôn vùi, bị lãng quên, mà còn hẳn mang tới những điều mới lạ.

Và ông ngoại đã lục ra một loạt ảnh chân dung mà ông xếp thẳng hàng với nhau đối diện với chiếc ghế bành Voltaire có cái tay bị gãy nơi ông ngoại ngồi (bằng chứng là dưới chân ghế có cái gạt đầy tàn thuốc), những bức ảnh chân dung không được sắp xếp theo mối quan hệ gia phả nhưng được tập hợp lại theo tiêu chí tương đồng, có những điểm giống nhau về hình thể, như thể ông muốn tìm trong thuyết luân hồi dấu vết của cuộc sống, tìm cách nắm bắt thông qua sợi chỉ đỏ của những điểm tương đồng phương pháp sống vĩnh hằng. Khi chúng tôi thấy nhiều phần của chính bản thân mình trong những gương mặt của ông bà tổ tiên lạ lẫm, chúng tôi không thể phủ nhận là hiện thân của những con người ấy. Chúng tôi nhận ra đôi mắt của em Zizou giống y đôi mắt của một cụ bà thời xa xưa (trong một tấm được chụp gần như kiểu Daguerre), và thật đáng sợ, ánh mắt được truyền qua sự chết.

Còn hộp đựng giày. Sự chuyển giao trang trọng ấy, những từ ngữ bí ẩn thì thầm, vậy là quá rõ: ông ngoại đã tập hợp lại trong hộp các tông những điều ông khám phá. Chúng tôi lắc chiếc hộp, nhưng nó không phát ra tiếng kêu leng keng nào. Nó không chứa vàng, vậy hẳn là chỉ ít nó cũng chứa đựng những bằng chứng về dòng họ vinh quang.

Trong đó có nhiều hình ảnh, những tấm bưu thiếp, những lá thư, cây kim gài, tấm mẽ-đay nhỏ và

hai quyển vở. Chữ viết trong cuốn vở nhàu nát nhất lúc đầu còn nắn nót, nhưng càng về sau càng cầu thả và rồi đến cuối không thể đọc được, vài lời ghi chú nhanh phai nhạt trên những trang giấy trắng cuối cùng. Về những tấm hình, chúng tôi nhận ra ông bà nội: ông nội Pierre ngồi trong chiếc xe hơi của mình hoặc trong bộ đồng phục quân đội, bà nội Aline, to béo ngồi trong ghế bành, một chó con đen trắng ngồi trên đùi, hoặc một người con gái trẻ tươi cười. Tất cả tư liệu đều liên quan tới họ, ngoại trừ một bức ảnh đạo mà đúng ra phải nằm trong cuốn Kinh thánh của bà Marie. Nhưng khi nhìn kĩ bức ảnh này, lời cầu nguyện ghi ở mặt sau thể hiện một lòng yêu nước sâu sắc. Nó đề cập đến cuộc Đại chiến, nơi Chúa đã chọn phe của mình - trưởng nữ của Giáo hội¹. Với một sự giúp đỡ như thế, không ai nghi ngờ về kết cục của cuộc chiến. Joseph chắc hẳn sẽ vui mừng, người anh trai kính mến của Marie, nhưng có một ghi chú viết tay xác nhận ông đã chết tại Tours, do bị thương nặng vào ngày 26 tháng 5 năm 1916. Chúng tôi đặt tấm ảnh đau buồn lên tủ kính và thay vào đó, theo ý tưởng của Nine, chúng tôi để hàm răng giả bằng vàng và hai nhẫn cưới vào trong chiếc hộp đựng giày.

1. Chỉ nước Pháp.

Có gì bên trong một quả óc chó? Mọi người tha hồ tưởng tượng: cái hang của Alibaba? Gỗ làm nên tượng thánh giá? Giọng nói của Rudolf Valentino? Chúng tôi đập bể và ngẫu nhiên nó. Thì chúng tôi hiểu ra rằng quả óc chó chứa những nhân tố vi lượng và vitamin, gluxit và chất béo, còn cái hang của Alibaba chỉ là sự tưởng tượng trong đầu Shéhérazade, gỗ của cây thánh giá thật thì nằm trong thân cây Hiếu Biết¹ và giọng nói của Rudolf Valentino ở trong ánh mắt người mù.

1. Cây Hiếu Biết: cây sinh ra trái cấm mà Adam và Eve đã ăn.

17

Dưới con mắt của bà Marie, những ông giám mục byzantin tranh cãi về giới tính của thiên thần không khác những người trụ lạc là mấy. Ngay bố cũng bối rối lúc chúng tôi đỗ xe trước nhà hộ sinh, khi bố phải trả lời câu hỏi làm sao để phân biệt con trai và con gái trong đám thịt đỏ hồng, lúc chúng tôi chờ mẹ vào thăm vì trẻ con không được phép. Bố suy nghĩ một lúc, tay gõ gõ lên vô-lăng, đó là dấu hiệu bố đang khó chịu. Bộ phận sinh dục? Quá khoa học. Dương vật? Tầm thường. Thằng nhỏ? Con nít quá (một đứa trẻ không còn là trẻ con). Bỗng nhiên, một ý tưởng - và bố quay về phía chúng tôi, cười ranh ma và hơi ngượng ngập: “cái vòi nước.” Ôi người bố tuyệt vời hay mắc cỡ.

Không có thêm thông tin gì khác về chuyện ấy, vì thế sau này nhiều điều phải giải thích khi chúng tôi khám phá hai chức năng của cái vòi nước này. Như thế cũng đủ. Mũi tên rung lên một hồi và cắm vào ngay giữa đích. Hào quang yên lặng xung quanh

cái bụng tròn của người mẹ, đó cũng là cách cho chúng tôi thấy tầm quan trọng của cái khối đang lớn lên trong bụng người mẹ và buộc chúng tôi phải cẩn thận khi nó tiến gần, gần như phải cách ra xa, vì thế cuộc sống trở nên mong manh hơn.

Thậm chí đôi khi phải có những hiểu ngầm. Minh chứng nằm trong hộp giày, cuốn tập hát của bà Aline lúc còn trẻ (cuốn tập này thuộc về..., đã kí) trong đó ngoài toàn bộ tác phẩm của Theodore Botrel, nhà thơ hát rong xứ Bretagne vùng Paimpol và cô vợ người cùng xứ, *tôi có hai con bò lớn, và Bạn quá bé nhỏ, người bạn của tôi* (ở tuổi 16, làm người ta nghi ngờ về chiều cao), chúng tôi bất ngờ nhìn thấy một vật gợi tình dài và thẳng, và các cô các chị đã đoán đúng, nó không phải là cái gì khác ngoài cái nịt vợ, và sự hiểu lầm này được tiếp tục cho đến câu thơ cuối cùng và hẳn là vào cuối bữa tiệc, mọi người đều thở phào nhẹ nhõm với lời bài hát *Con biết có một nhà thờ ở cuối thôn với tháp chuông phản chiếu trên mặt nước*¹.

Bà Marie đã làm thế nào để thông báo cho mọi người, hình như vào dịp Nine bắt đầu có kinh nguyệt, chính bà kể như thế, rằng vấn đề ấy đã lấy đi tám năm trong cuộc đời của bà: từ lúc mười tám tuổi (không phải là quá sớm) cho đến hai mươi sáu

1. Nguyên tác *Je sais une église au fond d'un hameau dont le fin clocher se mirent dans l'eau.*

tuổi - và rồi trong cơ thể yếu ớt của bà có gì đó làm lẫn của tự nhiên, như để bà không vướng bận vào chuyện yêu đương, để từ đó bà có thể sống như các Thánh và chuyên tâm trong việc dạy học trẻ em: hai ngàn bé gái trong vòng năm mươi năm, ba thế hệ, qua bao nhiêu chế độ Cộng hòa, hai Thế chiến, và bà vẫn tiếp tục cầu nguyện cùng với học sinh mình cho hòa bình ở Algerie.

Tài năng dạy học của bà, đó là một món nợ với Chúa, đi làm công việc truyền đạo của mình, rằng không một cây sung nào lại không ra trái. Chính vì thế bà đã dạy đọc, viết và đếm cho một phụ nữ gần như bị tự kỉ, một phụ nữ ở tuổi bốn mươi khép mình làm chúng tôi hơi sợ khi chúng tôi ghé qua nhà bố mẹ của cô ấy để đặt "một con gà cho năm người". Ngồi trong một góc tối ở nhà bếp, giữa bức tường và cái tủ kính, chiếc áo gi-lê đỏ phủ lên đôi vai gầy guộc bỗng hóa thành một chiếc áo dài rực lửa thiêu đốt người phụ nữ ấy, cô đứng đưa đầu, nhẹ nhẹ theo dòng suy nghĩ đơn điệu và tiếng cọt kẹt của chiếc ghế mây. Người ta cho rằng cả cơ thể của cô chuyển động như chiếc đồng hồ quả lắc, rằng cuộc đời của cô là để đo cuộc đời. Thình thoảng cô kéo cái cổ áo gi-lê siết quanh cổ họng mình rồi cô rùng mình như đang cảm thấy có luồng hơi lạnh từ bên trong. Khuôn mặt cô luôn cúi về phía trước bị phủ khuất đằng sau mái tóc dày, cùng lay theo nhịp chuyển

động của thân người. Hai bàn chân cô đặt lên nhau, mang đôi dép vải quá khổ, đôi tất dài xộc xệch. Cô lẩn tránh ánh mắt của mọi người và đáp trả lời chào của chúng tôi bằng một tiếng lầu bầu. Khi mẹ của cô ấy không cần thiết phải ra mặt khi chúng tôi ghé qua, cô ghi nhận đơn hàng vào trong một cuốn vở lấy từ ngăn kéo tủ kính, chữ viết của cô không liền mạch, nhưng chăm chú, có cái gì đó kì lạ, qua những bước đi khắp khénh của người đã từng bị liệt bán thân, đối với họ mỗi bước đi là một sự kéo mình ra khỏi đày đọa, và nếu cô không lè lưỡi, phải nhìn cô như thế này: oằn người trên trang giấy viết, nắn nót, như kẻ học việc thường xuyên, gặng viết từng nét như những trẻ sơ sinh đau đớn bọc trong chiếc lá dầy, gần như nằm ép xuống cánh tay trái, tạo với mái tóc một bức tường thành không để chúng tôi thấy, và rồi, khi việc hoàn thành, gương mặt cô không biểu lộ cảm xúc khó chịu hay vui mừng, cô đóng cuốn vở, đặt lại vào ngăn kéo cùng cây bút chì, rồi trở lại chiếc ghế bành, đầu cúi xuống, một dấu hiệu báo cho chúng tôi rằng chúng tôi có thể đi, để cô ấy lại với những vực thăm tối tăm dẫn ra lối đi dọc hàng cây bá hương về con đường lớn trong dải thiên hà. Quả đúng là những lần khác, cô thối tiền rất chuẩn xác. Bố mẹ cô rất hãnh diện về điều này, rất biết ơn bà Marie nên họ luôn gửi theo vài quả trứng gà của nông trại họ vào trong giỏ xách.

Có lẽ do thành công, hoặc được Chúa phù hộ, bà đã muốn đem tài năng dạy học của mình áp dụng cho bé Annie, nhưng lần này bà đã phải đầu hàng. Bé Annie, không tuổi, có cái đầu to mỉm cười và đôi mắt hí của người bệnh đao, tự do dạo chơi khắp thôn xóm trong bộ áo blouse của trường học, đôi vớ màu trắng kéo lên tận gò, mái tóc được kẹp lại gọn gàng, tự hào vì những dây ruy băng đẹp đã mang lại cho em giải thưởng lịch lãm, không ngừng nhắc đi nhắc lại với những người qua đường hỏi thăm sức khỏe của em, như một người Do Thái biệt xứ xa thành phố Jerusalem "Bé Annie mai đi Paris". Và ước mong của em được thực hiện, Paris là nơi em sẽ gặp cộng đồng những người bệnh rối loạn nhiễm sắc thể và chết ở đó, ở phía trên cửa tiệm bánh ngọt của chị Hai, ở phố Passy. Cô bé lại thông báo cho những người trong khu phố sang trọng, họ không có sự cảm thông như chúng tôi, rằng cô sẽ đi Paris vào ngày mai, giống như một người mới đến thành Roma và đi tìm La Mã nhưng không tìm thấy gì của La Mã tại thành Roma? Paris thật ra là từ duy nhất em biết đọc, nhờ vào cách thay vì viết chữ A thì vẽ hình tháp Eiffel của dì, và thế là khi đứng trước sự vĩ đại thực tế của công trình, hẳn bé Annie là người duy nhất trong số hàng triệu du khách viếng thăm đọc tên của thành phố hứa hẹn trong sự đan kết của các rằm sắt.

Bà Marie đáng thương, chúng tôi đoán bà sẽ can thiệp vào câu chuyện với giọng điệu của một bé gái vui tươi hồn nhiên gương ép như thế nào, dù không được ai mời phát biểu, chỉ đơn giản là bà giận vì không ai đoán hoài đến bà, bởi lẽ bà có thói quen luôn phải cho ý kiến trong mọi vấn đề. (Điều này làm bố khó chịu, không hiểu sao bà lại có thể cho ý kiến về một cầu thủ đá banh: dù bị la, bà cũng cố lặp lại tên của cầu thủ, chuẩn bị cho buổi tranh luận sắp tới bà sẽ nói về cầu thủ đó như nói về một người quen biết lâu năm). Nhưng ngày hôm ấy, chủ đề thảo luận không thuộc sở trường của bà. Bà cũng rất sợ, xem nó như một căn bệnh hủy hoại tâm hồn, khi bàn về sự hình thành cơ thể và việc tạo ra em bé, điều bà không bị buộc phải giảng dạy ở trường vào thời ấy. Ít ra bà cũng dám nhảy xuống nước cùng với mọi người, thay vì ngồi một mình trên hòn đảo của mình, qua việc nói về những điều bà biết về đề tài này, về kinh nghiệm ít ỏi của mình, như một viên đá nhỏ trong thành trì tri thức - và nếu không có Nine, sẽ không ai chú ý đến bà. Và thế là, trước việc mình không biết rõ lắm vấn đề mình nói, bà Marie già nua cứ lặp đi lặp lại như thể đó là một phần quan trọng trong vấn đề tế nhị về tình dục, rằng vào năm 26 tuổi, đối với bà, mọi chuyện đã được giải quyết xong, nghe bà nói vậy, việc mất kinh nguyệt định mệnh không làm bà đau buồn mà trái lại bà vui mừng vì

điều đó - như đã trút bỏ một gánh nặng hàng tháng phải nhớ, như một điều ban ơn của Chúa cho phép bà, với thân thể và tâm trí được thuần khiết, có thể dành hết cuộc đời đổ vỡ vào sự nghiệp dạy học, vì hào quang của Đấng Tối Cao.

Chúng tôi chế giễu bà, khi chúng tôi ngạc nhiên thấy bà không lập gia đình. Bà viện cớ rằng bà chỉ muốn lo cho bản thân mình, rằng bà không thiếu người theo đuổi, nhưng bà muốn giữ mãi cho riêng mình bí mật về những người đàn ông kia, dù chúng tôi nài nỉ dì kẻ. Nhưng, qua làn da tái mét của bà, chúng tôi cũng đoán được bà trông buồn bã, không mấy quyến rũ, nên chúng tôi hiểu vì sao bà đã chọn cuộc sống của một người gái già, người mẹ đồng trinh của bốn mươi đứa trẻ mỗi năm.

Có một lần chúng tôi bắt gặp bà làm dáng, đó là vào ngày cưới của bố và mẹ. Trên bức ảnh rước dâu, bà khoác tay ông ngoại, đồm dáng trong chiếc váy dài màu đen bó sát, chiếc mũ rộng vành đội nghiêng, đôi găng tay màu đen, túi đen, khuôn mặt nhỏ bé nhăn nheo của bà hát cao cầm ngạo nghễ, nhưng tóc thì đã bạc trắng. Khúc ca tuyệt vời của con thiên nga dành cho cháu trai vẫn không thể xóa hết ba mươi năm sống khổ hạnh, quên đi cả bản thân. Chúng tôi không thể tưởng tượng ra cảnh bà chạy khắp các cửa hàng, chọn cho mình một bộ đầm bó sát màu đen, đứng trước gương, và đôi tay vuốt dọc thân hình

tiêu tụy của mình. Chắc chắn bà đã nhờ ông ngoại để có bộ đầm, vì thật ra ông ngoại là người chọn phần lớn các trang phục cho buổi tiệc cưới. Nhưng bà có vẻ thích thú, không ngại chụp hình, cái đầu luôn nghiêng trên đôi vai như chúng tôi thường thấy và chúng tôi thường chọc gheo bà vì điều này, vì đó chính là hình ảnh thật của bà, nét đặc trưng của bà, đến nỗi sau đó, trước bức tranh những người phụ nữ của danh họa Modigliani, chúng tôi hơi thất vọng khi thấy một số đã cướp đi sự hãnh diện thuộc về bà Marie. Việc bà thay đổi trở nên chịu chơi như vậy, một lần trong cả cuộc đời cũng không phải là quá đáng. Hơn nữa bà cũng đoán ra rằng những cái nhìn ngưỡng mộ, những biểu hiện quan tâm là dành cho cô dâu chú rể, chứ không phải dành cho mình. Bà biết rõ mình không có vẻ cao sang kiểu dân Paris như ông ngoại, bên cạnh bà, trong bộ cánh ja-két với cách đi đứng quý tộc có được qua việc giao lưu với các bậc thầy. Chúng tôi có cảm giác thấy bà sẵn sàng mặc lại những chiếc váy biến dạng, quay về với cái bị bong tróc và ngôi nhà nhỏ của mình trong khu vườn ngay từ lần bước sai đầu tiên, và, khi ngày vui kết thúc, bà tiếp tục đếm ngược chu kỳ kinh nguyệt cuối cùng của mình, vào năm 26 tuổi. Và một lần chúng tôi muốn hỏi chuyện, thay vì ngồi chán chường trước những câu chuyện bà kể, chúng tôi ngạc nhiên phát hiện ra, vì bà sinh năm 1890, với những tính

toán của chúng tôi, anh trai Joseph của bà mất vào tháng 5, năm 1916.

Và chính vì thế bà nói với chúng tôi, kiểu băng quơ, về những chuyện bí hiểm của mình. Nổi đau bí mật lâu đời bà cố giấu, nổi đau phải cố nuốt như nuốt nước mắt, và với cái chết này cuộc sống của bà đã mãi mãi bị xáo trộn.

18

Khí hóa học đã được sử dụng cách đây một năm, tại miền bắc thành phố Ypres, trong trận chiến Steenstraat, đó là lí do người ta lấy tên của thành phố Ypres gọi tên cho phát minh trên. Nhưng cái phát minh này không làm cho tác giả tự hào như đối với nhà bác học Pasteur với phát minh quá trình vô trùng mang tên ông hay nhà hóa học Lecoq với việc tìm ra nguyên tố gali - từ có nguồn gốc La-tinh gallus, có nghĩa là coq (gà trống), và không phải cái kiểu lấy tên Pháp đặt khiến các nhà hóa học Đức tức tối và năm mươi năm sau đó đã trả thù bằng cách đặt tên germani cho một đơn chất kim loại mới tìm ra. Cái khuynh hướng muốn sát nhập tên các địa danh, cái kiểu làm độc tài này, rất đáng ngờ. Trong những phòng thí nghiệm bí mật, những con người ác độc sử dụng khí hóa học, các hỗn hợp khí clo để thử nghiệm trên nhiều con vật đáng thương - và trong tương lai, sẽ đưa vào trong các phòng hơi ngạt, biết rõ mình đang vi phạm Công ước La Haye mà

các nước thường gây chiến đã thỏa thuận để giảm chi phí, để sau này giao chiến với nhau theo kiểu truyền thống, theo kiểu các hiệp sĩ và đấu chiến tay đôi như trong cuộc chiến của Ba mươi hiệp sĩ (diễn ra trong bối cảnh chiến tranh chia cắt ở vùng Bretagne 1341-1365), họ chém giết lẫn nhau trên đồng cỏ của ba tỉnh, chỉ nằm trong phạm vi khu vực giao tranh và không gây thiệt hại đến những người không liên quan đến những mâu thuẫn của họ. Thế nhưng lúc ấy là thời bình, khi những người khỏe mạnh tưởng tượng mình là những kẻ bệnh biết lí lẽ. Hãy yêu cầu Joseph đừng gào thét đau đớn khi phổi bị thiêu cháy. Từ nhiều tháng nay, con số ba mươi đang biến thành con số hàng chục triệu, bị tàn sát, xác người chết chất đống bị chôn vùi dưới bùn lầy của tỉnh Somme và tỉnh Marne (hai tỉnh của Pháp), những kẻ hy sinh ngu ngốc trong trận giao chiến đẫm máu chỉ để dành lấy chiến thắng trên một ngọn đồi, rồi lại bị rơi vào tay kẻ khác vào ngày hôm sau, nhiều sư đoàn bị tiêu diệt sạch, những con tốt bị điều khiển trên các bàn cờ của các tướng điên rồ như tướng Nivelles, kế hoạch Schlieffen chống lại kế hoạch XVII, như hai con hươu sừng đang húc nhau. Những nguyên tắc chiến tranh, những nguyên tắc vô cùng quý giá ở Fontenoy, dưới lệnh của vị tướng cuối cùng, đã gây ra trong trận giao tranh hàng loạt người bị giết và để lại một cảnh tượng ghê rợn. Số

nạn nhân ngày càng nhiều. Nhờ vào khám phá của nhà hóa học đó mà chiến tranh ít tốn kém: một kí lô thuốc nổ mất 2,40 mác Đức, trong khi đó chỉ tốn 18 pfennig (tiền xu Đức) và dưới sức mạnh của khí clo là sự hủy diệt hàng loạt. Đối mặt với số tiền hàng tỉ của những nhà tài phiệt trong công nghiệp luyện kim, người ta đã nhắm mắt làm ngơ, để có được một chiến thắng rẻ mạt.

Và chính trong bối cảnh như thế Joseph nhìn thấy một bình minh màu vàng chanh trên bình nguyên Ypres. Sáng hôm đó, Chúa đã đến với họ. Ngọn gió tiếp tay đẩy màn sương xanh hướng về phía quân Pháp, đi sát mặt đất, như một thân thể to lớn mềm nhũn bao phủ những chỗ gồ ghề trên mặt đất, len lỏi vào trong các miệng hố, nuốt chửng những hàng rào dây thép gai, như một ngọn sóng dựng thẳng đứng trên biển Hồng Hải nhấn chìm các chiến hạm của đội quân vua Pharaon.

Đội trưởng ra lệnh khai hỏa. Ông cho rằng đằng sau cái màn đánh lừa sẽ là một cuộc tấn công diện rộng. Chắc hẳn đây cũng là lần đầu tiên người ta tìm cách tiêu diệt ngọn gió. Súng đại bác đã nã nhưng vẫn không đẩy lùi được màn sương khổng lồ vẫn đang tiếp tục tiến về phía trước, sôi sùng sục, từ từ, nhưng chắc chắn. Và giờ đây nó tiến lại rất gần, những binh lính cố giơ tay lên để bảo vệ, đôi mắt sợ sệt, họ tự hỏi người ta đã phát minh ra thêm sự tàn

độc mới gì nữa đây để làm họ đau đớn. Những đợt khí đầu tiên đổ ập vào chiến hào.

Thế đấy, trái đất không còn là một quả cầu xanh biển đồng nhất và đẹp như người ta có thể chiêm ngưỡng từ trên cao. Ở phía trên thành phố Ypres, một vết vàng chanh ghê rợn đang lan rộng. Ô, dĩ nhiên rồi, bình minh khí metan vào những buổi sáng đầu tiên trên thế giới không hề thân thiện, nhiều người muốn có được một màu xanh như vậy, với ánh sáng mặt trời qua đôi mắt khúc xạ, và cả cuộc sống vĩnh hằng của chúng tôi. Nó biến đổi theo mùa và sự nghiệt ngã của con người, khi đỏ gắt khi vàng nghệ, nhưng cái màu xanh lục ánh hồng dọc theo sông Yser lại ma quái. Giờ đây, màn sương khí clo tràn khắp các đường hầm, chui vào trong những nơi ẩn náu (là những tấm ván thô sơ đặt phía trên chiến hào), lưu lại trong các lỗ đào tạm, len lỏi giữa vách ngăn các hầm, xuống tận các căn phòng dưới mặt đất dùng để chứa các đầu đạn, nhiễm độc thức ăn và nước dự trữ, tiếp tục chiếm lấy không gian, và việc tìm kiếm không khí trong lành trở nên vô vọng, gần như điên loạn trong sự đau đớn tột cùng. Phản ứng đầu tiên đó là dùng áo bịt mũi, nhưng không khí nhanh chóng trở nên khan hiếm. Cần phải thoát ra khỏi màn sương, sau một hồi nín thở, lại hít phải cái khí ghê rợn. Chúng tôi chưa bao giờ thật sự được nghe những người già nua ở độ tuổi hai mươi, nhân

chứng của nỗi kinh hoàng này kể lại câu chuyện để chúng tôi hiểu được con đường của tội ác: cay xé không chịu nổi ở mắt, ở mũi, ở họng, những cơn đau trong lồng ngực nghẹn thở, ho dữ dội rách cả màng phổi và phế quản, máu trào ra miệng, cơ thể gập đôi cùng với từng cơn nôn chua chát, lăn ra đất co quắp chờ cái chết đến mang đi, bị dày xéo bởi những người đồng đội dùng cảm tìm cách, với đôi tay bám lấy thành chiến hào, leo ra bên ngoài, thoát ra khỏi đồng xác người lúc nhúc giã giụa như những con sâu róm, nhưng chân bị vướng vào các dây điện tín dọc thành chiến hào, và tiếp theo là đất lở, lộ ra những mảnh xác chết được chôn vùi sơ sài vào mùa thu trong hầm quân sự, và rồi vừa ra khỏi mặt đất, bắt đầu cuộc đua mệt mỏi qua làn sương xanh và hôi mùi đất, một cẳng chân bỗng nhiên bị hút vào trong vỏ bọc đất sét mềm nhũn, và việc cố gắng thoát làm phổi càng thêm đau đớn, những cú ngã gục vào trong các vũng nước hôi thối, tay và chân bị bao bọc bởi một thứ bùn lạnh băng, thân thể vẫn tiếp tục bị co giật bởi những tiếng rên đau đớn, và cuối cùng màn sương cũng đi qua - ôi không khí thật trong lành - những người sống sót cũng không thoát khỏi kiểu đánh trận xa xưa, với một trận bom dữ dội. Chỉ có những người vô cùng may mắn có thể quay trở lại hậu phương. Joseph là một người trong số họ - hoặc do một người ẩn danh tốt bụng mang về lúc ông

không còn ở xa mấy - nhưng tình trạng của ông thật đáng lo ngại: lở loét sâu, có thể bị mất một lá phổi. Người ta chở ông về Tours, cho thấy tình trạng của ông không khả quan. Ông thấy mình đang về gần nhà, rằng chiến tranh đã kết thúc. Ông cũng cố gạt đầu dù cơn đau dữ dội. Những người lành lặn không hay biết sẵn sàng hiến tặng một lá phổi cùng với lời hứa của những người phụ nữ sẽ nâng niu chiều chuộng ông.

Ngay lập tức, người ta đưa một trung đoàn lính Maroc đi lấy lại những vị trí bị thất thủ. Khí vẫn chưa bay đi hết, nhưng những con người sống trên sa mạc đã quen với bụi gió cát làm cay mắt và tức phổi.

Chuyến đi dài đến tận tỉnh Tourraine. Đoàn xe đi chậm để những người bị thương không phải chịu thêm đau đớn. Những xe cứu thương tạm bợ, những tấm treo thô sơ, những con đường mơ hồ, những ổ gà làm cho người bị thương kêu la. Joseph không còn kiên nhẫn. Giờ đây chúng tôi đã biết cuộc đời của ông sẽ kết thúc ở đâu, tốt hơn cứ tiếp tục đi mãi, càng đến chậm càng tốt. Nhưng ông đau đớn vô cùng, Chartres, Chateaudun, rồi Vendome - cuối cùng chúng tôi cũng gần về tới nhà.

Do bị sốt, qua những câu nói rời rạc, cùng với những co giật trên gương mặt, chúng tôi nhận ra ông tiếp tục có những ảo giác về cảnh tượng địa ngục đó, những xác chết chôn vùi nửa người, bị xé

toạc, từng mảnh, trên những dây kẽm gai, như những con chim sáo màu xanh treo lơ lửng bên trong lưới như đang cam chịu số phận, má áp sát mặt đất, họ nằm chờ cái chết, trong những tiếng nắc thô thiển do những viên đạn lạc, bị hất tung lên như những con rối bằng rơm dưới sức công phá của bom, vể lên bầu trời chớp sáng giắc mơ Icare bị gãy cánh trước khi ôm lấy bờ cát một lần cuối, miệng há to trước nỗi kinh hoàng, đôi mắt ngạc nhiên trước nỗi khổ tự chuốc lấy, trong khi đó những chiếc mũ cối lật ngửa đầy nước trong veo không lấm bùn, như một bình nước mong manh trông chờ ngày chim bồ câu quay lại. Nhưng những con chim đã bay đi nơi khác, bỏ lại bầu trời đẫm máu, gầm rú với tiếng bom nổ. Chỉ còn những con chim bồ câu đáng thương, được thả ra trong sự hỗn chiến, mang đi những bức thông điệp bí mật, và các binh sĩ nhắm bắn vào chúng, nhẹ nhõm vì bỗng nhiên được tham gia vào việc săn bắn chim bồ câu xám. Từ phía chiến hào đối phương là những tiếng reo hò vui mừng, như những đứa trẻ, khi người đưa thư bị chặn lại trên không rơi bịch xuống đất, và chúng tôi chỉ biết nguyện rửa họ vào những lúc như thế, bởi vì đó là cách để đáp trả cho nỗi bất hạnh của chim đưa thư bị bắn hạ.

Khung cảnh tang thương, mặt đất trống trải vương vãi những xác người, những cây súng dựng thẳng đứng, bùn lầy, đất sét quyện vào nhau, mùi ối

mưa hòa vào mùi hăng của thuốc súng bị đốt và của hổ chôn xác chết, mùi của thứ pha trộn (cái mùi của nhiều ngày không thay quần áo) vẫn còn chịu đựng được, khi tiếng súng nổ không còn nữa, gió mang đi những tiếng rên la của những người đang hấp hối, khắc chúng lên da thịt của những người sống đang thu mình câm lặng trước những cuộc đời đang biến mất như những lời tiên tri, làm tan biến chúng trong hơi thổi cuối cùng, ban đêm cũng không ngừng, cái sự tĩnh lặng nghiêm trang đó, nhưng lại là lúc chờ đợi, lúc cái chết đang lơ lửng và những gương mặt đang sạm đi, những binh đoàn được tìm thấy vào buổi sáng tinh mơ, bị cắt cổ trong giấc ngủ đầy tội lỗi, ban ngày dành cho pháo hạng nặng, báo trước sự tấn công mà người ta nghi ngờ sẽ sớm bị thất bại, cơn mưa bắt tận lau lau chùi chùi vết nguyên thủy, biến đất thành bùn lầy, làm ngập những hố bom nơi binh lính mang nhiều vũ khí bị chết chìm, nước mưa chảy xối xả vào trong các chiến hào, làm sập các thành lũy bằng cát, len lỏi vào trong cổ và giày, làm nặng tấm vải của trang phục, làm tan chảy xương cốt, xuyên vào sâu trong lòng đất, như thế thế giới chỉ còn là một cái xơ mướp, một đầm lầy địa ngục cho những tâm hồn đang đau khổ, cuối cùng mưa trên đoàn xe, đập nhẹ nhẹ lên nắp xe cứu thương, bỗng nhiên yên ắng, gần như quen thuộc, sáng lên dưới những ánh đèn pha như những con đom đóm,

như những viên ngọc nảy lên theo nhịp điệu xe lăn bánh trên đường, băng qua các thành phố tối tăm và khi đến gần thành phố Tours, vào lúc trời sáng, lao xuống lòng sông dưới chân những mảnh đất vua chúa của nước Pháp cổ xưa.

19

Joseph sẽ không chết. Em gái của ông, bà Marie đã đi một chuyến từ Random đến Tours, mang theo nhiều mề đay thánh, bà nhét dưới gối của anh trai mình và dưới gối của những người đồng đội ngay khi tới. Để làm được điều ấy, bà phải chờ các y tá áo trắng đang lượn qua lượn lại giữa các giường bệnh như những vũ nữ ba lê Nga quay lưng đi. Một vài cô trong số họ, những người chỉ tin vào khoa học và các giá trị của nó, giận điên khi thấy những bùa chú như thế, chỉ cần tiêm morphine là giải quyết mọi vấn đề. Vì morphine hiếm, mà mọi người đều cần, nên các y tá cân đong liều lượng cẩn thận, chia ra theo cách cảm nhận cấp độ đau đớn: mức độ kêu than thống thiết, giống như cặn kẻ cái chết. Khi thiếu thuốc, họ chọn cách bịt tai, la át cả những nỗi đau cộng lại. Cuộc chiến này đi quá xa. Mọi người đều thống nhất. Đây sẽ là cuộc chiến cuối cùng. Điều này là chắc chắn với Joseph và hàng triệu người khác.

Khi đến bên giường bệnh của anh mình, bà Marie đã không chần chừ bắt tay vào việc. Bà lôi ra cái tràng hạt, chọn vị Thánh của những nỗi đau - chính là Chúa, ngay khi các Thánh đã từng bị đâm, chà đạp, nấu sôi cũng có thể giúp - tay lần tràng hạt, bà cầu xin Chúa gánh vác thêm trên đôi vai rộng lớn của Người tiếng rít trong lồng ngực của anh trai mình. Bà tìm thứ gì đó có thể đánh đổi, vì bà chỉ có mỗi mình bà - thế là bà hiến dâng sự ham muốn hàng đêm chiếm hữu thân thể, bà hiến dâng máu của người phụ nữ. Máu đổi máu, việc đánh đổi công bằng. Hơn nữa, Joseph hồng hào trở lại, sắp có thể ngồi dậy trên giường, đòi ăn. Mùa xuân trên sông Touraine, nước sông Loire dâng cao khi tuyết tan, trong ly một nhánh hoa chuông trắng. Ông nói đến khả năng được về nhà, tỏ vẻ nhanh nhẹn, chọc ghẹo một cô gái trong phòng, hứa sẽ cưới cô ta ngay sau khi bình phục. Cô ấy cười (ít ra cũng là lần cầu hôn thứ 20). Bà Marie không mấy thích thú - với cái vẻ cau có. Và rồi ông lại cảm thấy mệt, húng hắng ho, muốn nằm nghỉ. Ông nằm xuống, duỗi tay dọc theo người, nhắm mắt lại. Sau sự hồi phục ngắn ngủi, tiếng rên lại nổi lên, lại sốt, những hình ảnh về cái cảnh tàn độc đó. Khi trời tối, người thanh niên có làn da tái nhợt rơi vào tình trạng hấp hối. Lần này, bác sĩ trưởng không còn hy vọng nữa. Cô gái được cầu hôn ghé qua thường xuyên trong bóng tối, và nhẹ

nhàng, để không làm phiền những ai đang ngủ, cô đặt lên trán của anh ấy một tấm khăn ướt, kéo tấm ra phủ lên tới ngực, và khi cơn ho tới bất thành linh, anh ấy ngồi bật dậy, cô ôm anh vào lòng như ôm một đứa trẻ và cho một muỗng sirô. Khi trời hừng sáng, khi một ánh sáng trắng rọi khắp căn phòng tập thể và người ta nghe thấy trong sự yên lặng của bình minh tiếng sóng vỗ trên sông, đôi mắt của anh ấy nhìn chằm chằm đáng sợ. Bà Marie là người đầu tiên đến và bà đã phải giật mình. Người ta nói với bà ông vẫn chưa chết nhưng bà cần chuẩn bị. Bà quay trở lại vào giữa buổi chiều, ánh mắt nhìn dễ chịu hơn.

Lúc bấy giờ người ta đã báo tử Joseph - tên của ông in trên nền một bức tranh thánh và ái quốc được bán 5 xu, dùng làm từ thiện, ở giáo xứ Commercy (thuộc tỉnh Meuse, quê hương bánh vỏ sò), bọc xung quanh bằng một dải viền đen mỏng, tượng trưng cho nỗi buồn ở trên đầu tựa của một tiểu thuyết anh hùng: "Chiến trường vinh quang" và có cái đề mục phụ của nhà xuất bản Nhà Ga: "Nơi dòng máu Pháp đã chảy thành sông từ 1914 đến 1916". (Chiến tranh vẫn tiếp diễn. Người ta thông báo sẽ xuất bản sau chiến tranh một tập catalog về những gì xảy ra ở nơi đây). Một cây thánh giá to màu đen, ở giữa là Chúa đơn màu, bao xung quanh là tên các vùng nước Pháp đã hứng chịu thảm họa: Artois, Serbie, Dardanelles, Marne và Meuse, Lorraine và Alsace,

Argonne, Yser, như một vòng hoa đáng sợ bao gồm các quận huyện của các thị trấn chịu nhiều tổn thất, theo số người bị chết, vì thế Vimy cũng được viết to như Lens, Dixmude cũng to như Ostende, Epargnes cũng to như thành phố Nancy. Và hình ảnh này nhắc cho chúng ta nhớ rằng chúng ta biết ơn Chúa vì chiến thắng anh tài ở Marne, và từ sau đó, tiền tuyến trở nên vững chắc. Và nếu trận chiến giống như được mô tả lại tài tình như thế, như cây gậy thánh giá của Clovis trên bầu trời Tolbiac, như Thánh Genevieve giải thoát Paris, Jeanne d'Arc Orleans và Leon Đệ Nhất xin Vandale Genseric con đường sống cho người dân La Mã, và cũng có thể Chúa đã ở với chúng ta, người Cha thất vọng thấy con mình lạm dụng sự tự do như thế nào và dành cho mỗi người cùng một sự thương hại và cùng một tình yêu buồn.

Kỉ niệm thiêng liêng của những vị anh hùng – tên được viết sau đó, dòng suối nhỏ đổ về con sông đỏ, những dòng máu thiêng - nhất là những kỷ niệm do em gái Marie viết ra bằng nét chữ nắn nót của mình, lúc đó bà chỉ mới là một cô giáo tiểu học trẻ tuổi, mất hai người anh trai trong lịch sử thế giới, lần đầu tiên lịch sử thế giới trùng với lịch sử của chúng tôi, và nó bị bỏ quên) và bà thêm vào bên lề, vì chỉ còn chỗ để viết tên và nó phải thật ngắn (đó là cách viết dành cho dân thường, cho những người lính trơn, trái dài trên những tượng đài liệt sĩ được khắc

theo kiểu viết lời khai, phá vỡ những hàng tên theo cách nền cộng hòa ghi công: “Hương dương 21 tuổi, bị thương ở Bỉ, qua đời ở Tours, ngày 26 tháng 5 năm 1916”. Và lời bình luận ngắn ngủi này đã giải thoát Joseph khỏi đêm dài mất trí nhớ.

Giữa hai đầu, trong khoảng giữa ba chấm, bằng mực tím phai theo thời gian, bà để lại điều bí ẩn của một cuộc đời vừa kết thúc. Bà hai mươi một tuổi. Chúng tôi biết điều ấy vì bà đã nói với chúng tôi như thế, ở tuổi mười bốn, tuổi tướng La Perouse đã biết điều khiến cả một chiến hạm, chính vì thế bảy năm sau trí nhớ của ông ấy giống như của một người từng trải trên đại dương, nhưng Joseph đi khỏi làng để chết và chỉ nhìn thấy một khung cảnh bị tàn phá, với những chuyến đi trên những toa tàu chở súc vật và trong xe cứu thương với tấm bạt che phủ đôi mắt bệnh, Joseph không biết đến phụ nữ, Joseph bị ném ra giữa địa ngục trần gian. Joseph quá trẻ cho hành động cao cả này, “Joseph qua đời” ngày 26 tháng 5 năm 1916, bà Marie đã viết như vậy.

20

Một năm sau, đến lượt Emile. Khoảng cách một năm này đã chia cắt hai anh em trên danh sách dài của đài tưởng niệm liệt sĩ: Joseph được xếp trong cột có tên những binh sĩ hy sinh năm 1916, Emile trong năm 1917, như thể hai người bị đày đi ở hai nơi xa nhau, nên đối với những ai tò mò khi thấy hai người mang cùng một họ, mối quan hệ ruột thịt hẳn chỉ còn là quan hệ anh em họ - trong khi đó giá như hai tên được đặt cạnh nhau, có lẽ họ được sát cánh nhau trong cái chết, hình ảnh hai anh em cùng hi sinh bên nhau, cùng bị đánh bom, mãi mãi chỉ là kí ức. Với cái chết của Emile, bà chỉ còn biết khóc thật nhiều, bà chia sẻ nỗi đau ấy với bà Mathilde, người góa phụ trẻ, mẹ của Rémi mà người cha chỉ thấy mặt trong lần về thăm nhà ngắn ngủi khi nó chào đời. Bước vào căn phòng trong bộ trang phục lính, lúc trời tối, ông nhẹ bước tiến lại gần chiếc nôi, nhìn vào trong và cẩn thận không làm rơi lên người đứa bé những khối lửa chiến tranh - bỗng nhiên vui mừng

khôn xiết khi thấy bàn tay nhỏ bé đang nắm chặt, đang chìm trong giấc mơ, mái tóc thiên thần, cái nét cong của đôi mắt đang nhắm nghiền, những đường thớ gân trong suốt, hơi thở mát rượi khó diễn tả đang thổi nhẹ trên bàn tay khắc khổ của Emile, như một lời yêu cầu im lặng. Nhắc chiếc khăn che vải mu-xơ-lin, Mathilde giới thiệu đứa bé cho ông chồng cao lớn của mình. Bà thấy ông vạm vỡ trong bộ áo nhà binh nhạt nhẽo ướp đầy mùi mồ hôi, bụi bặm, và nỗi đau của chiến tranh. Bà thấy được trong nét khắc khổ của chồng, qua những nếp nhăn mới trên gương mặt xung quanh miệng và trên trán, sự cơ cực của cuộc sống ở ngoài kia, lòng dửng dưng cảm mà ông phải luôn moi từ trong ruột gan của mình. Bà không dám kể về những thiếu thốn, khi ông phải hy sinh mọi thứ, bà cũng không than thở về những công việc nặng nhọc phải hoàn thành, những việc bà phải tự quyết, về nỗi chán chường, về ngày lễ Giáng Sinh nhạt nhẽo vắng bóng ông, về cái hang động nhỏ nơi Chúa sinh ra trên chiếc tủ com-mốt, với giấy bọc đồ giả làm núi và cái góc ở Palestine đó trở thành một nơi thời kì Magdalenian. Bà cảm thấy thật biết ơn và thật đáng thương. Đặt một tay lên sau gáy ông, bà thổ lộ sự thiếu vắng xót xa cử chỉ âu yếm ông dành cho bà, mặc dù, khi ngược mặt lên, ông mê đắm cái mùi hương nhẹ nhàng của người phụ nữ thoang thoảng hương phấn. Bà đã mơn mõi chờ đợi đến

mức không còn chắc mình có thể nhận ra nơi con người này cái người đàn ông bà vô vọng mong chờ. Giờ đây bà tự hỏi, khi ngắm ông đang ở bên cạnh bà, liệu chiếc áo bà đan có quá lớn với ông, khi bà giả bộ vòng tay ôm, đang thử nhớ lại vòng ngực của chồng mình, dựa đầu mình lên đó, cố tình tựa vào bờ vai bà đang tìm kiếm trong khi ông rút từng chiếc kẹp trên mái tóc bà với sự khéo léo, đặt chúng xuống chiếc bàn ngủ nơi bà sẽ lấy lại chúng vào sáng hôm sau khi thức dậy, sau khi ông trao lại bà đứa bé đang thức và khóc cho đến khi được nằm trên ngực mẹ, uống bầu sữa mẹ một cách ngon lành, vài vệt sữa chảy dài trên miệng. Khi đã no say, người cha bế đứa bé lên cao trong ánh sáng mờ yếu của hoàng hôn, vì sợ những vệt sữa trắng sẽ làm bẩn tấm drap xanh trải trên ghế. Nhưng Emile không quan tâm. Giờ đây ông cảm nhận một sự tự tin trong cuộc chiến sắp tới, như một vũ công sẵn sàng nhảy vào giữa hai làn đạn, cùng với kí ước về đứa bé mang vinh quang, chào đời vào một ngày 2 tháng 12, ngày kỉ niệm chiến thắng Austerlitz và ngày lên ngôi của Hoàng đế Napoleon, một dấu hiệu của điều gì không ai biết rõ, nhưng chú Rémi không bao giờ quên nhắc đến điều đó vào mỗi lần sinh nhật, với một dáng vẻ ông hoàng, đến mức nụ hôn cuối cùng của Emile dành cho đứa con trai trước khi ra trận và hy sinh ở nơi ấy lại giống

những lời từ biệt của vị Hoàng đế ở Fontainebleau trong căn phòng dán giấy hình ong.

Emile không có mặt trong lễ tang của mình. Trong nhiều năm, bà Mathilde tưởng niệm trước một cái mộ trống không. Nhưng chồng của bà đã chết, người ta đã tìm thấy thân thể của ông, tuy nhiên vào những ngày cuối cùng, trận chiến trở nên ác liệt và ngay cả những người khiêng cáng cứu thương cũng không thoát. Việc chuẩn bị trận địa cho trọng pháo trước cuộc tấn công diện rộng đòi hỏi kéo dài đến tám ngày, tám ngày đủ để xóa sổ một đất nước.

Những kẻ bất hạnh nằm sát đất không dám cựa cựa, bị xé rách màng nhĩ do những tiếng súng và tiếng dội bom, không thể với tay lấy bình nước, nhịn đói nhiều ngày chờ đợi người tiếp tế thức ăn (những người anh hùng tay không đi trong đường hầm mang trên mình một cái nồi to dùng nhưng không bao giờ làm chao đảo, đeo trên người những túi đầy bánh mì), ngủ mà vẫn mở mắt trên một gờ đất, tin chắc rằng thế giới cho đến ngày cuối cùng sẽ chỉ là cái khung cảnh ghê tởm này. Xác chết bị bỏ rơi dần dần chìm vào trong đất bùn, trôi vào tận đáy hố bom, và sẽ bị chôn vùi dưới bức tường đất. Trong cuộc tấn công họ vấp phải một cánh tay lộ ra trên mặt đất, một bàn chân và té nhào rồi trước mặt là một xác chết, họ rửa thầm – chính họ và cả người

chết. Một cách gây sự khó chịu, những cú ngáng chân xảo trá của những người đã chết. Nhưng họ đã tranh thủ để tháo những tấm thẻ bài lính quanh cổ xác chết, cứu những người vô danh khỏi sự quên lãng sau này, mang lại cho họ danh tính, như thế đối với binh sĩ, việc đánh mất tên mình còn trầm trọng hơn việc mất mạng. Hẳn nhiên bằng cách này họ đã báo cho bà Mathilde rằng ông Emile đã hy sinh, thân thể bị chôn vùi trong đất nơi vùng Hauts de Meuse. Và giả dụ ông Emile đã đánh mất thẻ bài lính của mình rồi có ai đó đã nhặt được? Hoặc ông đã trao đổi thẻ với một đồng đội để giữ bí mật hay để đánh lạc hướng một ông hạ sĩ dẫn độn. Có thật sự ông Emile đã chết?

Có những tù binh trở về từ rất xa, đôi lúc nhiều năm sau khi chiến tranh đã kết thúc, vẫn giữ hy vọng. Theo một số nhân chứng, một số người ít nhiều bị mất trí nhớ đã làm lại cuộc đời của mình ở khu mặt trận phía Đông. Một vài người làm công nhật đã tìm thấy trong ánh mắt xanh của một người phụ nữ Ba Lan vài mảnh đất mà họ không sở hữu ở đây. Đối với những người không có cửa, Tổ quốc ít biết ơn hơn là những người phụ nữ đơn độc đi tìm những vòng tay trai tráng. Họ kể những câu chuyện về những người lính đói khát, lạc lõng giữa những vùng đất bị tàn phá, và được những người phụ nữ thiếu chồng cứu mang. Một ổ bánh mì ngon và một

ít hơi ẩm cũng đủ để giữ chân những người lính cơ nhờ dù họ không muốn. Nhưng Emile có thật sự đi tìm ở nơi khác cái ông đang có ở đây?

Tia hy vọng hão huyền rằng một ngày Emile trở về tàn lụi theo thời gian, bà Mathilde đã ngay lập tức tìm thấy sự an ủi trong đạo, nhưng không theo kiểu em dâu của bà muốn, mà theo cách thức của riêng bà, mang tính hợp thời hơn, có nghĩa là theo lời đồn, bà đang qua lại với một cha xứ đầy quyền rũ. Dù sao điều này cũng tốt hơn việc tưởng tượng ra những cái ôm ấp vụng trộm. Hơn nữa cả hai người đều thích trò chuyện với nhau, cùng nhau hàn huyên về cuộc sống cô đơn - nói chuyện yêu thương cũng đủ như một thứ tình yêu chậm. Dù sao ông cha xứ này cũng đẹp trai: chính phụ nữ là những người đã đối đầu với Tòa án Do Thái và luật lệ La Mã, họ là những người đầu tiên đến bên ngôi mộ thánh, và phần thưởng cho sự trung thành này, chỉ dành cho họ, những người đầu tiên thấy Jesus phục sinh. Paul de Tarse viết những bức thư tuyệt hay làm mọi người ngưỡng mộ, nhưng nếu ông đến vùng Ephese hay Corinthe, sẽ chẳng có ai muốn nghe cái gã lùn nói cà lăm này. Cha xứ được trời ban cho gương mặt điển trai dùng để đưa những con chiên lầm đường lạc lối quay về với cộng đồng. Là một người mộ đạo từ thuở ban đầu, bà Marie nuôi lòng căm ghét những

người như thế, và cái cây thuốc lá cảnh của bà Mathilde đã phải hứng chịu điều này.

Bức thư gửi đi từ Commercy đã mất mười năm để đến được tay chúng tôi. Nó đánh dấu sự kết thúc tuổi trẻ của bà, giây phút *thoái vị* hay, nếu còn có thể mơ mộng, đó chỉ có thể là từ nay tự mình không cho phép nghĩ rằng rồi một ngày giấc mơ sẽ thành hiện thực. Ngay từ những dòng chữ chia buồn, chúng tôi hiểu ra rằng những gì chúng tôi mong chờ thật sự sẽ không bao giờ tới, không có một phép màu nào, không có chuyện người phụ nữ Ba Lan với đôi mắt to chiếm đoạt một người đàn ông Pháp nhỏ con lịch lãm, không có chuyện bị mất trí nhớ tạm thời, nhưng một điều chắc chắn, đó là Emile đã chết. Chỉ đơn giản rằng người bạn đồng đội của ông đã chôn ông một cách sơ sài dưới cây khuynh diệp, người này sẽ có thể chỉ nơi chôn ấy nếu gia đình mong muốn mang thi thể về an táng - và hình như đó cũng là ước vọng của người chết và lí do của việc lén lút này, để tránh việc chôn tập thể hoặc bị *phân hủy* dần dần trên chiến trường. Nhưng đã từ nhiều hàng chữ, đôi mắt bà Mathilde nhòe đi, và khi mí mắt nhấp nháy, nhiều giọt nước mắt đã lăn trên giấy. Không phải việc xác nhận cái chết, điều bà đã biết được cách đây mười hai năm rồi, nhưng cái điểm cuối khép lại sự chờ đợi, cái cánh cửa đó đang đóng lại. Bà ngấm lại

những điều hạnh phúc đã có trong quãng thời gian tuổi trẻ bị chôn vùi, và cái kết thật thảm hại: bao nhiêu nỗi khổ chỉ đổi lại một ít hạnh phúc.

21

Mùa đông năm 1929 là một trong những mùa đông khắc nghiệt nhất. Ngày mùng 2 tháng Hai, một gã say rượu được tìm thấy chết đứng lạnh còng dựa vào một thân cây (báo *Le Courrier de l'Estuaire* đưa tin). Ngày mùng 5, tỉnh Brière, vùng đầm lầy lớn thứ hai ở Pháp, sau La Camargue, một vùng vịnh gồm nhiều hòn đảo tạo ra do sự bồi đất, đã đóng băng chỉ trong một đêm. Những con hải ly vùng đầm lầy, loại hải ly vùng Appalache (dãy núi ở phía đông bắc Mỹ) được mang tới đây vào đầu thế kỉ, với mục đích mang lại cho người dân khu vực ở đây thêm một nguồn thu nhập từ việc bán lông hải ly, chúng bị kẹt trong băng đá khi đang tìm cách thoát ra khỏi tổ trên bờ đất đang bị chìm trong nước (báo *La Presqu'île de l'Ouest* đưa tin). Ngày mùng 8, trên bến cảng Saint-Nazaire đã trở thành thành phố Anchorage, một chiếc tàu buôn bị chìm do sức nặng của tuyết chồng chất trên cầu tàu. Trên những kho cảng và bãi biển rải rác xác chim

mòng biển và bồ nông, những cơ thể bé nhỏ trắng xóa, đầu rụt vào cánh khi đang tìm hơi ấm cuối cùng. Những tảng băng trôi dọc sông Loire, có một tảng băng khổng lồ suýt nhận chìm một tàu vét bùn ở khúc Saint-Florent - rất may là cái tàu Titanic chạy trên sông này đã được đẩy vào *mỏm cát ngầm*. Tuyệt sẽ sớm dày đặc và làm tê liệt cả nước. Xe lửa ngừng chạy, các đầu tàu được thiết kế như những xe dọn tuyết đang ra sức tháo dỡ những viên đá trên đường ray. Vào những lúc thời tiết khắc nghiệt, những người khốn khổ vẫn luôn là những người phải trả giá đắt nhất: những người ăn xin chui rúc trong hố hoặc trong một nơi trú tạm bợ, những người già cô đơn và những đứa bé yếu ớt, những con chó hoang và những con chim sẻ.

Chính trong lúc thời tiết băng giá này Pierre đã lên đường, cho dù Aline có phản đối, khuyên anh nên đợi khi trời ấm hơn, nghĩ rằng vào lúc này, ở chỗ đó, Emile không thể bay đi mất (chúng tôi hình dung ra sự hoảng hốt của những người phụ nữ chạy về phía ngôi mộ vào buổi sáng Phục Sinh đó và chỉ thấy một *đống* vãi băng nằm trong góc thay vì là một cơ thể đã được ban phép lành). Sau khi đã thử bằng con đường hành chính, mệt mỏi với các thủ tục nhà nước, quá bực bội, Pierre đã quyết định chính mình sẽ đi tìm người anh trai được chôn dưới gốc cây. Ông không muốn dời chuyến đi của mình, dù thời tiết

như thế nào, nhưng trước đó, à, một lời nhắn nhủ nhanh: cần phải nhớ rõ là ông đi vì việc buôn bán của mình, chỉ vì việc buôn bán, và không được nói một lời nào, không được nhắc tới lí do thật sự của chuyến đi, và tất cả chuyện này chỉ có chúng ta biết. Và vào buổi sáng ngày mùng 5, bỏ ngoài tai những lời khẩn cầu của Aline, ông lên đường đi Commercy, theo hướng sông Loire tới thành phố Orleans và từ đó, tận dụng đường bờ sông để đi về Montargis, Sens, Troyes và Bar-le-Duc.

Đằng sau một bức ảnh đẹp trắng đen lưu giữ sự kiện này, chúng tôi nhận ra chữ viết của bà Aline, như trong cuốn vở bài hát của bà. Bà ghi lại một cách ngắn gọn, giờ đây mọi nguy hiểm không còn nữa: ngày mùng 5 tháng Hai năm 1929, đi Commercy. Pierre lái một chiếc xe khổng lồ, to gần bằng xe buýt, hẳn là cần thiết cho việc buôn bán sỉ đồ gốm. Vô-lăng bên tay phải, nhưng không phải là chiếc xe của Anh, chỉ đơn giản vào thời ấy người ta sợ rơi vào hố hơn là sợ những xe chạy hướng ngược lại. Ông đặt khuỷu tay lên trên cửa kính đã được hạ xuống, mắt nhìn người chụp ảnh, ra vẻ hài lòng, vì ông biết những người lái xe giống như ông không phải là nhiều, và nhất là tại thị trấn này, và cũng có thể là chiếc duy nhất, dấu hiệu của một việc làm ăn khấm khá - vì thế ông có dáng vẻ của một người cao sang, mắt kính tròn và râu mép muối tiêu cong nhẹ. Ông

trang bị kỹ để chống lại cái lạnh: mũ, áo choàng, găng tay, khăn giữ ấm cổ.

Bà Aline đứng gần cửa xe, dáng người cao lớn và bệ vệ, một cái mũ len trùm sát đầu, cổ núp mình vào trong cái áo choàng bó sát, cổ lông cáo, điều này làm bà có phần lịch lãm. Để chống chọi với cơn gió lạnh thổi dựng đứng lông thú của khăn choàng trên người bà, bà cọ sát hai chân vào nhau, và thế là vào lúc chụp, bà phải giữ thẳng bằng trên đầu ngón chân, một thử thách thật sự với trọng lực. Bà có vẻ buồn, lo lắng, không hài lòng trước ông Pierre như một đứa trẻ đang chơi đùa trên chiếc xe tăng kì lạ. Bà cũng hiểu không có gì có thể làm ông đổi ý - và Joseph giống cha ở tính cách này. Nhưng đứa con trai lại không có mặt trên bức hình. Phải chăng chính người con trai ấy là người chụp ảnh.

“Em yêu, như anh đã từng hứa với em.” Đó là những dòng chữ đầu tiên Pierre viết trong cuốn nhật kí hành trình của mình, và chúng tôi hiểu ra rằng lời hứa viết báo cáo chi tiết là điều kiện để ông được đi. Ông đề cập đến những sự cố nhỏ nhất: cách ông chống chọi với cái lạnh, đó là đặt tay lên trên nắp xe còn nóng hổi, hệ thống sưởi bốc khói, một nhân viên bơm xăng nóng tính, một con mèo đen băng ngang đường và đối với ông đó là điềm gỡ - và điều này dường như được xác thực vì vào ngày hôm sau, trong lúc băng qua vùng Beauce hay Brie (“sa mạc

trắng”), ông đã lách xe để tránh một con gà, và thế là xe của ông đã trượt trên đường đóng băng và rơi vào hố. Ông phải cám ơn hai con bò đã giúp ông thoát chết và ông đã mời rượu người nông dân, nhưng anh này phẩy tay từ chối mọi sự tạ ơn. Cuốn sổ nhật kí cũng là cuốn ghi chép chi tiêu. Pierre muốn cho mọi người thấy chuyến hành trình này không hề dễ chịu. Ông chọn nhà nghỉ dựa vào mặt tiền đơn sơ, buổi trưa ăn nhanh, nhưng bữa tối lại có chất hơn, buộc chúng tôi phải chọn cùng lúc với ông giữa món súp ragout và món thịt gia cầm rô-ti. Ông sẽ thưởng thức món súp ragout và ông nói rõ rằng nó không thể so sánh với món súp ragout do nhà làm.

Ông lái xe cẩn thận băng qua những cánh đồng phủ tuyết, ghi nhận tình trạng các con đường, miêu tả nhiều cảnh vật, những biến đổi, sự xuất hiện của các hàng cây xanh, các ngọn đồi, sự khác nhau về trồng trọt, những vùng đất có rừng, như một giờ học địa lí cấp tốc bằng hình vẽ. Khi đến thị trấn Sens, ông trầm trồ thật lâu trước nhà thờ Saint-Etienne, ghi lại phần mô tả công trình trước lối vào, nhưng sự phấn khích đó làm chúng tôi tự hỏi có phải nhà thờ này với những đường nét duyên dáng đã gợi nhớ nơi ông hình ảnh người vợ vừa mới từ biệt. Trên đường đi, ông ghi nhận những cửa hàng ngũ kim, những hiệu buôn đồ gia dụng, đôi khi ông vào trong một cửa hiệu (để lấy ý tưởng, ông nói thế), chê bai kiểu

vớ dài ở thành phố Troyes, xếp loại các thành phố theo mức độ sạch sẽ. Khi ở vùng nông thôn hẻo lánh, ông ghi chú việc thay đổi ánh sáng, khi trời nắng gián đoạn, những phản chiếu màu xanh của sương giá, những nhánh cây với vỏ bọc óng ánh. Màu trắng tuyết làm ông lóa mắt: ông dán lên trên tròng kính những miếng giấy màu trong suốt lấy từ vỏ bọc kẹo ngậm, và thích thú với sáng kiến đó: một anh hề trong kính chiếu hậu. Ông mũi lòng trước một người ăn mày vô gia cư, sống vất vưởng gần như chết đói và lạnh, ông đưa anh ta đến thành phố gần nhất và dúi vào tay vài đồng, nhưng ông lại chửi rủa nhóm người du mục đang rét cóng vì những chiếc xe kéo của họ đi chậm buộc ông phải chạy từng bước theo sau.

Ông cũng nói về những người anh em đã chết, người anh mà ông sẽ tìm thấy dưới cây khuynh diệp và sẽ không bao giờ được ôm thẳng bé Rémi vào lòng, ông nhắc lại những lúc đau khổ của cả ba anh em trong thời kì chiến tranh tàn ác. Ông không thể không ghé qua thành phố Verdun, và ở Lemmes, trên con đường mang tên Voie Sacrée, ông dừng chân trước một quán cà phê nhỏ, tại đây những người thoát chết như ông, lành lặn hoặc bị thương nặng, cùng nhau chia sẻ những kỉ niệm chung. Những người hành hương mang nỗi đau chung này đều tự nhận ra nhau mà không cần nói một lời, kể cả

những người Đức, họ chào nhau bằng cái gật đầu trước khi ngồi xuống, không đủ sức thoát ra khỏi cái cảnh tượng đau thương này, nơi đây sự sống còn không có giá trị quan trọng nữa, nhất là từ khi nó không còn mùi vị như xưa. Gần quán cà phê, có một cửa hàng đồ lưu niệm của một người đàn ông chỉ còn phân nửa (nói về chiều cao). Người chủ cửa hàng chắc sẽ không than phiền việc ông mất chân nếu như ông còn tay để chống nạng. Mỗi sáng vợ ông đưa ông đến cửa hàng, và ông ngồi đó đợi, lưng người thẳng đứng, khi tối đến vợ ông tới đón về. Để mua giúp ông một thứ gì đó, Pierre đã chọn vài bức tranh thánh, được in vào thời chiến, cho cô em gái. Một trong bức ảnh đó đến từ Commercy.

Nhưng ông nghĩ nhiều nhất đến người vợ của mình, những suy nghĩ soi bóng, những ngôn từ yêu thương được lồng ghép, đã chiếm đầy các trang nhật kí theo thời gian cho đến lần nổi nhớ thương bỗng dâng trào khi ông đang ở Bar-le-duc, trong một căn phòng khách sạn buồn bã, ông thổ lộ ở phía cuối trang nổi niềm này, mong manh như một ham muốn của trẻ thơ, ông nhớ vợ vô hạn - "vô hạn" được nhấn mạnh nhiều lần, trong lúc này từ này nói lên tất cả, như thể sự vô hạn này hoàn toàn tương xứng với hình ảnh của người vợ vĩ đại của ông và chỉ cần sự hiện diện của bà cũng đủ lấp đầy khoảng trống của cuộc đời chúng ta. Qua điều thú nhận này, cùng lúc

với tấm dán tường cũ kĩ của căn phòng, cái bình bằng sứ trong cái chậu và cái bình nước trên chiếc bàn ngủ, trong tíc tắc, chúng ta hiểu được sự ham muốn tột cùng của Pierre đối với người vợ không duyên dáng của mình.

Giờ đây ông mong kết thúc sớm chuyến đi. Ông không thơ thẩn nữa, thậm chí không nấn nót trong chữ viết của mình, từ bỏ kiểu nói màu mè và nghiêm túc của một người học sinh ngoan, thay vào đó là những câu ngắn gọn - ông tập trung vào việc thực hiện mục tiêu của mình. Dĩ nhiên, cây khuynh diệp, dù chỗ của nó không phải ở một độ cao như thế, sẽ không chết vào một mùa đông sau những năm chống chọi kiên cường, và bị đốn ngã, với may mắn có thể sẽ được tác giả bức thư tìm ra nhờ vào gốc cây màu trắng, người này chỉ ngạc nhiên tại sao phải chờ câu trả lời lâu như thế. Và sau khi giới thiệu, sau khi đọc xong câu chuyện kể những giây phút cuối đời của Emile, cả hai cầm xẻng và cuộc đi tìm cây miền Nam - khu rừng Commercy, vang lên tiếng xạo xạt của những bước chân trong tuyết.

Ở sâu dưới gốc rễ, đất bị đóng băng sâu. Những cú đập vang lên trong rừng sâu. Những nhánh cây rung chuyển theo và rũ bỏ mọi bụi tuyết trắng trên vai - sau nhiều nỗ lực vô vọng, băng chỉ vừa mới tan. Nhưng nếu như thế chắc phải chờ đến Tết Congo. Pierre không thể đợi nữa. Thế là người kia có ý tưởng

khác. Cả hai quay lại tìm thùng giặt quần áo, bỏ đầy tuyết vào, đặt nó lên trên đồng lửa đốt bằng cành cây khô, sau đó họ đổ nước sôi lên trên khu đất đóng băng, họ chờ, rồi bắt đầu đào xới cái chỗ bùn nóng đó, và dần dần, như những nhà khảo cổ học cẩn thận, họ tìm thấy người bị chôn vùi. Thế nhưng khi thấy cơ thể lộ diện, gần giống như tìm thấy chén thánh, Pierre chỉ nói đơn giản rằng khó có thể nhận ra anh trai mình trong tình trạng thi thể không rõ ràng do bị phân hủy dưới tác động của chất axit có trong đất, sự ẩm ướt và những thay đổi của thời tiết: những mảnh áo varoi, khuy dây nịt còn nguyên vẹn, vài mảnh da còn sót lại trên tay và mặt, toàn bộ đều bị đất đá lạnh băng bao phủ - và để lấy chúng ra, không còn cách nào khác là phải tiếp tục đổ lên trên những gì còn sót lại của một con người, như đổ lên kẻ đang vây hãm thành, nước vừa sôi, và hậu quả - khi hơi nước ở phía trên miệng hồ tan biến, thôi đã quá muộn - trong cái đồng hồ lớn nóng bỏng những mảnh da cuối cùng đã bong ra. Giờ đây xương lộ trắng toát, họ rút từng chiếc, nhúng vào trong thùng giặt để lau sạch, đặt chúng trên tuyết theo một thứ tự rõ ràng, theo đúng cấu tạo cơ thể, và thật kinh hoàng, họ đếm thấy số khuy chân nhiều hơn bình thường, hai lồng ngực, và bây giờ thêm một hộp sọ, và người kia tỏ ra bối rối trước cái nhìn thảng thốt của Pierre, khi nhớ ra rằng ông đã tận dụng việc đào

hổ để chôn xác chết thứ hai đang mục nát gần đó, thế là vấn đề khó giải quyết, tất cả các xương đều không thể cho phép nhận biết khi những mảng da cuối cùng đã không còn nữa: Trong hai bộ xương, cái nào thuộc về Emile? Pierre tuyệt vọng thử đại một cách: vì anh trai và ông đều có *cùng cỡ đầu*, nên ông thử đội chiếc nón vào sọ, nhưng cả hai hộp sọ đều bị móp, hơn nữa không có phần tóc, Pierre đội lại mũ sau khi phủi sạch ở phía bên trong nón. Có lúc Pierre tính chơi trò úp ngửa để chọn (quan điểm của Simon de Montfort: Chúa sẽ nhận ra được ai là con của Người). Với điều kiện vẫn còn bộ xương hoàn chỉnh - và rồi sau một hồi suy nghĩ, ông chọn bộ xương thứ hai được đào lên, vì ông suy luận rằng xác của anh trai mình hẳn là được đặt vào đầu tiên, nhưng tác giả bức thư không chính thức công nhận điều đó, người này tự hỏi liệu có phải ông đã đẩy cái xác chết bị phân hủy nhất xuống hố đầu tiên, nhưng rồi vì sợ mất xác của anh trai mình với cái trò chơi xác suất, Pierre kết luận vấn đề đã được giải quyết: ông mang cả hai đi.

Họ quay lại sau đó với những thùng đựng bánh vò sò mà người kia, nhân viên của xưởng chế biến, đã sử dụng để nuôi thỏ. Đừng nghĩ đến việc sử dụng quan tài: phải có giấy phép khi đi qua mỗi tỉnh, và trường hợp của Emile quả là phức tạp, làm sao giải thích có một người thứ hai. Họ sắp xếp các xương

vào thùng để chúng không bị lặc lự, chèn rơm vào giữa các xương như khi vận chuyển bát đĩa dễ vỡ, đưa các hộp lên xe, giấu chúng dưới một tấm phủ, và khi mọi việc đã xong, Pierre báo ông sẽ sớm về nhà. Thế là, ông lái xe một mạch, chạy nhanh trên con đường phủ tuyết, nhiều lần suýt lao xuống hố, tránh những thành phố lớn bằng các con đường tắt, tận dụng lúc vắng xe do thời tiết, tận dụng lúc chỉ có một mình giữa trời tuyết trắng để che đậy tội ác của mình, chỉ dừng xe để mua thức ăn, đổ xăng và ngủ một hai tiếng bên lề đường, ghi chép lại diễn biến việc đào mộ theo kiểu điện tín vào cuốn sổ tay được giữ thẳng bằng trên vô-lăng xe. Chúng tôi không biết gì thêm những phần sau đó. Chỉ có người đàn bà đã làm ông phải chạy nhanh đến như thế sẽ là người đặc quyền biết được đoạn kết đầy lồi cuồn.

Khi bà Mathilde qua đời, khi hầm mộ được mở ra, người phu mộ ngạc nhiên phát hiện ra những miếng xương nhỏ bên cạnh những tờ quảng cáo bánh vỏ sò. Nhưng đó là thằng bé Yvon trong giai đoạn cuối: cũng không quá khó để thuyết phục nó rằng chiến tranh đã giết chết nhiều lính trận đến mức không đủ thanh gổ để khâm liệm họ.

22

Vào ngày lễ các Thánh năm 40, ông ngoại đi cùng con gái Marthe đến nghĩa trang, nơi đứa con đầu lòng của di an nghỉ dưới một mảnh đất nhỏ được phủ bằng những viên sỏi trắng, như trong một chiếc phi thuyền ma bé nhỏ cuốn vào trong khói sương của thế giới bên kia, ở phía trên là một cây thánh giá bằng thạch cao, ở chính giữa là gương mặt của một thiên thần nhỏ nằm trên đôi cánh chim sẻ. Dưới bầu trời âm u của tháng Mười một, khi họ khoác tay cùng nhau đi lên một con đường thẳng dọc theo những ngôi mộ bé tí nằm hai bên, ông ngoại hỏi con gái về người đàn ông có nét giống Leon Blum ở đằng kia đang thương khóc ai, đau buồn trước một ngôi mộ được xây bằng đá hoa cương xám, được một người thanh niên vạm vỡ đứng bên cạnh đỡ và đang tìm cách lôi người ông ta ra khỏi sức hút của tảng đá bia mộ. Và Marthe, người biết nhiều chuyện ở Random, nói rằng đó là cô Aline cao lớn đã qua đời giữa mùa hè, người chủ cửa hàng

đồ sứ bên cạnh nhà thờ, kể về giọng nói nhỏ nhẹ của cô, những thảm kịch của những đứa con chết lúc sinh, về dáng vóc to kềnh và hàm răng vàng của cô, và người đàn ông đau buồn ấy chính là chồng cô, còn người thanh niên dễ thương cao lớn hơn mọi người là con trai Joseph của họ, đứa con út mà họ không hy vọng sẽ có, và người đàn bà nhỏ bé với mái tóc bạc đang rảo bước nhanh về phía họ, đầu rụt vào vai, đôi chân mày cau lại, là cô giáo tiểu học tuyệt vời nhất của vùng Loire-Interieur.

Một năm sau, cũng đúng vào ngày lễ các Thánh, người thanh niên chỉ còn một mình trước ngôi mộ bằng đá hoa cương. Bản sao của Blum đã không mất thời gian, và ông ngoại sững sốt khi thấy việc ra đi theo người vợ của mình lại đến nhanh như thế. Thời gian sau đó ông muốn chọc thủng điều bí mật ấy, từ những manh mối được cất giữ trong một chiếc hộp đựng giày: thư từ, hình ảnh, bản đồ chiến trận và cuốn sổ ghi chép về chuyến đi đến thành phố Commercy, những điều thổ lộ tâm tình của người chồng dành cho người vợ không bao giờ rời xa ngoại trừ khi ông phải đi đánh trận, như thế chuyến đi dài ấy không nhắm đến mục tiêu nào khác là rời xa người vợ để có thể tiếp tục gửi những bức thư yêu thương trong những năm tháng khó khăn, thổ lộ với vợ điều mà chỉ có mạch lạc viết ra mới thổ lộ hết, tìm lại cái cảm xúc tươi mới của sự thiếu vắng, tạo sự xa

cách hơn để xích lại gần hơn và mạnh mẽ hơn. Giam mình trong tầng chứa đồ, ngồi lục lại những vết tích cổ xưa về tình yêu của đôi vợ chồng này, ông ngoại xem đi xem lại bức hình của Pierre chụp ngoài tiền tuyến, với băng vải bông quấn ở chân, trong bộ trang phục xanh da trời, khúm núm trong bộ áo varoi khô cứng, đầy gỉ sét, súng dựng chĩa lên trời, tay cầm nòng súng, tròng kính mờ, cái mũ cối hơi nghiêng làm cho ông có vẻ kiêu kỳ, trừ phi cái kiểu đội này là trò đùa của một người bạn. Đằng sau ông Pierre, lơ lửng trên một thanh gỗ gắn vào thành chiến hào, một bình nước và một túi vải chứa lựu đạn, trong một không gian nhỏ đã được cải tạo lại, một bức tượng Đức mẹ, hẳn là có bàn tay của cô em gái Marie. Ông dùng thời gian để sắp xếp mọi thứ, ông đặt tẩu hút của mình xuống một băng ghế tạm bợ. Từ cái miệng của tẩu hút, một luồng khói mỏng bốc cao, giống như kiểu liên lạc của người da đỏ không đưa thông tin gì nhiều cho bên đối phương. Hơn nữa, bên phía đối diện, họ cũng hút thuốc, cũng viết cho gia đình, và nguyên rửa ban chỉ huy, chỉ với một cái lệnh bất ngờ, họ lại phải tiếp tục chìm đắm vào nỗi đau và buồn lầy. Thành chiến hào cao hơn ông một chút. Nếu ông không ló đầu ra thì không cần sợ một tay súng thiện xạ nào. Ông chỉ cao một mét bảy mươi và, theo ghi chú trong cuốn sổ tay quân sự cũng được cất vào trong hộp đựng giày, có đôi mắt màu

đỏ hung. Màu đỏ hung? Ông ngoại tự nhủ với đôi mắt màu như thế, tất cả các bà vợ đều có làn da đẹp màu đồng này, cái thứ mà chính ông ngoại cũng đã muốn tìm kiếm trên thân thể của người phụ nữ của đảo Levant.

Trong sâu thẳm của sự khiếp sợ Pierre mỉm cười, đó là tin tốt nhất ông gửi. Người nhận niềm hạnh phúc ấy là người được nhắc trong lời đề tặng phía sau bức ảnh: "Tặng người phụ nữ tôi yêu." Và ông ngoại lật qua lật lại bức ảnh trong tay, như thể bằng cách lật nhanh như vậy ông ngoại sẽ tìm thấy chiếc cầu bí ẩn nối tiền tuyến với hậu phương, nối nơi chôn tang thương với lời đề tặng dịu dàng như thể một khoảng không tiếp diễn giữa tình yêu và cái chết, thể hiện qua các ngày tháng không cách xa được ghi trên tấm bia.

Vào lúc ấy, ông ngoại nhìn thấy người thanh niên cao lớn khoác bộ áo tang đang nghiêng người trước bố mẹ anh ấy, theo đúng đường nghiêng của cây bách dưới tác động của gió tháng Mười một. Ta có thể tưởng rằng anh ấy đang ngần ngại muốn nằm xuống cùng, như được nằm lại cái vị trí ấm áp của một đứa trẻ kỳ diệu nằm ở giữa bố mẹ, như thể anh cũng đã chuẩn bị nhận lệnh khi được gọi lần sau. Cái dáng cao lớn bất động, đang do dự, giữa những cây thánh giá. Sức mạnh đã làm anh sống tới lúc này đã không còn nữa. Vẫn chưa đến tuổi 20, mồ côi, không

tiền bạc, và xung quanh là chiến tranh, ai có thể chọn lựa giúp anh ấy? Đám đông dần dần rời nghĩa trang, và anh ấy ở lại một mình, với sự im lặng bên trong, trước tiếng gọi của bố mẹ từ năm mồ, lạnh lùng trước những cái đập vai vụng về của bạn bè, trước những lời an ủi động viên mà đa số chỉ dừng ở việc gọi tên của anh. Bà Marie đến từ phía sau, nắm lấy áo choàng kéo anh ấy đi, bà cố nài nỉ, và sau vài lần, cũng đã làm anh thay đổi quyết định. Anh muốn thử một lần nữa. Anh đi lên con đường chính, bên cạnh là bà cô, một con người nhỏ bé nhưng cứng đầu - ồ hãy ngừng mọi thứ!

CHIẾN TRƯỜNG VINH QUANG

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN ANH VŨ

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. LA KIM LIÊN

Biên tập: Nguyễn Thu Hà

Bìa: P.D.C

Trình bày: Tao Đàn

Sửa bản in: Tao Đàn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 04.37161518 - 04.37163409 * Fax: 04.38294781

Website: www.nxbvanhoc.com - www.nxbvanhoc.vn

Email: tonghopvanhoc@vnn.vn

** Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh*

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 08.38469858 * Fax: 08.38483481

** Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng*

344 đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng

Điện thoại & Fax: 0511.3888333

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH TAO ĐÀN

12C Hàng Than- Ba Đình - Hà Nội

Tel: 04. 2214 9698 | www.sachtaodan.vn | info@sachtaodan.vn

In 2.000 cuốn, khổ 13x20,5cm, tại Công ty CP In Sách Việt Nam, số 22B Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số ĐKXB: 2238-2016/CXBIPH/34-138/VH, cấp ngày 12 tháng 7 năm 2016. Số QĐXB: 1566/QĐ-VH của NXB Văn Học cấp ngày 23 tháng 08 năm 2016. Số ISBN: 978-604-69-9131-1. In xong và nộp lưu chiểu năm 2016.

Chiến trường vinh quang là một câu chuyện kể về Sự sống và Cái chết, là hoài niệm và nhớ thương của lịch sử gia đình chính tác giả — Jean Rouaud. Đan xen những hồi ức triu mến về người cha giỏi giang nhưng lại yếu mệnh, những câu chuyện hài hước nhưng âu yếm về ông ngoại Alphonse khó tính, bảo thủ lập dị, cả những tình cảm trân trọng yêu thương bà cô Marie sùng đạo nhưng lơ đãng, tác giả đã đưa người đọc đến với những ký ức buồn về cái chết của hai anh em trong gia đình, Joseph và Émile, những người đã hy sinh trong Chiến tranh thế giới thứ I và cuộc hành trình về chiến trường xưa để tìm di cốt những người đã ngã xuống sẽ còn ám ảnh độc giả bởi tính chân thực và nhân văn của nó.

Bìa: *The Void*, Paul Nash, 1918

CHIẾN

lên văn

gây cảm

quốc gia, những hoài niệm của gia đình, hồi ức về những người đã ngã xuống, về những mất mát không bao giờ xoa dịu được. Với *Chiến trường vinh quang*, Jean Rouaud đã thổi một làn gió mới vào đề tài chiến tranh trên văn đàn Pháp, cùng một giọng văn bình thản nhưng cảm động, dí dỏm hài hước nhưng hoài niệm tràn đầy. Bởi thế, khi vừa ra mắt năm 1990, *Chiến trường vinh quang* đã đoạt ngay Giải Goncourt – giải thưởng danh giá nhất của văn học Pháp.



www.sachtaodan.vn
info@sachtaodan.vn

TIỂU THUYẾT

Giá: 86.000 đ

ISBN 978-604-69-9131-1



9 786046 991311